|  |  |
| --- | --- |
| **UBND THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC**  **PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  **TRƯỜNG THCS THẠNH MỸ LỢI**  **Số: /KH-ABC** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**

**DẠY HỌC BỘ MÔN: LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 6, ĐỊA LÍ 7,8,9**

**Năm học 2021 - 2022**

**I. Đặc điểm tình hình**

**1. Số lớp: 20; Số học sinh: 808; Số học sinh học chuyên đề lựa chọn** (nếu có)**: 00**

**2. Tình hình đội ngũ:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ và tên giáo viên** | **Tổng số GV** | | **Cân đối** | | **Trình độ chuyên môn** | | | | **Chuẩn nghề nghiệp** | | | |
| **Thừa** | **Thiếu** |
| **Trên ĐH** | **Đại học** | **Cao đẳng** | **Khác** | **Tốt** | **Khá** | **Đạt** | **Chưa đạt** |
| **Nam** | **Nữ** |
| 1 | Trần Thế Luân | x |  |  |  |  | x |  |  | x |  |  |  |
| 2 | Trương Thị Kim Loan |  | x |  |  |  | x |  |  | x |  |  |  |

**3. Thiết bị dạy học:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Thiết bị dạy học | Số lượng | Các bài thí nghiệm/thực hành | Ghi chú |
| 1 | Máy tính, máy chiếu | 1 | Các tiết dạy trên lớp. |  |

**4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên phòng | Số lượng | Phạm vi và nội dung sử dụng | Ghi chú |
| 1 |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |

**II. Kế hoạch dạy học**

A **Khối 6:**

**1. Phân phối chương trình**

**KHUNG KẾ HOẠCH DẠY HỌC BỘ MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÝ- KHỐI LỚP 6**

**105 tiết/35 tuần (Sử: 47 tiết; Địa: 46 tiết; KTĐG: 12 tiết)**

**HKI:** 18 tuần (Sử: 2 tiết/tuần – Địa: 1 tiết/tuần)

**HKII:** 17 tuần (Sử: 1 tiết/tuần – Địa: 2 tiết/tuần)

| **STT** | **Bài học**  **(1)** | **Số tiết**  **(2)** | **Yêu cầu cần đạt**  **(3)** | **Nội dung tích hợp/lồng ghép**  **4)** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **PHẦN LỊCH SỬ THẾ GIỚI** | | | | |
| 1 | **Chương 1: Tại sao cần học Lịch sử**  Bài 1. Lịch sử là gì? | 2 | - Nêu được khái niệm lịch sử và môn Lịch sử.  - Hiểu được lịch sử là những gì đã diễn ra trong quá khứ.  - Giải thích được vì sao cần thiết phải học môn Lịch sử.  - Phân biệt được các nguồn sử liệu cơ bản, ý nghĩa và giá trị của các nguồn sử liệu (tư liệu gốc, truyền miệng, hiện vật, chữ viết,…). |  |
| Bài 2. Thời gian trong lịch sử | 1 | - Biết được một số khái niệm và cách tính thời gian trong lịch sử: thập kỉ, thế kỉ, thiên niên kỉ, trước Công nguyên, sau Công nguyên, âm lịch, dương lịch,… |  |
| 2 | **Chương 2: Thời nguyên thủy**  Bài 3. Nguồn gốc loài người |  | - Giới thiệu được sơ lược quá trình tiến hóa từ vượn thành người trên Trái Đất.  - Xác định được các dấu tích của người tối cổ ở Đông Nam Á.  - Kể tên được những địa điểm tìm thấy dấu tích của người tối cổ trên đất nước Việt Nam. |  |
| Bài 4. Xã hội nguyên thuỷ | 2 | - Mô tả được sơ lược các giai đoạn tiến triển của xã hội nguyên thủy.  - Trình bày được những nét chính về đời sống của người nguyên thủy (vật chất, tinh thân, tổ chức xã hội,…)  - Nhận biết được vai trò của lao động đối với quá trình phát triển của người nguyên thủy cũng như của con người và xã hội loài người.  - Nêu được đôi nét về đời sống của người nguyên thủy trên đất nước Việt Nam. |  |
| Bài 5. Sự chuyển biến từ xã hội nguyên thuỷ sang xã hội có giai cấp | 2 | - Trình bày được quá trình phát hiện ra kim loại và vai trò của nó đối với sự chuyển biến từ xã hội nguyên thủy sang xã hội có giai cấp.  - Mô tả được sự hình thành xã hội có giai cấp.  - Giải thích được vì sao xã hội nguyên thủy tan rã.  - Mô tả và giải thích được sự phân hóa không triệt để của xã hội nguyên thủy ở phương Đông.  - Nêu được một số nét cơ bản của xã hội nguyên thủy ở Việt Nam (qua các nền văn hóa khảo cổ Phùng Nguyên – Đồng Đậu – Gò Mun) |  |
| 3 | **Chương 3: Xã hội cổ đại**  Bài 6. Ai Cập cổ đại | 2 | - Nêu được tác động của điều kiện tự nhiên đối với sự hình thành nền văn minh Ai Cập.  - Trình bày được quá trình thành lập nhà nước của người Ai Cập.  - Kể tên và nêu được những thành tựu chủ yếu về văn hóa ở Ai Cập. |  |
| Bài 7. Lưỡng Hà cổ đại | 1 | - Nêu được tác động của điều kiện tự nhiên đối với sự hình thành nền văn minh Lưỡng Hà.  - Trình bày được quá trình thành lập nhà nước của người người Lưỡng Hà.  - Kể tên và nêu được những thành tựu chủ yếu về văn hóa ở Lưỡng Hà. |  |
| Bài 8. Ấn Độ cổ đại | 2 | - Giới thiệu được điều kiện tự nhiên của lưu vực sông Ấn, sông Hằng.  - Trình bày được những điểm chính về chế độ xã hội của Ấn Độ.  - Nêu được những thành tựu văn hóa tiu biểu củ Ấn Độ. |  |
| Bài 9. Trung Quốc từ thời cổ đại đến thế kỉ VII | 2 | - Giới thiệu được những đặc điểm về điều kiện tự nhiên của Trung Quốc cổ đại.  - Mô tả được sơ lược quá trình thống nhất và sự xác lập chế độ phong kiến ở Trung Quốc dưới thời Tần Thủy Hoàng.  - Xây dựng được đường thời gian từ đế chế Hán, Nam Bắc triều đến nhà Tùy.  - Nêu được những thành tựu cơ bản của nền văn minh Trung Quốc. |  |
| Ôn tập chương 2, 3 | 1 |  |  |
| Kiểm tra giữa học kì I | 1 |  |  |
| Bài 10. Hy Lạp cổ đại | 2 | - Giới thiệu và nhận xét được tác động về điều kiện tự nhiên đối với sự hình thành, phát triển của nền văn minh Hy Lạp.  - Trình bày được tổ chức nhà nước thành bang ở Hy Lạp.  - Nêu được một số thành tựu văn hóa tiêu biểu của Hy Lạp. |  |
| Bài 11. La Mã cổ đại | 1 | - Giới thiệu và nhận xét được tác động về điều kiện tự nhiên đối với sự hình thành, phát triển của nền văn minh La Mã.  - Trình bày được tổ chức nhà nước đế chế ở La Mã.  - Nêu được một số thành tựu văn hóa têu biểu của La Mã. |  |
| 4 | **Chương 4: Đông Nam Á từ những thế kỉ tiếp giáp công nguyên đến thế kỉ X**  Bài 12. Các vưong quốc cổ ở Đông Nam Á | 2 | - Trình bày sơ lược về vị trí địa lí của vùng Đông Nam Á.  - Trình bày được quá trình xuất hiện các vương quốc cổ ở Đông Nam Á từ đầu Công nguyên đến thế kỉ VII.  - Nêu được sự hình thành và phát triển ban đầu của các vương quốc phong kiến từ thế kỉ VII đến thế kỉ X ở Đông Nam Á. |  |
| Bài 13. Giao lưu thưong mại và văn hoá ở Đông Nam Á mườihế kỉ đầu Công nguyên | 2 | - Phân tích được những tác động chính của quá trình giao lưu thương mại và văn hóa ở Đông Nam Á từ đầu Công nguyên đến thế kỉ X |  |
| 5 | **Chương 5: Việt Nam từ khoảng thế kỉ VII TCN đến đầu thế kỉ X**  Bài 14. Nhà nước Văn Lang, Âu Lạc | 3 | - Nêu được khoảng thời gian thành lập và xác định được phạm vi không gian của nước Văn Lang, Âu Lạc trên bản đồ hoặc lược đồ.  - Trình bày được tổ chức nhà nước của Văn Lang, Âu Lạc. |  |
| Bài 15. Đời sống của người Việt thời kì Văn Lang, Âu Lạc |  | Mô tả được đời sống vật chất và tinh thần của cư dân Văn Lang, Âu Lạc |  |
| Bài 16. Chính sách cai trị của các triều đại phong kiến phương Bắc và sự chuyển biến của Giao Châu - An Nam thời Bắc thuộc | 2 | - Nêu được một số chính sách cai trị của phong kiến phương Bắc trong thời kì Bắc thuộc.  - Nhận biết được một số chuyển biến qua trọng về kinh tế, xã hội, văn hóa ở Việt Nam trong thời kì Bắc thuộc. |  |
| Bài 17. Đấu tranh bảo tồn và phát triển văn hoá dân tộc thời Bắc thuộc | 2 | - Giới thiệu được những nét chính của cuộc đấu tranh về văn hóa và bảo vệ bản sắc văn hóa của nhân dân Việt Nam trong thời kì Bắc thuộc. |  |
| Ôn tập | 1 |  |  |
| Kiểm tra cuối học kì I | 1 |  |  |
| Bài 18. Các cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc trước thế kỉ X | 5 | - Giải thích được nguyên nhân của các cuộc khởi nghĩa.  - Trình bày được những diễn biến chính của các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu.  - Nêu được kết quả và ý nghĩa của các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu.  - Lập được biểu đồ, sơ đồ về các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu. |  |
| Bài 19. Bước ngoặt lịch sử ở đầu thế kỉ X **(tiết 1)** | 3 | - Trình bày được những nét chính về các cuộc vận động giành quyền tự chủ của nhân dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của họ Khúc và họ Dương.  - Mô tả được những nét chính trận chiến Bạch Đằng lịch sử năm 938 và những điểm độc đáo trong tổ chức đánh giặc của Ngô Quyền.  - Nêu được ý nghĩa lịch sử của chiến thắng Bạch Đằng năm 938. |  |
| Ôn tập | 1 |  |  |
| Kiểm tra giữa học kì II | 1 |  |  |
| Bài 19. Bước ngoặt lịch sử ở đầu thế kỉ X **(tiết 2, 3)** |  | - Trình bày được những nét chính về các cuộc vận động giành quyền tự chủ của nhân dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của họ Khúc và họ Dương.  - Mô tả được những nét chính trận chiến Bạch Đằng lịch sử năm 938 và những điểm độc đáo trong tổ chức đánh giặc của Ngô Quyền.  - Nêu được ý nghĩa lịch sử của chiến thắng Bạch Đằng năm 938 |  |
| Bài 20. Vương quốc cổ Champa từ thế kỉ II đến thế kỉ X | 3 | - Mô tả được sự thành lập và quá trìnnh phát triển của nước Cham Pa.  - Trình bày được những nét chính về tổ chức xã hội và kinh tế của Champa.  - Nhận biết được một số thành tựu văn hoá của Cham Pa. |  |
|  | Bài 21. Vương quốc cổ Phù Nam | 3 | - Mô tả được sự thành lập, quá trình phát triển và suy vong của Phù Nam.  - Trình bày được những nét chính về tổ chức xã hội và kinh tế của Phù Nam.  - Nhận biết được một số thành tựu văn hóa của Phù Nam. |  |
|  | Ôn tập chương 5 | 1 | Hệ thống các kiến thức cơ bản của chương |  |
| 6 | Ôn tập cuối kì | 1 |  |  |
| Kiểm tra cuối học kì II | 1 |  |  |
| **PHÂN MÔN ĐỊA LÍ** | | | | |
| 7 | Bài mở đầu – tại sao cần học Địa lí? | 1 | - Hiểu được tầm qua trọng của việc nắm vững các khái niệm cơ bản, các kĩ năng địa lí trong học tập và sinh hoạt.  - Hiểu được ý nghĩa và sự lí thú mà môn địa lí mang lại.  - Nêu được vai trò của địa lí trong cuộc sống, có cái nhìn khách qua về thế giới quan và giải quyết các vấn đề trong cuộc sống |  |
| 8 | Bài 1. Hệ thống kinh, vĩ tuyến và toạ độ địa lí (tiết1 | 2 | - Hiểu và phân biệt được sự khác nhau giữa kinh tuyến và vĩ tuyến, giữa kinh độ và kinh tuyến, giữa vĩ độ và vĩ tuyến.  - Nhận biết được một số lưới kinh vĩ tuyến của bản đồ thế giới |  |
| 9 | Bài 2: Kí hiệu và chú giải trên một số bản đồ thông dụng | 2 | - Biết đọc các kí hiệu bản đồ và chú giải bản đồ hành chính, bản đồ địa hình. |  |
| 10 | Bài 3:Tìm đường đi trên bản đồ | 2 | -Biết xác định hướng trên bản đồ và tính khoảng cách thực tế giữa hai địa điểm trên bản đồ theo tỉ lệ bản đồ.  - Biết đọc bản đồ, xác định được vị trí của đối tượng địa lí trên bản đồ. |  |
| 11 | Bài 4: Lược đồ trí nhớ | 1 | Vẽ được lược đồ trí nhớ thể hiện các đối tượng địa lí thân quen đối với học sinh. |  |
| 12 | Ôn tập chương 1 | 1 |  |  |
| 13 | Kiểm tra giữa học ì I |  |  |  |
| 14 | Bài 5: Vị trí Trái Đất trong hệ MặtTrời. Hình dạng, kích thước củaTrái Đất | 1 | - Biết được vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt Trời: vị trí, tương quan với các hành tinh khác,...  - Mô tả được hình dạng, kích thước của Trái Đất. |  |
| 15 | Bài 6: Chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất và hệ quả |  | Mô tả được chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất trên mô hình quả địa cầu |  |
| 16 | Bài 7: Chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời và hệ quả | 2 | - Mô tả được chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời: hướng, thời gian,...  - Trình bày được các hệ quả do chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời |  |
| 17 | Bài 8 :Thực hành xác định phương hướng ngoài thực tế | 1 | - Xác định được phương hướng ngoài thực tế dựa vào la bàn hoặc quan sát các hiện tượng tự nhiên |  |
| 18 | **Ôn tập chương 2** | 1 |  |  |
| 19 | Bài 9: Cấu tạo của Trái Đất. Động đất và núi lửa | 2 | - Trình bày được cấu tạo của Trái Đất  - Xác định được trên lược đồ các mảng kiến tạo lớn, đới tiếp giáp của hai mảng xô vào nhau. |  |
| 20 | Ôn tập | 1 |  |  |
| 21 | Kiểm tra cuối học kì I | 1 |  |  |
| 22 | Bài 10: Quá trình nội sinh và ngoại sinh. Các dạng địa hình chính. Khoáng sản | 3 | - Phân biệt được quá trình nội sinh và ngoại sinh.  - Trình bày được tác động đồng thời của quá trình nội sinh và ngoại sinh trong hiện tượng tạo núi.  - Phân biệt được các dạng địa hình chính trênTrái Đất. |  |
| 23 | Bài 11: Thực hành đọc lợ đồ đa hình tỉ l lớn và lát cắt địa hình đơn giản | 2 | - Khái niệm khoảng sản, mỏ khoáng sản.  - Kể được tên một số loại khoáng sản.  - Giá trị của các loại khoáng sản  - Chuẩn bị được các điều kiện cho bài thực hành  - Đọc lược đồ địa hình tỉ lệ lớn  - Đọc đợc lưc đồ địa hình tỉ lệ lớn và át cắt địa hình đơn giản |  |
| 24 | Bài 12: Lớp vỏ khí. Khối khí, khí áp và gió trên Trái Đất | 3 | * Trình bày được sự phàn bố các đai khi áp và các loại gió thổi thường xuyên trên Trái Đất. * Biết cách sử dụng khi áp kế. * Có ý thúc bảo vệ bầu khi quyển và lớp ô-dôn |  |
| 25 | Bài 13. Thời tiết và khí hậ. Các đới khí hậu trên Trái Đất | 3 | - Nguồn cung cấp của nhiệt độ không khí.  - Thiết bị đo nhiệt độ không khí  - Trình bày được sự thay đổi nhiệt độ bề mặt Trái Đất theo vĩ độ.  - Mô tả được hiện tượng hình thành mây và mưa.  - Biết sử dụng nhiệt kế và ẩm kế.  - Phân biệt thời tiết và khí hậu.  -Trình bày được khái quát đặc điểm của một đới khí hậu. |  |
| 26 | **Ôn tập chương 3,4** | 1 |  |  |
| 27 | Ôn tập | 1 |  |  |
| 28 | Kiểm tr giữa học kì II | 1 |  |  |
| 29 | Bài 14: Biến đổi khí hậu và Ứng phóvới biến đổi khí hậu | 3 | - Nêu được nguyên nhân, biểu hiện, hậu quả, giải pháp của biến đổi khí hậu. - Trình bày được một số biện pháp phòng tránh thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu |  |
| 30 | Bài 15: Thực hành về nhiệt độ và lượng mưa |  | - Phân tích được biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa.  - Xác định được đặc điểm về nhiệt độ và lượng mưa của một số địa điểm trên bản đồ khí hậu thế giới |  |
| 31 | Bài 16: Thuỷ quyển. Vòng tuần hoàn nước. Nước ngầm, băng hà |  | - Kể tên được các thành phần chủ yếu của thuỷ quyển.  - Mô tả được vòng tuần hoàn lớn của nước.  - Nêu được tầm quan trọng của nước ngầm và băng hà  - Có ý thức sử dụng hợp lí và bảo vệ tài nguyên nước |  |
| 32 | Bài 17: Sông và hồ | 2 | - Mô tả được các bộ phận của một dòng sông lớn, mối quan hệ giữa mùa lũ của sông với các nguồn cấp nước sông.  - Nêu được tầm quan trọng của việc sử dụng tổng hợp nước sông, hồ |  |
| 33 | Bài 18: Biển và đại dương | 2 | - Xác định được trên bản đồ các đại dương thế giới.  - Nêu được sự khác biệt về nhiệt độ, độ muối giữa vùng biển nhiệt đới và vùng biển ôn đới.  - Trình bày được các hiện tuợng sóng, thuỷ triều, dòng biển. |  |
| 34 | Bài 19: Lớp đất và các nhân tố hình thành đất. Một số nhóm đất điển hình | 1 | - Nêu được các tầng đất và các thành phần chính của đất.  - Đặc điểm của các tầng đất.  - Trình bày được một số nhân tố hình thành đất.  - Kể được tên một số nhóm đất điển hình trên thế giới.  - Xác định được trên bản đồ một số nhóm đất ở vùng nhiệt đới hoặc ở vùng ôn đới. |  |
| 35 | Bài 20: Sinh vật và sự phân bố các đới thiên nhiên trên Trái Đất. Rừng nhiệt đới | 1 | - Mô tả sự đa dạng của thế giới sinh vật  - Nhắc lại được các đới thiên nhiên trên thế giới.  - Rừng nhiệt đới. |  |
| 36 | Bài 21: Thực hành tìm hiểu môi trường tự nhiên qua tài liệu và tham quan địa phương | 1 | - Biết cách tìm hiểu môi trường tự nhiên qua tài liệu và tham quan địa phương  - Quan sát, ghi chép để hoàn thành tốt bài báo cáo của cá nhân, của nhóm.  -Yêu thiên nhiên, có ý thúc bảo vệ thiên nhiên. |  |
| 36 | Bài 22: Dân số và phân bố dân cư |  | - Biết được số dân trên thế giới. Trình bày và giải thích được đặc điểm phàn bố dân cư trên thế giới.  - Đọc được biểu đồ quy mô dân số thế giới.  - Xác định được trên bản đồ một số thành phố đông dân nhất thế giới |  |
| 38 | Bài 23: Con người và thiên nhiên | 1 | - Nêu được các tác động của thiên nhiên lén hoạt động sản xuất và sinh hoạt của con người.  - Trình bày được những tác động chủ yếu của con người tới thiên nhiên Trái Đất  - Trình bày được các giải pháp bảo vệ môi trường tự nhiên mà các em có thể làm được |  |
| 39 | Bài 24: Thực hành tác động củ con người đến thiên nhiên | 1 | - Biết được mối quan hệ giữa con người và thiên nhiên ở địa phương.  Biết những điều kiện cần chuẩn bị cho tiết thực hành.  - Biết cách tìm hiểu môi trường tự nhiên qua tài liệu và tham quan địa phương |  |
| 40 | Ôn tập chương5 | 1 |  |  |
| 41 | Ôn tập cuối kì | 1 |  |  |
| 42 | Kiểm tra cuối học kì II | 1 |  |  |

**2. Chuyên đề lựa chọn (đối với cấp trung học phổ thông)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Chuyên đề  (1) | Số tiết  (2) | Yêu cầu cần đạt  (3) | Nội dung tích hợp/lồng ghép  (4) |
| 1 |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |

**3. Kiểm tra, đánh giá định kỳ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Bài kiểm tra, đánh giá | Thời gian  (1) | Thời điểm  (2) | Yêu cầu cần đạt  (3) | Hình thức  (4) |
| Giữa Học kỳ 1 | 60 phút | Tuần 9 | - Phân môn Sử: Bài 1 – 9  - Phân môn Địa: Bài 1 – 4  - Tỉ lệ: Sử 70%, Địa 30%  - Phân biệt được các nguồn sử liệu cơ bản, ý nghĩa và giá trị của các nguồn sử liệu (tư liệu gốc, truyền miệng, hiện vật, chữ viết,…).  - Biết được cách tính thời gian trong lịch sử.  - Kể tên được những địa điểm tìm thấy dấu tích của người tối cổ trên đất nước Việt Nam.  - Mô tả được sơ lược các giai đoạn tiến triển của xã hội nguyên thủy.  - Nhận biết được vai trò của lao động đối với quá trình phát triển của người nguyên thủy cũng như của con người và xã hội loài người.  - Giải thích được vì sao xã hội nguyên thủy tan rã.  - Kể tên và nêu được những thành tựu chủ yếu về văn hóa ở Ai Cập.  - Nêu được tác động của điều kiện tự nhiên đối với sự hình thành nền văn minh Lưỡng Hà.  Nêu được những thành tựu văn hóa tiêu biểu của Ấn Độ.  - Nêu được những thành tựu cơ bản của nền văn minh Trung Quốc.  - Hiểu và phân biệt được sự khác nhau giữa kinh tuyến và vĩ tuyến, giữa kinh độ và kinh tuyến, giữa vĩ độ và vĩ tuyến.  - Biết đọc các kí hiệu bản đồ và chú giải bản đồ hành chính, bản đồ địa hình.  -Biết xác định hướng trên bản đồ và tính khoảng cách thực tế giữa hai địa điểm trên bản đồ theo tỉ lệ bản đồ.  -Biết xác định hướng trên bản đồ và tính khoảng cách thực tế giữa hai địa điểm trên bản đồ theo tỉ lệ bản đồ.  - Biết đọc bản đồ, xác định được vị trí của đối tượng địa lí trên bản đồ. | Kiểm tra viết (trên giấy hoặc trên máy tính):  -Tự luận kết hợp với trắc nghiệm. |
| Cuối Học kỳ 1 | 60 phút | Tuần 18 | - Phân môn Sử: Bài 1 – 17  - Phân môn Địa: Bài 1 – 9  - Tỉ lệ: Sử 70%, Địa 30%  - Trình bày được những nét chính về đời sống của người nguyên thủy (vật chất, tinh thần, tổ chức xã hội,…)  - Nêu được tác động của điều kiện tự nhiên đối với sự hình thành nền văn minh Ai Cập.  - Trình bày được những điểm chính về chế độ xã hội của Ấn Độ.  - Giới thiệu và nhận xét được tác động về điều kiện tự nhiên đối với sự hình thành, phát triển của nền văn minh Hy Lạp.  - Nêu được một số thành tựu văn hóa tiêu biểu của La Mã.  - Phân tích được những tác động chính của quá trình giao lưu thương mại và văn hóa ở Đông Nam Á từ đầu Công nguyên đến thế kỉ X  - Trình bày được tổ chức nhà nước của Văn Lang, Âu Lạc.  - Nêu được một số chính sách cai trị của phong kiến phương Bắc trong thời kì Bắc thuộc.  - Giới thiệu được những nét chính của cuộc đấu tranh về văn hóa và bảo vệ bản sắc văn hóa của nhân dân Việt Nam trong thời kì Bắc thuộc.  - Mô tả được hình dạng, kích thước của Trái Đất.  - Mô tả được chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất trên mô hình quả địa cầu  - Mô tả được chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời: hướng, thời gian,...  - Trình bày được các hệ quả do chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời.  - Trình bày được cấu tạo của Trái Đất  - Xác định được trên lược đồ các mảng kiến tạo lớn, đới tiếp giáp của hai mảng xô vào nhau. | Kiểm tra viết (trên giấy hoặc trên máy tính):  -Tự luận kết hợp với trắc nghiệm.  -Tự luận  (theo chỉ đạo của Sở) |
| Giữa Học kỳ 2 | 60 phút | Tuần 7 | - Phân môn Sử: Bài 18, 19  - Phân môn Địa: Bài 1 – 9  - Tỉ lệ: Sử 30%, Địa 70%  - Giải thích được nguyên nhân của các cuộc khởi nghĩa.  - Trình bày được những diễn biến chính của các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu.  - Nêu được kết quả và ý nghĩa của các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu.  -Trình bày được những nét chính về các cuộc vận động giành quyền tự chủ của nhân dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của họ Khúc và họ Dương.  - Phân biệt được quá trình nội sinh và ngoại sinh.  - Trình bày được tác động đồng thời của quá trình nội sinh và ngoại sinh trong hiện tượng tạo núi.  - Kể được tên một số loại khoáng sản.  - Đọc lược đồ địa hình tỉ lệ lớn   * Trình bày được sự phàn bố các đai khi áp và các loại gió thổi thường xuyên trên Trái Đất.   - Nguồn cung cấp của nhiệt độ không khí.  - Trình bày được sự thay đổi nhiệt độ bề mặt Trái Đất theo vĩ độ.  - Mô tả được hiện tượng hình thành mây và mưa.  - Phân biệt thời tiết và khí hậu.  -Trình bày được khái quát đặc điểm của một đới khí hậu. | Kiểm tra viết (trên giấy hoặc trên máy tính):  -Tự luận kết hợp với trắc nghiệm. |
| Cuối Học kỳ 2 | 60 phút | Tuần 17 | - Phân môn Sử: Bài 18- 21  - Phân môn Địa: Bài 10 – 22  - Tỉ lệ: Sử 30%, Địa 70%  - Giải thích được nguyên nhân của các cuộc khởi nghĩa.  - Nêu được kết quả và ý nghĩa của các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu.  - Mô tả được những nét chính trận chiến Bạch Đằng lịch sử năm 938 và những điểm độc đáo trong tổ chức đánh giặc của Ngô Quyền.  - Nêu được ý nghĩa lịch sử của chiến thắng Bạch Đằng năm 938.  - Nhận biết được một số thành tựu văn hoá của Cham Pa.  - Mô tả được sự thành lập, quá trình phát triển và suy vong của Phù Nam.  - Trình bày được những nét chính về tổ chức xã hội và kinh tế của Phù Nam.  - Nhận biết được một số thành tựu văn hóa của Phù Nam.  - Trình bày được một số biện pháp phòng tránh thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu.  - Xác định được đặc điểm về nhiệt độ và lượng mưa của một số địa điểm trên bản đồ khí hậu thế giới.  - Kể tên được các thành phần chủ yếu của thuỷ quyển.  - Nêu được tầm quan trọng của nước ngầm và băng hà  - Có ý thức sử dụng hợp lí và bảo vệ tài nguyên nước  - Mô tả được các bộ phận của một dòng sông lớn, mối quan hệ giữa mùa lũ của sông với các nguồn cấp nước sông.  - Nêu được tầm quan trọng của việc sử dụng tổng hợp nước sông, hồ.  - Nêu được các tầng đất và các thành phần chính của đất.  - Xác định được trên bản đồ một số nhóm đất ở vùng nhiệt đới hoặc ở vùng ôn đới.  - Mô tả sự đa dạng của thế giới sinh vật  - Biết được số dân trên thế giới. Trình bày và giải thích được đặc điểm phân bố dân cư trên thế giới.  - Đọc được biểu đồ quy mô dàn số thế giới.  - Xác định được trên bản đồ một số thành phố đông dân nhất thế giới.  - Trình bày được các giải pháp bảo vệ môi trường tự nhiên mà các em có thể làm được | Kiểm tra viết (trên giấy hoặc trên máy tính):  -Tự luận kết hợp với trắc nghiệm.  -Tự luận  (theo chỉ đạo của Sở) |

**B**  **Khối 7:**

**1. Phân phối chương trình**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tuần** | **Bài học**  **(1)** | **Số tiết**  **(2)** | **Yêu cầu cần đạt**  **(3)** |
| 1 | **Bài 1. Dân số** | 1 | - Trình bày được quá trình phát triển và tình hình gia tăng dân số thế giới, nguyên nhân, hậu quả của nó.  - Hình thành kĩ năng đọc và phân tích tháp tuổi, hiểu cách xây dựng tháp tuổi.  - Đọc biểu đồ gia tăng dân số thế giới để thấy được tình hình gia tăng dân số thế giới. |
| 1 | **Bài 2. Sự phân bố dân cư. Các chủng tộc trên thế giới** | 1 | *-* Trình bày và giải thích ở mức độ đơn giản sự phân bố dân cư không đồng đều trên thế giới.  - Phân biệt được sự khác nhau giữa các chủng tộc Môn-gô-lô-ít, Nê-grô-ít và Ơ-rô-pê-ô-ít về hình thái bên ngoài của cơ thể (màu, da, tóc, mắt, mũi) và nơi sinh sống chủ yếu của mỗi chủng tộc.  - Kĩ năng đọc lược đồ phân bố dân cư trên thế giới, xác định được một số vùng đông dân, thưa dân trên bản đồ dân cư thế giới. |
| 2 | **Bài 3. Quần cư. Đô thị hóa** | 1 | - So sánh sự khác biệt giữa quần cư nông thôn và quần cư đô thị về hoạt động kinh tế, mật độ dân số, lối sống.  - Biết sơ lược quá trình đô thị hóa, sự hình thành các siêu đô thị trên thế giới.  - Kĩ năng phân tích tranh ảnh, bản đồ.  - Đọc tháp dân số |
| 2 | **Bài 4. Thực hành: Phân tích lược đồ dân số và tháp tuổi** | 1 | - Giải thích được sự phân bố dân cư tại 1 tỉnh/địa phương  - Đánh giá sự thay đổi cơ cấu dân số Việt Nam các năm  - Nhận xét sự phân bố dân cư và đô thị châu Á  - Đọc lược đồ/bản đồ |
| 3 | **Bài 5. Đới nóng. Môi trường xích đạo ẩm** | 1 | - Biết vị trí đới nóng trên bản đò Tự nhiên thế giới.  - Trình bày và giải thích ở mức độ đơn giản một số đặc điểm tự nhiên cơ bản của đới nóng, môi trường xích đạo ẩm.  - Xác định được vị trí đới nóng trên bản đồ thế giới và các kiểu môi trường đới nóng.  - Đọc được biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa của môi trường xích đạo và sơ đồ lát cắt của rừng rậm xích đạo quanh năm. |
| 3 | **Bài 6. Môi trường nhiệt đới** | 1 | - Trình bày và giải thích được ở mức độ đơn giản một số đặc điểm tự nhiên của môi trường nhiệt đới.  - Xác định vị trí của môi trường nhiệt đới trên bản đồ.  - Đọc các biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa để nhận biết đặc điểm khí hậu của môi trường nhiệt đới.  - Quan sát tranh ảnh và nhận xét các cảnh quan ở môi trường nhiệt đới. |
| 4 | **Bài 7. Môi trường nhiệt đới gió mùa** | 1 | - Trình bày và giải thích được ở mức độ đơn giản một số đặc điểm tự nhiên của môi trường nhiệt đới.  - Phân tích được mối quan hệ giữa khí hậu và cảnh quan thiên nhiên trong môi trường nhiệt đới gió mùa.  - Xác định được những khu vực chịu ảnh hưởng của gió mùa châu Á.  - Phân tích, nhận xét biểu đồ nhiệt độ lượng mưa của Hà Nội và Mumbai |
|  | **Bài 8 và bài 9** |  | **Giảm tải** |
| 4 | **Bài 10. Dân số và sức ép dân số tới tài nguyên, môi trường đới nóng** | 1 | - Trình bày được đặc điểm chung của dân số các nước thuộc môi trường thuộc đới nóng.  - Phân tích được mối quan hệ giữa dân số với tài nguyên, môi trường ở đới nóng.  - Kĩ năng đọc hiểu văn bản, bản đồ. |
|  | **Bài 11** |  | **Giảm tải** |
| 5 | **Bài 12. Thực hành: Nhật biết đặc điểm môi trường đới nóng** | 1 | - Nhận biết được kiểu môi trường ở đới nóng qua biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa và tranh ảnh.  - Phân tích mối quan hệ giữa chế độ mưa với chế độ sông ngòi, giữa khí hậu với môi trường.  - Phân tích biểu đồ, tranh ảnh.  - Làm việc nhóm**.** |
| 5 | **Bài 13. Môi trường đới ôn hoà** | 1 | Trình bày được vị trí, đặc điểm khí hậu của đới ôn hòa.  - Giải thích được (ở mức độ đơn giản) về đặc điểm tự nhiên cơ bản và sự phân hóa của môi trường ở đới ôn hòa.  - Đọc lược đồ/ biểu đồ/bảng số liệu |
|  | **Bài 14, 51, 16** |  | **Giảm tải** |
|  | **Bài 17. Ô nhiễm môi trường ở đới ôn hoà** | 1 | - Biết được hiện trạng và nguyên nhân gây ra ô nhiễm nước và không khí ở đới ôn hòa, từ đó đề xuất những giải pháp nhằm hạn chế ô nhiễm môi trường ở đới ôn hòa.  - Đánh giá được hậu quả của ô nhiễm môi trường không khí và nước gây ra cho thiên nhiên và con người không chỉ ở đới ôn hòa mà còn cả ở toàn thế giới.  - Kĩ năng tổng hợp, vận dụng các kiến thức liên môn vào giải quyết vấn đề.  - Kĩ năng phân tích thông tin từ ảnh địa lí, rèn luyện tư duy, tổng hợp.  - Rèn luyện kĩ năng hoạt động nhóm, thu thập thông tin ngoài xã hội, thông tin thực tế. |
| 6 | **Bài 18. Thực hành: Nhận biết đặc điểm môi trường đới ôn hoà** | 1 | - Nhận biết được các kiểu môi trường của đới Ôn hòa qua tranh ảnh và phân tích biểu đồ khí hậu.  - Nhận xét và giải thích được nguyên nhân làm cho Trái đất nóng lên.  - Đề xuất đựơc giải pháp nhằm giảm thải khí CO2 ra môi trường.  - Đọc và phân tích biểu đồ, so sánh được sự khác nhau về đặc điểm giữa các môi trường thuộc đới Ôn Hòa.  - Phân tích thông tin từ tranh ảnh địa lí, rèn luyện tư duy tổng hợp. |
| 7 | **Ôn tập** | 1 | - Khái quát được đặc điểm dân cư, quá trình đô thị hóa trên thế giới.  - Khái quát được vị trí, đặc điểm đới nóng và các kiểu ôi trường đới nóng, hoạt động kinh tế của con người ở đới nóng. |
| 7 | **Ôn tập** | 1 | - Rèn kỹ năng đọc biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa.  - Rèn kỹ năng đọc ảnh địa lý.  - Hình thành kỹ năng xác lập mối liên hệ địa lý.  - Rèn luyện kỹ năng vẽ và nhận xét biểu đồ. |
| 8 | **Kiểm tra giữa kì I** | 1 | - Đánh giá kết quả học tập của học sinh nhằm điều chỉnh nội dung, phương pháp dạy học và giúp đỡ học sinh một cách kịp thời.  - Kiểm tra mức độ nắm vững kiến thức, kĩ năng cơ bản ở 3 cấp độ nhận thức: biết, hiểu và vận dụng sau khi học xong nội dung đã học các bài học từ tuần 1 đến tuần 6. |
| 8 | **Bài 19. Môi trường hoang mạc** | 1 | - Nêu được đặc điểm khí hậu của môi trường hoang mạc.  - Trình bày và giải thích được sự phân bố các hoang mạc trên thế giới.  - Trình bày và phân tích được sự thích nghi của các loài động thực vật ở hoang mạc.  - Đề xuất phương hướng cải tạo tự nhiên và phòng chống sa mạc hóa.  - Đọc, phân tích biểu đồ nhiệt độ lượng mưa để rút ra đặc điểm khí hậu hoang mạc.  - Đọc lược đồ để xác định vị trí phân bố các hoang mạc trên thế giới. |
|  | **Bài 20** |  | **Giảm tải** |
| 9 | **Bài 21: Môi trường đới lạnh** | 1 | - Nêu được vị trí của đới lạnh trên bản đồ tự nhiên thế giới.  - Giải thích được một số đặc điểm tự nhiên cơ bản của đới lạnh.  - Phân tích được sự thích nghi của động vật và thực vật với môi trường đới lạnh.  - Đánh giá hiện trạng vấn đề khai thác và những tác động của biến đổi khí hậu và con người đến HST tự nhiên từ đó để xuất giải pháp khai thác theo hướng bền vững.  - Đọc bản đồ về môi trường đới lạnh ở vùng Bắc Cực và vùng Nam Cực để nhận biết vị trí, giới hạn của đới lạnh.  - Đọc và phân tích biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa của một vài địa điểm ở môi trường đới lạnh để hiểu và trình bày đặc điểm khí hậu của môi trường đới lạnh.. |
|  | **Bài 22** |  | **Giảm tải** |
| 9 | **Bài 23. Môi trường vùng núi** | 1 | - Trình bày được đặc điểm cơ bản của môi trường và đặc điểm cư trú của con người vùng núi.  - Giải thích và so sánh được sự phân tầng thực vật theo độ cao ở đới ôn hòa và đới nóng.  - Phân tích được những thuận lợi và khó khăn của vùng núi.  - Đưa ra được những biện pháp nâng cao đời sống kinh tế - xã hội của vùng núi.  - Giải thích được sự phân bố dân cư ở vùng núi.  - Rèn luyện kĩ năng phân tích sơ đồ, hình ảnh địa lí. |
|  | **Bài 24** |  | **Giảm tải** |
| 10 | **Ôn tập** | 1 | Kiến thức kĩ năng từ bài 19, 21, 23 |
| 10 | **Bài 25. Thế giới rộng lớn và đa dạng** | 1 | - Xác định được vị trí các châu lục và lục địa trên bản đồ thế giới.  - Phân biệt được các nhóm nước phát triển và đang phát triển dựa vào một số tiêu chí.  - So sánh tình hình kinh tế các nhóm nước.  - Liên hệ, đánh giá đặc điểm kinh tế Việt Nam.  - Đọc và phân tích bảng số liệu, biểu đồ và sơ đồ, tranh ảnh.  - Kĩ năng vẽ biểu đồ cột. |
| 11 | **Bài 26. Thiên nhiên châu Phi** | 1 | - Mô tả được vị trí, giới hạn của châu Phi trên bản đồ thế giới và ý nghĩa của vị trí đối với khí hậu.  - Trình bày được đặc điểm về hình dạng lục địa, về địa hình và khoáng sản châu Phi.  - Kĩ năng đọc và phân tích bản đồ. |
| 11 | **Bài 27. Thiên nhiên châu Phi (tiếp theo)** | 1 | - Kể tên được các môi trường của Châu Phi trong đó chiếm phần lớn là hoang mạc và bán hoang mạc.  - Giải thích được tại sao khí hậu của Châu Phi khô nóng, hoang mạc chiếm phần lớn diện tích lãnh thổ.  - Trình bày được sự khác biệt vệ sinh vật giữa các môi trường của châu Phi.  - Xác định được lượng mưa và các môi trường tự nhiên của châu Phi trên lược đồ.  - Xác định được các dòng biển nóng và dòng biển lạnh trên bản đồ. |
| 12 | **Bài 28. Thực hành: Phân tích lược đồ phân bố các môi trường tự nhiên, biểu đồ** | 1 | - Trình bày được sự phân bố các môi trường tự nhiên ở Châu Phi và giải thích được nguyên nhân của sự phân bố đó.  - Phân tích được biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa ở Châu Phi.  - Đọc và phân tích biểu đồ biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa.  - Phân tích thông tin từ biểu đồ Địa Lí, rèn luyện tư duy tổng hợp. |
| 12 | **Bài 29. Dân cư, xã hội châu Phi** | 1 | - Trình bày được đặc điểm dân cư - xã hội Châu Phi, sự bùng nổ dân số ở châu phi, nguyên nhân và hậu quả.  - Phân tích được bảng số liệu thống kê, nhận xét bảng số liệu, nhận định và rút ra nhận xét. |
| 1 | **Bài 30. Kinh tế châu Phi** | 1 | - Trình bày được đặc điểm, sự phân bố ngành nông nghiệp, công nghiệp ở Châu Phi.  - Sử dụng bản đồ để xác định được sự phân bố các ngành kinh tế của Châu Phi.  - Quan sát video, hình ảnh để rút ra nhận xét, trình bày đặc điểm ngành nông nghiệp, công nghiệp của châu Phi. |
| 13 | **Bài 31. Kinh tế châu Phi** | 1 | - Trình bày và giải thích được đặc điểm phát triển một số hoạt động dịch vụ chủ yếu ở Châu Phi.  - Phân tích được quá trình đô thị hóa hiện nay ở Châu Phi.  - Sử dụng bản đồ, bảng số liệu, tranh ảnh địa lí |
| 14 | **Bài 32. Các khu vực Châu Phi** | 1 | - Trình bày được các đặc điểm điểm tự nhiên các khu vực Bắc Phi và Trung Phi  - So sánh được các hoạt động kinh tế xã hội của khu vực Bắc Phi và Trung Phi  - Đọc và phân tích bảng số liệu, biểu đồ và sơ đồ, tranh ảnh Địa lý |
| 14 | **Bài 33. Các khu vực Châu Phi (tiếp theo)** | 1 | Trình bày được đặc điểm tự nhiên kinh tế - xã hội khu vực Nam Phi.  - So sánh và tìm ra được những khác biệt về tự nhiên, kinh tế xã hội giữa các khu vực Bắc Phi, Trung Phi và Nam Phi.  - Nêu một số khó khăn hiện nay của Nam Phi trong phát triển kinh tế xã hội hiện nay.  - Giải thích được vì sao cần phải chống lại nạn phân biệt chủng tộc.  - Sử dụng bản đồ và sơ đồ, lược đồ, tranh ảnh để xác định và trình bày đặc điểm tự nhiên, dân cư, kinh tế của Nam Phi. |
| 15 | **Ôn tập HKI** | 1 | - Hệ thống hóa một số kiến thức cơ bản từ tuần 1 đến tuần 14  - Phân tích bản đồ, lược đồ, hình ảnh SGK  - Phân tích, so sánh |
| 15 | **Ôn tập HKI** | 1 | - Phân tích bản đồ, lược đồ, hình ảnh SGK  - Phân tích, so sánh |
| 16 | **Kiểm tra cuối học kỳ I** | 1 | Thực hiện theo ma trận đề  - Kiểm tra các kiến thức, kĩ năng cơ bản ở các nội dung: Các môi trường Địa lí và Châu Phi  - Củng cố các kĩ năng phân tích bản đồ, bảng số liệu.  - Phân tích biểu đồ và bảng số liệu.  - Sữa chửa những lỗi làm bài của học sinh. |
| 16 | **Kiểm tra cuối học kỳ I** | 1 | Thực hiện theo ma trận đề  - Kiểm tra các kiến thức, kĩ năng cơ bản ở các nội dung: Các môi trường Địa lí và Châu Phi  - Củng cố các kĩ năng phân tích bản đồ, bảng số liệu.  - Phân tích biểu đồ và bảng số liệu.  - Sữa chửa những lỗi làm bài của học sinh. |
| 17 | **Bài 34: TH: So sánh nền KT ba khu vực châu Phi** | 1 | - Kể tên được các nước có thu nhập bình quân đầu người cao, thấp ở Châu Phi.  - Nhận xét được sự phân hoá thu nhập bình quân đầu người giữa ba khu vực kinh tế Châu Phi.  - So sánh được các đặc điểm kinh tế của 3 khu vực Châu Phi.  - Rèn luyện kĩ năng phân tích, so sánh, khai thác kiến thức qua lược đồ. |
| 17 | **Hoạt động trải nghiệm sáng tạo chủ đề Thiên nhiên châu Phi** | 1 | * Tìm hiểu về tự nhiên, con người, kinh tế các nước Châu Phi * Kĩ năng trình bày trước lớp, kỉ năng làm việc nhóm * Thái độ: trách nhiệm, chăm chỉ hoàn thành nhiệm vụ |
| 18 | **Trải nghiệm sáng tạo chủ đề Thiên nhiên châu Phi (tt)** | 1 | * Tìm hiểu về tự nhiên, con người, kinh tế các nước Châu Phi * Kĩ năng trình bày trước lớp, kỉ năng làm việc nhóm   Thái độ: trách nhiệm, chăm chỉ hoàn thành nhiệm vụ |
| 18 | **Ôn tập** | 1 | Hoàn thành chương trình HKI |
| 19 | **Bài 35. Khái quát Châu Mĩ** | 11 | - Trình bày được vị trí địa lí và ý nghĩa của vị trí địa lí châu Mỹ trong phát triển kinh tế và xã hội.  - Giải thích được vì sao châu Mỹ là vùng đất của người nhập cư, thành phần chủng tộc đa dạng.  - Đánh giá được ý nghĩa của kênh đào Panama đối với ngành hàng hải và thương mại thế giới.  - Xác định được trên bản đồ các chủng tộc khác nhau sinh sống ở vị trí nào trên lãnh thổ châu Mỹ là chủ yếu.  - Kĩ năng xác định vị trí trên bản đồ |
| 19 | **Bài 36: Thiên nhiên Bắc Mĩ** | 1 | - Nêu được vị trí địa lí, giới hạn của Bắc Mĩ.  - Nêu được đặc điểm ba khu vực của địa hình Bắc Mĩ: cấu trúc địa hình đơn giản, chia làm 3 khu vực kéo dài theo chiều kinh tuyến.  - Nêu được đặc điểm của các sông và hồ lớn của Bắc Mĩ.  - Nêu và giải thích đặc điểm khí hậu ở Bắc Mĩ.  - Sử dụng các bản đồ, lược đồ để trình bày đặc điểm tự nhiên, kinh tế của Bắc Mĩ.  - Phân tích lát cắt địa hình Bắc Mĩ để nhận biết và trình bày sự phân hóa địa hình theo hướng Đông - Tây của Bắc Mĩ. |
| 20 | **Bài 37. Dân cư Bắc Mĩ** | 1 | - Trình bày được sự phân bố dân cư của Bắc Mỹ.  - Giải thích được tại sao dân cư Bắc Mỹ phân bố không đồng đều.  - Trình bày các đặc điểm đô thị của Bắc Mỹ và những thay đổi trong phân bố dân cư Bắc Mỹ.  - Đọc và nhận xét được bả đồ phân bố dân cư và đô thị ở Bắc Mỹ. |
| 20 | **Bài 38. Kinh tế Bắc Mĩ** | 1 | - Trình bày đặc điểm nền nông nghiệp của Bắc Mĩ; sự phân bố 1 số nông sản quan trọng của Bắc Mĩ.  - Giải thích được điều kiện làm cho nền nông nghiệp Hoa Kì và Ca-na-đa phát triển ở trình độ cao.  - Phân tích lược đồ nông nghiệp của Bắc Mĩ để xác định được các vùng nông nghiệp chính của Bắc Mĩ.  **-** Nhận xét, phân tích các hình ảnh về NN Bắc Mĩ để thấy các hình thức tổ chức sx và áp dụng khoa học kĩ thuật vào nông nghiệp |
| 21 | **Bài 39. Kinh tế Bắc Mĩ (tiếp theo)** | 1 | - Trình bày được nền công nghiệp ở Bắc Mĩ đã phát triển ở trình độ cao, sự gắn bó mật thiết giữa công nghiệp và dịch vụ. Công nghiệp chế biến chiếm ưu thế.  - Trình bàyđược trong CN đang có sự chuyển biến trong phân bố SX hình thành các trung tâm KT-DV lớn.  - Giải thích được nguyên nhân của sự phát triển trình độ cao của các nước Bắc Mĩ.  - Trình bàykhái quát mối quan hệ giữa các nước thành viên NAFTA và vai trò của Hoa Kì trong NAFTA  - Liên hệ quá trình phát triển công nghiệp của nước ta.  - Phân tích lược đồ công nghiệp của Bắc Mĩ để xác định được các vùng công nghiệp chính của Bắc Mĩ. |
| 21 | **Bài 40. Thực hành: Tìm hiểu vùng công nghiệp truyền thống ở Đông Bắc Hoa Kì và vùng CN vành đai Mặt Trời** | 1 | Cuộc cách mạng KHKT làm thay đổi sự phân bố sản xuất công nghiệp ở Hoa Kì.  - Sự thay đổi trong cơ cấu sản xuất công nghiệp ở vùng CN ĐB và "vành đai mặt trời".  **-** Phân tích lược đồ, số liệu thống kê. |
| 22 | **Bài 41. Thiên nhiên Trung và Nam Mỹ** | 1 | - Vị trí, giới hạn khu vực Trung và Nam Mĩ.  - Đặc điểm địa hình eo đất Trung Mĩ và quần đảo Ăng - ti, địa hình lục địa Nam Mĩ.  - Xác định trên bản đồ, lược đồ châu Mĩ (bản đồ Thế giới) vị trí địa lí của khu vực Trung và Nam Mĩ.  - Sử dụng các bản đồ, lược đồ để trình bày đặc điểm tự nhiên khu vực Trung và Nam Mĩ. |
| 2 | **Bài 42. Thiên nhiên Trung và Nam Mỹ (tiếp theo)** | 1 | - Trình bày và giải thích (ở mức độ đơn giản) một số đặc điểm khí hậu và thiên nhiên của Trung và Nam Mĩ .  - Đặc điểm các môi trường tự nhiên ở Trung và Nam Mĩ.  **-** Phân tích, so sánh để thấy rõ sự phân hóa địa hình và khí hậu. |
| 23 | **Bài 43. Dân cư xã hội Trung và Nam Mĩ** | 1 | - Trình bày và giải thích ( ở mức độ đơn giản) một số đặc điểm về dân cư, xã hội Trung và Nam Mĩ  - Quá trình đô thị, những vấn đề nảy sinh do đô thị hóa tự phát gây ra.  **-** Phân tích, so sánh đối chiếu trên lược đồ. |
| 23 | **Bài 44. Kinh tế Trung và Nam Mĩ** | 1 | - Trình bày và giải thích ( ở mức độ đơn giản) một số đặc điểm về kinh tế của Trung và Nam Mĩ .  **-**  Rèn luyện kĩ năng quan sát đọc phân tích lược đồ, ảnh địa lí để thấy được các hình thức sản xuất nông nghiệp, sự phân bố sản xuất nông nghiệp ở Trung và Nam Mĩ. |
| 24 | **Bài 45. Kinh tế Trung và Nam Mĩ (tiếp theo)** | 1 | - Trình bày và giải thích (ở mức độ đơn giản) một số đặc điểm về công nghiệp của Trung và Nam Mĩ.  - Hiểu được vấn đề khai thác vùng A-ma-dôn và những vấn đề về môi trường cần quan tâm.  - Trình bày được về khối kinh tế Méc-cô-xua (MERCOSUR).  **-** Đọc, quan sát, phân tích mối quan hệ giữa hoạt động kinh tế với môi trường ở Nam Mĩ, và mối quan hệ giữa rừng A - ma - dôn với khí hậu toàn cầu. |
| 24 | **Bài 46. Thực hành: Sự phân hóa của thảm thực vật ở sườn đông và sườn tây của dãy An-đét** | 1 | - Nắm vững sự phân hoá của môi trường theo độ cao ở vùng núi An-đet.  - Sự khác nhau của thảm thực vật giữa sườn đông và sườn tây của dãy An-đet.  **-** Rèn kĩ năng quan sát sơ đồ lát cắt, qua đó nhận thức được quy luật phi địa đới thể hiện sự thay đổi, sự phân bố thảm thực vật giữa 2 sườn của hệ thống An - đet. |
| 25 | **Ôn tập** | 1 | - Hệ thống hóa các kiến thức về tự nhiên, dân cư, kinh tế của Châu Mĩ và các khu vực của Châu Mĩ. |
| 25 | **Ôn tập** | 1 | - Rèn luyện một số kĩ năng cơ bản như phân tích bản đồ, lược đồ tự nhiên, dân cư và kinh tế; xử lí và phân tích số liệu thống kê về dân số, kinh tế; Khai thác kiến thức từ tranh ảnh địa lí |
| 26 | **Kiểm tra giữa kì II** | 1 | - Đánh giá mức độ nắm, hiểu và vận dụng bài học của học sinh để tiếp tục điều chỉnh phương pháp học tập.  - Đánh giá kỹ năng quan sát, phân tích, nhận xét lược đồ, biểu đồ |
| 26 | **Bài 47. Châu Nam Cực** | 1 | - Biết được vị trí địa lí, giới hạn, phạm vi của châu Nam Cực.  - Trình bày và giải thích ở mức độ đơn giản đặc điểm tự nhiên châu Nam Cực.  - Biết vấn đề môi trường cần được quan tâm ở châu Nam Cực là bảo vệ các loài động vật quý đang có nguy cơ tuyệt chủng.  - Sử dụng bản đồ để trình bày đặc điểm tự nhiên.  - Phân tích biểu đồ khí hậu của 2 địa điểm ở châu Nam Cực, lát cắt địa hình của Nam Cực.  - Nhận dạng được một số lòi ộng vật ở Nam Cực qua tranh ảnh. |
| 27 | **Bài 48. Thiên nhiên Châu Đại Dương** | 1 | - Biết đượcvị trí địa lí, phạm vi của châu Đại Dương.  - Trình bày và giải thích ở mức độ đơn giản một số đặc điểm tự nhiên của các đảo và quần đảo, lục địa Ô - xtrây - li - a.  - Sử dụng bản đồ trình bày đặc điểm tự nhiên châu Đại Dương.  - Phân tích biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa một số trạm của châu Đại Dương. |
| 27 | **Bài 49. Dân cư và kinh tế Châu Đại Dương** | 1 | - Trình bày và giải thích ở mức độ đơn giản đặc điểm dân cư, kinh tế của châu Đại Dương.  - Phân tích bảng số liệu về dân cư, kinh tế của châu Đại Dương. |
| 28 | **Bài 50. Thực hành viết báo cáo về đặc điểm tự nhiên của Ôxtrâylia** | 1 | - Đặc điểm tự nhiên (địa hình, khí hậu) của 3 địa điểm đại diện cho 3 kiểu khí hậu khác nhau của lục địa Ôxtrâylia và nguyên nhân của sự khác nhau đó  - Nhận xét lát cắt địa hình, giải thích mối quan hệ chặt chẽ giữa các yếu tố tự nhiên.  - Đọc, phân tích ảnh và bản đồ .  - Kĩ năng viết báo cáo và trình bày một phút. |
| 28 | **Bài 51. Thiên nhiên châu Âu** | 1 | - Biết được vị trí địa lí, giới hạn của châu Âu trên bản đồ.  - Trình bày và giải thích một số đặc điểm tự nhiên cơ bản của châu Âu.  - Trình bày sự phân bố và đặc điểm chính của các môi trường.  - Nắm được đặc điểm khí hâu, sự phân hóa khí hậu châu Âu, mối quan hệ giữa khí hậu và thực vật. |
| 29 | **Bài 52. Thiên nhiên châu Âu (tiếp theo)** | 1 | - Biết được vị trí địa lí, giới hạn của châu Âu trên bản đồ.  - Trình bày và giải thích một số đặc điểm tự nhiên cơ bản của châu Âu.  - Trình bày sự phân bố và đặc điểm chính của các môi trường.  - Nắm được đặc điểm khí hâu, sự phân hóa khí hậu châu Âu, mối quan hệ giữa khí hậu và thực vật. |
| 29 | **Bài 53. Thực hành: Đọc và phân tích biểu đồ nhiệt độ lượng mưa châu Âu.** | 1 | - Rèn kĩ năng sử dụng, đọc, phân tích bản đồ, lược đồ  - Phân tích tranh ảnh để nắm các đặc điểm môi trường, mối quan hệ giữa cảnh quan với khí hậu.  Rèn kĩ năng phân tích biểu đồ khí hậu, kĩ năng so sánh. |
| 30 | **Bài 54. Dân cư, xã hội Châu Âu** | 1 | - Trình bày và nhận xét được về tôn giáo, ngôn ngữ và văn hoá ở Châu Âu.  - Chứng minh được dân số Châu Âu đang có xu hướng già đi.  - Nhận xét được mức độ đô thị hoá ở châu Âu.  - Phân tích được những thuận lợi và khó khăn của dân số đến sự phát triển kinh tế-xã hội ở châu Âu.  - Phân tích bản đồ phân bố dân cư đô thị, các nhóm ngôn ngữ để tìm ra kiến thức. |
| 30 | **Bài 55. Kinh tế Châu Âu** | 1 | Trình bày những đặc điểm kinh tế nổi bật của các nước Châu Âu.  - Chứng minh được kinh tế châu Âu phát triển ở trình độ cao  - Giới thiệu thành tựu, vẻ đẹp của các nước châu Âu qua ngành dịch vụ  - Phân tích lược đồ kinh tế, tranh ảnh |
| 31 | **Bài 56. Khu vực Bắc Âu** | 1 | - Xác định được vị trí các nước trong khu vực Bắc Âu và những đặc điểm khái quát về địa hình, khí hậu, tài nguyên của 3 khu vực Bắc Âu.  - Phân tích các ngành kinh tế quan trọng của khu vực Bắc Âu.  - Rèn kĩ năng xác định lược đồ.  - Rèn kỹ năng đọc và phân tích mối quan hệ giữa điều kiện tự nhiên với hoạt động kinh tế. |
| 31 | **Bài 57. Khu vực Tây và Trung Âu** | 1 | - Trình bày được đặc điểm tự nhiên của khu vực Tây và Trung Âu.  - Trình bày được tình hình phát triển kinh tế của khu vực Tây và Trung Âu   * Kĩ năng đọc bản đồ tự nhiên, phân tích mối quan hệ nhân quả. |
| 32 | **Bài 58. Khu vực Nam Âu** | 1 | - Giải thích được được vị trí địa lí của khu vực Nam Âu có nhiều núi lửa hoạt động và thường xuyên xảy ra động đất.  - Trình bày được những đặc điểm nổi bật về tự nhiên và kinh tế của khu vực Nam Âu.  - Đề xuất giải pháp phát triển kinh tế, nhất là phát triển du lịch tại khu vực.  - Kĩ năng đọc bản đồ tự nhiên, phân tích mối quan hệ nhân quả. |
| 32 | **Bài 59. Khu vực Đông Âu** | 1 | - Xác định được vị trí của khu vực Đông Âu.  - Trình bày được đặc điểm kinh tế khu vực Đông Âu.  - Đánh giá được những thuận lợi và khó khăn của tự nhiên đến sự phát triển kinh tế-xã hội ở Đông Âu.  - Giải thích được đặc điểm phát triển kinh tế của khu vực Đông Âu.  - Phân tích và tổng hợp lược đồ tự nhiên Đông Âu.  **-** Phân tích sơ đồ thảm thực vật để thấy được mối quan hệ giữa khí hậu và thảm thực vật |
| 33 | **Ôn tập HKII** | 1 | - Hệ thống hoá những kiến thức về tự nhiên, dân cư, kinh tế của Bắc Mĩ, khu vực trung và Nam Mĩ và các châu Nam cực, châu Đại Dương và châu Âu |
| 33 | **Ôn tập HKII** | 1 | - Rèn luyện một số kĩ năng cơ bản như phân tích bản đồ, lược đồ tự nhiên, dân cư và kinh tế; xử lí và phân tích số liệu thống kê về dân số, kinh tế; Khai thác kiến thức từ tranh ảnh địa lí |
| 34 | **Kiểm tra cuối HKII** | 1 | - Đánh giá kết quả học tập của học sinh nhằm điều chỉnh nội dung, phương pháp dạy học và giúp đỡ học sinh một cách kịp thời.  - Kiểm tra các kiến thức, kĩ năng cơ bản ở các nội dung về châu Mỹ và châu Âu.  - Củng cố các kĩ năng phân tích bản đồ, bảng số liệu.  - Phân tích biểu đồ và bảng số liệu.  - Sữa chửa những lỗi làm bài của học sinh. |
| 34 | **Kiểm tra cuối HKII** | 1 | Trả bài kiểm tra |
| 35 | **Bài 60. Liên minh Châu Âu** | 1 | - Xác định được các nước trong khối liên minh châu Âu.  - Mô tả được quá trình mở rộng của liên minh châu Âu qua từng giai đoạn.  - Nhận xét, đánh giá được sự phát triển của liên minh châu Âu.  - Phân tích lược đồ, tranh ảnh. |
| 35 | **Bài 61. Thực hành Đọc lược đồ, vẽ biểu đồ cơ cấu kinh tế Châu Âu** | 1 | - Kể tên các nước ở châu Âu và xác định được nước đó thuộc khu vực nào của châu Âu.  - Xác định được vị trí của các nước châu Âu trên bản đồ.  - Vẽ và nhận xét được biểu đồ cơ cấu kinh tế của Pháp và Ucraina.  **-** Kỹ năng vẽ biểu đồ cơ cấu kinh tế và khả năng nhận xét về trình độ phát triển của Pháp và Ucraina. |

**2. Chuyên đề lựa chọn (đối với cấp trung học phổ thông)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chuyên đề**  **(1)** | **Số tiết**  **(2)** | **Yêu cầu cần đạt**  **(3)** | **Nội dung tích hợp/lồng ghép**  **(4)** |
| **1** |  |  |  |  |
| **2** |  |  |  |  |
| **…** |  |  |  |  |

**3. Kiểm tra, đánh giá định kỳ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Bài kiểm tra, đánh giá | Thời gian  (1) | Thời điểm  (2) | Yêu cầu cần đạt  (3) | Hình thức  (4) |
| Giữa Học kỳ 1 | 45 phút | Tuần 8 | - Kiểm tra mức độ nắm vững kiến thức, kĩ năng cơ bản ở 3 cấp độ nhận thức: biết, hiểu và vận dụng sau khi học xong nội dung đã học các bài học từ tuần 1 đến tuần 6. | Kiểm tra viết |
| Cuối Học kỳ 1 | 45 phút | Tuần 16 | - Kiểm tra các kiến thức, kĩ năng cơ bản ở các nội dung: Các môi trường Địa lí và Châu Phi  - Củng cố các kĩ năng phân tích bản đồ, bảng số liệu.  - Phân tích biểu đồ và bảng số liệu.  - Sữa chửa những lỗi làm bài của học sinh. | Kiểm tra viết |
| Giữa Học kỳ 2 | 45 phút | Tuần 26 | - Đánh giá mức độ nắm, hiểu và vận dụng bài học của học sinh để tiếp tục điều chỉnh phương pháp học tập.  - Đánh giá kỹ năng quan sát, phân tích, nhận xét lược đồ, biểu đồ | Kiểm tra viết |
| Cuối Học kỳ 2 | 45 phút | Tuần 34 | - Đánh giá kết quả học tập của học sinh nhằm điều chỉnh nội dung, phương pháp dạy học và giúp đỡ học sinh một cách kịp thời.  - Kiểm tra các kiến thức, kĩ năng cơ bản ở các nội dung về châu Mỹ và châu Âu.  - Củng cố các kĩ năng phân tích bản đồ, bảng số liệu.  - Phân tích biểu đồ và bảng số liệu. | Kiểm tra viết |

**C** **Khối 8:**

**1. Phân phối chương trình**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tuần | Bài học  (1) | Số tiết  (2) | Yêu cầu cần đạt  (3) | Nội dung tích hợp/lồng ghép  (4) |
| 1 | **Bài 1: Vị trí địa lí, địa hình và khoáng sản** | 1 | - Xác định được vị trí địa lí và giới hạn lãnh thổ của châu Á trên bản đồ thế giới.  - Trình bày được đặc điểm kích thước lãnh thổ, địa hình và khoáng sản của châu Á.  - Đánh giá được những thế mạnh đặc biệt của thiên nhiên châu Á đối với sự phát triển kinh tế - xã hội.  - Xác định được các dạng địa hình của châu Á, kể tên được các đồng bằng, sơn nguyên, cao nguyên, dãy núi và hướng núi chính của châu Á trên bản đồ.  - Kể tên và xác định được các mỏ khoáng sản của châu Á trên bản đồ. |  |
| 2 | **Bài 2: Khí hậu châu Á** |  | - Trình bày và giải thích được đặc điểm khí hậu châu Á  - Nêu và giải thích được sự khác biệt giữa kiểu khí hậu lục địa và kiểu khí hậu gió mùa ở châu Á.  - Xác định được sự phân bố của các kiểu khí hậu, các đới khí hậu của châu Á trên bản đồ.  - Đọc và nhận xét biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa của các địa điểm | - Tích hợp giáo dục kĩ năng sống  - Câu hỏi 2 phần câu hỏi và bài tập: Không yêu cầu học sinh làm. |
| 3 | **Bài 3. Sông ngòi và cảnh quan châu Á** | 1 | - Trình bày được đặc điểm chung của sông ngòi Châu Á.  - Nêu và giải thích được sự khác nhau về chế độ nước, giá trị kinh tế của các hệ thống sông lớn.  - - Trình bày được các cảnh quan tự nhiên của Châu Á và giải thích được sự phân bố của một số cảnh quan.  - Sử dụng bản đồ để xác định vị trí và một số đặc điểm sông ngòi và cảnh quan của Châu Á.  - Xác lập mối quan hệ giữa khí hậu, địa hình với sông ngòi và cảnh quan tự nhiên. | - Tích hợp Ứng phó với thiên tai và biến đổi khí hậu. |
| 4 | **Bài 4. Thực hành: Phân tích hoàn lưu gió mùa châu Á** |  | Trình bày được nguyên nhân hình thành và cơ chế hoạt động gió mùa ở châu Á.  - Nêu được các hướng gió chính vào mùa đông và mùa hạ ở các khu vực của châu Á.  - Đánh giá tác động của gió mùa đến tự nhiên châu Á.  - Đọc, phân tích sự thay đổi khí áp và hướng gió trên bản đồ vào các mùa, phân biệt các đường đẳng áp. |  |
| 5 | **Bài 5. Đặc điểm dân cư, xã hội châu Á** | 1 | - Giải thích được một số đặc điểm nổi bật của dân cư - xã hội ở Châu Á.  - Đánh giá được một số tác động của dân cư- xã hội đến sự phát triển kinh tế các nước châu Á.  - Kĩ năng phân tích bảng số liệu dân số  - Kĩ năng quan sát ảnh và phân tích lược đồ phân bố dân cư, chủng tộc, tôn giáo. | Câu hỏi 2: Không yêu cầu vẽ biểu đồ, Giáo viên hướng dẫn học sinh nhận xét |
| 6 | **Bài 6. Thực hành: Đọc, phân tích lược đồ phân bố dân cư và các thành phố lớn châu Á** | 1 | - Củng cố kiến thức về phân bố dân cư Châu Á  - Mối quan hệ giữa tự nhiên với phân bố dân cư.  - Xác định vị trí của các thành phố lớn, những nơi tập trung đông dân, nơi thưa dân của Châu Á.  - Phân tích bản đồ dân cư Châu Á, bản đồ tự nhiên Châu Á, tìm mối quan hệ Địa lí giữa dân cư và tự nhiên. | - Tích hợp giáo dục kĩ năng sống |
| 7 | **Bài 7. Đặc điểm phát triển kinh tế - xã hội các nước châu Á** | 1 | - Liệt kê được các nhóm nước có trình độ phát triển kinh tế giống nhau.  - Trình bày và giải thích ở mức độ đơn giản một số đặc điểm phát triển kinh tế của các nước Châu Á:  - Liên hệ với tình hình kinh tế xã hội của Việt Nam.  - Phân tích bảng số liệu về các chỉ tiêu kinh tế của một số nước châu Á.  - Thu thập, thống kê các thông tin kinh tế - xã hội để nhận định, đánh giá mở rộng kiến thức. | - Tích hợp giáo dục kĩ năng sống.  - Không dạy: Phần 1. Vài nét về lịch sử phát triển của các nước Châu Á  Câu hỏi 2 phần câu hỏi và bài tập: Không yêu cầu học sinh làm. |
| 8 | **Ôn tập** | 1 | - Hệ thống hóa các kiến thức đã học về Châu Á.  - Trình bày những đặc điểm chính về vị trí địa lí, tự nhiên, dân cư, xã hội Châu Á  - Củng cố kỹ năng: Phân tích biểu đồ, lược đồ, biểu đồ, các bảng số liệu thống kê về đặc điểm tự nhiên, dân cư Châu Á.  - Phát triển khả năng tổng hợp, khái quát, xác lập mối quan hệ địa lí giữa các yếu tố tự nhiên, giữa tự nhiên với sự phân bố dân cư, sự phát triển kinh tế |  |
| 9 | **Kiểm tra giữa kì** | 1 | Củng cố các kiến thức khái quát về tự nhiên Châu Á và mối quan hệ giữa các thành phần tự nhiên.  - Củng cố kiến thức về dân cư, kinh tế- xã hội châu Á.  Củng cố kỹ năng: Phân tích biểu đồ, các mối quan hệ địa lí để giải thích đặc điểm tự nhiên, dân cư, kinh tế châu Á. |  |
| 10 | **Bài 8. Tình hình phát triển kinh tế- xã hội các nước châu Á** | 1 | - Trình bày được được những thành tựu và sự phân bố các ngành kinh tế ở các nước và vùng lãnh thổ châu Á.  - Phân tích được xu hướng phát triển hiện nay của các nước và vùng lãnh thổ là ưu tiên phát triển công nghiệp, dịch vụ và không ngừng nâng cao đời sống.  - Quan sát tranh ảnh và nhận xét về một số hoạt động kinh tế ở Châu Á.  - Phân tích các bảng thống kê kinh tế, tăng trưởng GDP, về cơ cấu cây trồng của một số quốc gia , khu vực thuộc Châu Á.  - Rèn kỹ năng đọc và phân tích mối quan hệ giữa điều kiện tự nhiên với hoạt động kinh tế, đặc biệt với sự phân bố cây trồng và vật nuôi. |  |
| 11 | **Bài 9. Khu vực Tây Nam Á** | 1 | - Xác định được vị trí khu vực Tây Nam Á trên bản đồ và hiểu được vị trí chiến lược của khu vực.  - Trình bày và giải thích được những đặc điểm nổi bật về tự nhiên, dân cư, kinh tế - xã hội khu vực Tây Nam Á.  - Đề xuất giải pháp phát triển kinh tế và giả quyết xung đột – khủng bố tại khu vực.  - Phân tích biểu đồ, lược đồ tự nhiên , bảng số liệu thống kê, phim ảnh để rút ra đặc điểm vị trí, tự nhiên, dân cư, kinh tế khu vực.  - Xác lập được mối quan hệ giữa các yếu tố Địa lí. | - Tích hợp giáo dục kĩ năng sống |
| 12 | **Bài 10. Điều kiện tự nhiên khu vực Nam Á** | 1 | những đặc điểm nổi bật về tự nhiên của khu vực Nam Á.  - Đọc bản đồ,tự nhiên và lược đồ phân bố lượng mưa khu vực Nam Á.  - Quan sát, nhận xét ảnh địa lí |  |
| 13 | **Bài 11. Dân cư và đặc điểm kinh tế khu vực Nam Á** | 1 | - Trình bày những đặc điểm nổi bật về dân cư, kinh tế của khu vực Nam Á .  - Phân tích lược đồ phân bố dân cư, bảng số liệu, ảnh đia lí để nhận biết đặc điểm kinh tế Nam Á.  - Quan sát, nhận xét ảnh địa lí |  |
| 14 | **Bài 12. Đặc điểm tự nhiên khu vực Đông Á** | 1 | - Xác định được vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ của khu vực Đông Á. - Trình bày được những đặc điểm nổi bật về tự nhiên của khu vực Đông Á và giải thích nguyên nhân. - Phân tích biểu đồ, lược đồ tự nhiên , phim ảnh để rút ra đặc điểm vị trí, tự nhiên khu vực.  - Xác lập được mối quan hệ giữa các thành phần tự nhiên. | - Tích hợp giáo dục kĩ năng sống |
| 15 | **Ôn tập** | 1 | - Củng cố các kiến thức cơ bản về tự nhiên, kinh tế, xã hội châu Á.  - Củng cố các kiến thức cơ bản về tự nhiên, kinh tế, xã hội của Tây Nam Á, Nam Á, Đông Á.  - Củng cố kỹ năng: Phân tích biểu đồ, lược đồ, biểu đồ, các bảng số liệu thống kê về đặc điểm tự nhiên, dân cư, kinh tế- xã hội.  - Phát triển khả năng tổng hợp, khái quát, xác lập mối quan hệ địa lí giữa các yếu tố tự nhiên, giữa tự nhiên với sự phân bố dân cư, sự phát triển kinh tế. |  |
| 16 | **Kiểm tra cuối học kì I** | 1 | * Các kiến thức cơ bản về tự nhiên, kinh tế, xã hội của Tây Nam Á, Nam Á, Đông Á. * Kỹ năng: Phân tích biểu đồ, lược đồ, biểu đồ, các bảng số liệu thống kê về đặc điểm tự nhiên, dân cư, kinh tế- xã hội. |  |
| 17 | **Kiểm tra học kì I** | 1 | - Trả bài kiểm tra và sửa bài kiểm tra |  |
| 18 | **Bài 13. Tình hình phát triển kinh tế- xã hội khu vực Đông Á** | 1 | - Trình bày và giải thích được một số đặc điểm nổi bật về dân cư, kinh tế - xã hội khu vực Đông Á.  - Trình bày và phân tích được tình hình phát triển kinh tế của một số quốc gia Đông Á.  - Liên hệ tình hình xuất nhập khẩu giữa các nước khu vực Đông Á và Việt Nam.  - Phân tích biểu đồ, lược đồ tự nhiên, số liệu thống kê, phim ảnh để rút ra đặc điểm dân cư, kinh tế khu vực.  - Xác lập được mối quan hệ giữa các yếu tố tự nhiên, dân cư với kinh tế - xã hội.  - Kĩ năng thu thập, thống kê các thông tin KT – XH để mở rộng kiến thức. | Câu hỏi 2 phần câu hỏi và bài tập: Không yêu cầu học sinh làm. |
| 19 | **Bài 14. Đông Nam Á - đất liền và hải đảo** | 1 | - Xác định được vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ của khu vực Đông Á. Trình bày được những đặc điểm nổi bật về tự nhiên của khu vực Đông Á và giải thích nguyên nhân. - Phân tích biểu đồ, lược đồ tự nhiên , phim ảnh để rút ra đặc điểm vị trí, tự nhiên khu vực. |  |
| 19 | **Bài 15. Đặc điểm dân cư, xã hội Đông Nam Á** | 1 | * Trình bày được một số đặc điểm nổi bật về dân cư, xã hội của khu vực Đông Nam Á và giải thích nguyên nhân. * So sánh được các điểm tương đồng và khác biệt về mặt xã hội của các nước trong khu vực. * Đánh giá được các thế mạnh và hạn chế của dân cư xã hội Đông Nam Á * Xử lí, phân tích và nhận xét được các bảng số liệu thống kê về dân số của khu vực Đông Nam Á. * Khai thác được các kiến thức từ bản đồ, tranh ảnh và video clip.   Xác lập được mối quan hệ giữa các yếu tố địa lí. | * Tích hợp giáo dục kĩ năng sống |
| 20 | **Bài 17. Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN)** | 1 | - Trình bày được Quá trình thành lập, các nước thành viên; mục tiêu hoạt động và những thành tựu đạt do sự hợp tác của các nước.  - Đánh giá thuận lợi và thách thức đối với Việt Nam trong quá trình hội nhập ASEAN.  - Phân tích bản đồ, bảng số liệu thống kê, tranh ảnh địa lí để năm được quá trình hình thành, số lượng thành viên và những thành tự nổi bật của ASEAN.  - Vẽ và nhận xét được biểu đồ cột. |  |
| 21 | **Bài 18. Thực hành: Tìm hiểu Lào, Cam-pu-chia** | 1 | - Xác định được vị trí của Lào và Campuchia trên lược đồ.  - Phân tích được một số đặc điểm nổi bật về tự nhiên, dân cư, kinh tế của Lào và Campuchia.  - Tập hợp các tư liệu sử dụng chúng để tìm hiểu đặc điểm Địa lí một quôc gia.  - Phân tích bản đồ, tranh ảnh, số liệu thống kê, văn bản.  - Trình bày một văn bản. |  |
|  | **Bài 19, 20, 21** |  | Giảm tải |  |
| 21 | **Bài 22. Việt Nam-đát nước-con người** | 1 | Thấy được vị thế của Việt Nam trong khu vực Đông Nam Á và trên thế giới  - Biết được Việt Nam là một trong những quốc gia mang đậm bản sắc thiên nhiên, văn hóa, lịch sử của khu vực Đông Nam Á  - Phân tích bản đồ, tranh ảnh địa lí  - Sưu tầm tranh ảnh về các hoạt động đối ngoại của VN trong khu vực Đông Nam Á và trên thế giới. |  |
| 22 | **Bài 23. Vị trí, giới hạn, hình dạng của lãnh thổ Việt Nam** | 1 | - Trình bày được vị trí địa lí, giới hạn, diện tích, phạm vi lãnh thổ của nýớc ta.  - Thấy được vị trí chiến lýợc về ANQP của nýớc ta trong khu vực và trên thế giới*.*  - Đánh giá được ý nghĩa của vị trí địa lí, hình dạng lãnh thổ nước ta đối với tự nhiên và sự phát triển kinh tế - xã hội.  - Đề xuất giải pháp nhằm bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ  - Kỹ năng đọc bản đồ, sử dụng tranh ảnh, video để xác định vị trí, giới hạn, phạm vi lãnh thổ của nước ta  - Xác lập mối liên hệ giữa các yếu tố địa lí. |  |
| 22 | **Bài 24. Vùng biển Việt Nam** |  | - Trình bày được diện tích, giới hạn của vùng biển Việt Nam; khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với biển Đông.  - Trình bày được một số đặc điểm khí hậu, hải văn của Biển Đông.  - Đánh giá được một số tác động của biển Đông đến phát triển kinh tế - xã hội ở nước ta .  - Biết được thiên tai ở biển ngày càng dữ dội và khó lường do biến đổi khí hậu.  - Phân tích được nguyên nhân cần thiết phải bảo vệ môi trường biển từ đó đề xuất giải pháp hợp lí. - Sử dụng bản đồ, lược đồ khu vực Đông Nam Á, bản đồ tự nhiên Việt Nam để xác định vị trí, giới hạn của biển Đông. - Rèn luyện kĩ năng phân tích và giải thích lược đồ khí hậu, hải văn.  - Thu thập tranh ảnh, thông tin từ các tài liệu khác nhau liên quan đến chủ quyền vùng biển VN.  - Thích ứng với những thiên tai ngày càng bất thường từ biển. | - Tích hợp giáo dục kỹ năng sống, giáo dục bảo vệ môi trường Mục 2.  **-**Tích hợp giáo dục an ninh quốc phòng  - Tích hợp ứng phó với thiên tai và biến đổi khí hậu |
| 23 | **Bài 26. Đặc điểm tài nguyên khoáng sản Việt Nam** | 1 | Kể tên được một số loại khoáng sản của nước ta.  - Chứng minh được Việt Nam là nước giàu khoáng sản nhưng phần lớn các mỏ có trữ lượng nhỏ và vừa.  - Phân tích được những nguyên nhân làm cạn kiệt nguồn tài nguyên khoáng sản.  - Đề xuất được những biện pháp bảo vệ và sử dụng tiết kiệm tài nguyên.  - Đọc bản đồ khoáng sản, nhận xét sự phân bố các mỏ khoáng sản ở nước ta.  - Xác định dược các mỏ khoáng sản lớn và các vùng khoáng sản trên bản đồ. | - Tích hợp bảo vệ môi trường mục 3;  - Không dạy: Mục 2. Sự hình thành các vùng mỏ chính ở nước ta.  - Câu hỏi 3 phần câu hỏi và bài tập: Không yêu cầu học sinh làm. |
| 23 | **Bài 27. Thực hành: Đọc bản đồ Việt Nam (phần hành chính và khoáng sản)** |  | - Củng cố kiến thức về vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ, tổ chức hành chính của nước ta  - Củng cố các kiến thức về tài nguyên khoáng sản của VN, nhận xét sự phân bố khoáng sản ở Việt Nam.  - Xác định được vị trí của các tỉnh, thành phố ven biển, nội địa, các tỉnh đường biên giới với Trung Quốc, Lào và Campuchia.  - Đọc được bản đồ hành chính và lược đồ khoáng sản Việt Nam. | - Khuyến khích học sinh tự học.  -Tích hợp giáo dục an ninh quốc phòng |
| 24 | **Bài 29. Đặc điểm địa hình Việt Nam** | 1 | - Trình bày và giải thích được 3 đặc điểm địa hình Việt Nam.  - Phân tích được mối quan hệ giữa địa hình với các thành phần khác trong môi trường tự nhiên và tác động của địa hình đến sự phát triển kinh tế- xã hội đất nước.  - Rèn kĩ năng đọc, hiểu khai thác kiến thức về địa hình Việt Nam trên bản đồ địa hình.  - Kĩ năng phân tích lát cắt địa hình để thấy được sự phân bậc địa hình Việt Nam.  - Nhận xét tác động của con người tới địa hình qua tranh ảnh thực tiễn. | - Tích hợp bảo vệ môi trường mục 3 |
| 24 | **Bài 29. Đặc điểm các khu vực địa hình** | 1 | - Trình bày được sự phân hóa đa dạng của địa hình Việt Nam.  - Nêu được đặc điểm cấu trúc, phân bố của các khu vực địa hình đồi núi, đồng bằng, bờ biển và thềm lục địa.  - Đồng bằng sông Cửu Long, Đồng bằng sông Hồng có nguy cơ bị thu hẹp diện tích do nước biển dâng.  - Sử dụng bản đồ tự nhiên, lược đồ địa hình Việt Nam để xác định vị trí, mô tả các đặc điểm và sự phân bố các khu vực địa hình ở nước ta.  - Đọc bản đồ địa hình để xác định được vị trí các dãy núi, đỉnh núi và dòng sông, trên lược đồ. | - Tích hợp giáo dục kỹ năng sống |
| 25 | **Ôn tập** | 1 | * Kiến thức từ bài 14 – bài 29 |  |
| 25 | **Ôn tập** | 1 | * Kĩ năng quan sát tranh ảnh, đọc và phân tích biểu đồ, bản đồ… * Tính toán số liệu và nhận xét |  |
| 26 | **Kiểm tra giữa kì HKII** | 1 | * Kiến thức kỹ năng từ tuần 19 đến tuần 24 |  |
| 26 | **Bài 30. Thực hành: Đọc bản đồ địa hình Việt Nam** | 1 | - Nêu được các đơn vị địa hình cơ bản của nước ta.  - Trình bày đặc điểm địa hình một số khu vực lãnh thổ.  - Đánh giá tác động của địa hình đến đời sống kinh tế và xã hội  - Đọc bản đồ địa hình Việt Nam.  - Đọc lát cắt địa hình. | - Tích hợp ứng phó với thiên tai và biến đổi khí hậu. |
| 27 | **Bìa 31. Đặc điểm khí hậu Việt Nam** | 1 | - Trình bày và giải thích được đặc điểm chung của khí hậu VN.  - Phân tích được mối quan hệ giữa khí hậu với các thành phần tự nhiên khác.  - Biết được những năm gần đây, hiện tượng BĐKH toàn cầu đã tác động mạnh đến khí hậu nước ta.  - Vận dụng kiến thức đã học để giải thích những hiện tượng thời tiết thường gặp trong cuộc sống.  - Sử dụng bản đồ, Atlat, biểu đồ, các bảng số liệu để trình bày đặc điểm khí hậu Việt Nam.  - Xác lập mối quan hệ giữa các thành phần tự nhiên. | - Tích hợp bảo vệ môi trường mục 3  - Tích hợp Kỹ năng sống |
| 27 | **Bài 32. Các mùa khí hậu và thời tiết ở nước ta** | 1 | - Trình bày được những nét đặc trưng của khí hậu và thời tiết của hai mùa gió.  - So sánh sự khác biệt về khí hậu và thời tiết của miền Bắc, Trung và Nam  - Phân tích được những thuận lợi và khó khăn do khí hậu và thời tiết mang lại đối với đời sống và sản xuất của nhân dân.  - Đề xuất giải pháp phòng chống thiên tai và biến đổi khí hậu  - Phân tích, so sánh được bảng số liệu nhiệt độ, lượng mưa ở các trạm Hà Nội, Huế, Tp.HCM  - Phân tích video dự báo thời tiết. | - Tích hợp bảo vệ môi trường cả bài  - Tích hợp ứng phó với thiên tai và biến đổi khí hậu. |
| 28 | **Bài 33. Đặc điểm sông ngòi VN** | 1 | -Trình bày được các đặc điểm chung của sông ngòi Việt Nam: mạng lưới sông, hướng chảy, chế độ nước, lượng phù sa.  -Nêu được những thuận lợi và khó khăn của sông ngòi đối với đời sống, sản xuất và sự cần thiết phải bảo vệ nguồn nước sông.  - Sử dụng bản đồ Địa lí tự nhiên Viêt Nam, bản đồ mạng lưới sông ngòi Việt Nam để trình bày các đặc điểm chung của sông ngòi Việt Nam.  - Phát triển tư duy địa lí, phân tích bảng số liệu và giải thích được các mối quan hệ giữa sông ngòi với các yếu tố tự nhiên khác và hoạt động kinh tế của con người. | * Tích hợp bảo vệ môi trường Mục 2 |
| 28 | **Bài 34.** **Các hệ thống sông lớn ở nước ta** | 1 | - Nêu và giải thích được sự khác nhau về chế độ nước, về mùa lũ của 3 vùng : Bắc Bộ, Trung Bộ, Nam Bộ.  - Biết được một số hệ thống sông lớn ở nước ta.  - Sử dụng bản đồ để trình bày các hệ thống sông lớn ở nước ta.  - Phân tích bảng số liệu, bảng thống kê về các hệ thống sông lớn ở Việt Nam. |  |
| 29 | **Bài 35. Thực hành về khí hậu, thuỷ văn Việt Nam** | 1 | - Giải thích được sự biến động lưu lượng nước trong năm của các sông Hồng và Gianh  -Đánh giá được tác động của chế độ nước đến sản xuất và sinh hoạt  - Vẽ biểu đồ lưu lượng dòng chảy và lượng mưa của 2 lưu vực sông.  - Phân tích và xử lí số liệu về khí hậu - thủy văn. | - Tích hợp ứng phó với thiên tai và biến đổi khí hậu |
| 29 | **Bài 36. Đặc điểm đất Việt Nam** | 1 | - Trình bày và giải thích được đặc điểm chung của đất Việt Nam  - Xác định được đặc tính, sự phân bố và giá trị kinh tế của các nhóm đất chính ở nước ta.  - Đánh giá được vấn đề sử dụng và cải tạo đất ở nước ta hiện nay.  - Đề xuất các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm đất ở địa phương.  - Đọc lát cắt địa hình, bản đồ các loại đất chính.  - Quan sát, nhận biết, phân loại đất thông qua mẫu đất. | - Tích hợp bảo vệ môi trường mục 3 Mục 2 |
| 30 | **Bài 37. Đặc điểm sinh vật Việt Nam** | 1 | - Trình bày và giải thích được đặc điểm chung của sinh vật Việt Nam.  - Trình bày được những nét cơ bản các hệ sinh thái ở Việt Nam.  - Nêu được giá trị của tài nguyên sinh vật, nguyên nhân của sự suy giảm và sự cần thiết phải bảo vệ nguồn tài nguyên sinh vật ở Việt Nam.  -Phân tích tranh ảnh, bảng số liệu để chứng minh sự phong phú, đa dạng của sinh vật Việt Nam. | - Tích hợp bảo vệ môi trường mục 3 |
| 30 | **Bài 38. Bảo vệ tài nguyên sinh vật Việt Nam** | 1 | - Trình bày được giá trị của tài nguyên sinh vật nước ta.  - Phân tích được nguyên nhân của sự suy giảm của tài nguyên sinh vật nước ta.  - Đề xuất các giải pháp bảo vệ, gìn giữ nguồn tài nguyên sinh vật nước ta.  - Phân tích bảng số liệu về diện tích rừng.  - Sưu tầm tranh ảnh, tư liệu có liên quan đến một số động, thực vật có nguy cơ tuyệt chủng. | - Tích hợp bảo vệ môi trường cả bài |
| 31 | **Bài 39. Đặc điểm chung của tự nhiên Việt Nam** | 1 | Trình bày và giải thích được 4 đặc điểm chung của TNVN: Nhiệt đới ẩm gió mùa, chịu ảnh hưởng sâu sắc của biển, nhiều đồi núi, phân hóa đa dạng, phức tạp.  - Nêu được những thuận lợi và khó khăn của tự nhiên đối với đời sông và phát triển kinh tế - xã hội ở nước ta.  - Sử dụng bản đồ tự nhiên VN để nhận biết sự phân bậc độ cao địa hình, các hướng gió chính, các dòng biển, các dòng sông lớn.  - Kỹ năng tư duy địa lí tổng hợp |  |
| 31 | **Bài 40. Thực hành: Đọc lát cắt tự nhiên tổng hợp** | 1 | - So sánh và giải thích được đặc điểm địa hình và khí hậu của khu vực Tây Bắc  - Củng cố kiến thức địa lí cơ bản về địa lí TNVN: địa chất, địa hình, khí hậu, thủy văn, sinh vật, đất …  - Phân tích lát cắt thấy được cấu trúc đứng, cấu trúc ngang củamột lát cắt tự nhiên tổng hợp.  - Phân tích được mối quan hệ chặt chẽ giữa các thành phần tự nhiên | - Tích hợp Kỹ năng sống |
| 32 | **Bài 41. Miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ** | 1 | - Xác định vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ của miền.  - Trình bày được đặc điểm về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của vùng.  - Phân tích được những khó khăn và hạn chế của vùng từ đó đề xuất các giải pháp nhằm khai thác hiệu quả hơn nữa thế mạnh vùng.  -Phân tích bản đồ, lát cắt địa lí, bảng số liệu thống kê, tranh ảnh, video clip... để xác định vị trí, trình bày và giải thích các đặc điểm tự nhiên của vùng. | - Tích hợp bảo vệ môi trường mục 3 |
| 32 | **Bài 42. Miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ** | 1 | - Xác định vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ của miền.  - Trình bày và giải thích được các đặc điểm nổi bật về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của vùng.  - Phân tích được những khó khăn và hạn chế của vùng từ đó đề xuất các giải pháp nhằm khai thác hiệu quả hơn nữa thế mạnh vùng.  - Phân tích bản đồ, lát cắt địa lí, bảng số liệu thống kê, tranh ảnh, video clip... để xác định vị trí, trình bày và giải thích các đặc điểm tự nhiên của vùng. | - Tích hợp bảo vệ môi trường: mục 4 , 5 |
| 33 | **Ôn tập học kỳ II** | 1 | - Củng cố các kiến thức cơ bản về tự nhiên, dân cư, xã hội khu vực Đông Nam Á.  - Phát triển khả năng tổng hợp, khái quát hóa các kiến thức cơ bản đã học.  - Củng cố và phát triển các kỹ năng phân tích bản đồ, lược đồ, bảng số liệu thống kê, xác lập các mối quan hệ địa lí. |  |
| 33 | **Ôn tập học kỳ II** |  | Củng cố các kiến thức cơ bản về tự nhiên Việt Nam |  |
| 34 | **Kiểm tra học kì II** |  | -Các kiến thức cơ bản về tự nhiên, dân cư, xã hội khu vực Đông Nam Á.  - Kĩ năng tổng hợp, khái quát hóa các kiến thức cơ bản đã học.  - Kĩ năng phân tích bản đồ, lược đồ, bảng số liệu thống kê, xác lập các mối quan hệ địa lí.  - Các kiến thức cơ bản về tự nhiên Việt Nam |  |
| 34 | **Kiểm tra học kì II** | 1 | Trả bài thi và sử bài thi cho học sinh |  |
| 35 | **Bài 43. Miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ** | 1 | - Xác định vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ của miền.  - Trình bày và giải thích được các đặc điểm nổi bật về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của vùng.  - Phân tích được những khó khăn và hạn chế của vùng từ đó đề xuất các giải pháp nhằm khai thác hiệu quả hơn nữa thế mạnh vùng.  - Phân tích bản đồ, lát cắt địa lí, bảng số liệu thống kê, tranh ảnh, video clip... để xác định vị trí, trình bày và giải thích các đặc điểm tự nhiên của vùng. | - Tích hợp giáo dục bảo vệ môi trường: mục 4  - Tích hợp giáo dục kỹ năng sống  - Giáo dục bảo vệ biển-đảo  *-* Tích hợp ứng phó với thiên tai và biến đổi khí hậu. |
| 35 | **Thực hành: Tìm hiểu địa phương** | 1 | - Biết sử dụng kiến thức của các môn Lịch sử, Địa lí để tìm hiểu địa lí địa phương.  - Rèn kỹ năng điều tra, thu thập thông tin, phân tích thông tin |  |

**2. Chuyên đề lựa chọn (đối với cấp trung học phổ thông)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chuyên đề**  **(1)** | **Số tiết**  **(2)** | **Yêu cầu cần đạt**  **(3)** | **Nội dung tích hợp/lồng ghép**  **(4)** |
| **1** |  |  |  |  |
| **2** |  |  |  |  |
| **…** |  |  |  |  |

**3. Kiểm tra, đánh giá định kỳ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Bài kiểm tra, đánh giá | Thời gian  (1) | Thời điểm  (2) | Yêu cầu cần đạt  (3) | Hình thức  (4) |
| Giữa Học kỳ 1 | 45 phút | Tuần 9 | - Các kiến thức khái quát về tự nhiên Châu Á và mối quan hệ giữa các thành phần tự nhiên.  - Kiến thức về dân cư, kinh tế- xã hội châu Á.  - Kỹ năng: Phân tích biểu đồ, các mối quan hệ địa lí để giải thích đặc điểm tự nhiên, dân cư, kinh tế châu Á. | Kiểm tra viết |
| Cuối Học kỳ 1 | 45 phút | Tuần 16 | Các kiến thức cơ bản về tự nhiên, kinh tế, xã hội của Tây Nam Á, Nam Á, Đông Á.  Kỹ năng: Phân tích biểu đồ, lược đồ, biểu đồ, các bảng số liệu thống kê về đặc điểm tự nhiên, dân cư, kinh tế- xã hội. | Kiểm tra viết |
| Giữa Học kỳ 2 | 45 phút | Tuần 26 | Kiến thức kỹ năng từ tuần 19 đến tuần 24 | Kiểm tra viết |
| Cuối Học kỳ 2 | 45 phút | Tuần 34 | - Các kiến thức cơ bản về tự nhiên, dân cư, xã hội khu vực Đông Nam Á.  - Kĩ năng tổng hợp, khái quát hóa các kiến thức cơ bản đã học.  - Kĩ năng phân tích bản đồ, lược đồ, bảng số liệu thống kê, xác lập các mối quan hệ địa lí.  - Các kiến thức cơ bản về tự nhiên Việt Nam | Kiểm tra viết |

**D** **Khối 9:**

**1. Phân phối chương trình**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **TÊN CHƯƠNG-CHỦ ĐỀ** | **BÀI HỌC** | **SỐ TIẾT** | **THỜI**  **ĐIỂM**  **(TUẦN)** | **THIẾT BỊ** | **ĐỊA ĐIỂM** | **YÊU CẦU CẦN ĐẠT** |
| **1** | **CHỦ ĐỀ 1:**  **ĐỊA LÝ DÂN CƯ**  **(5 TIẾT)** | **BÀI 1: Cộng đồng các dân tộc Việt Nam** | 1 | **1** | * SGK, * Bài dạy Powerpoint * Tập Bản Đồ 9 * Bản đồ phân bố dân tộc Việt Nam. * Hình ảnh cộng đồng 54 dân tộc. | Tại lớp | - Nêu được một số đặc điểm về dân tộc : Việt Nam có 54 dân tộc ; mỗi dân tộc có đặc trưng về văn hoá thể hiện trong ngôn ngữ, trang phục, phong tục, tập quán.  - Biết dân tộc có trình độ phát triển kinh tế khác nhau, chung sống đoàn kết, cùng xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.  - Trình bày được sự phân bố các dân tộc ở nước ta.  - Phân tích bảng số liệu về số dân phân theo thành phần dân tộc.  - Thu thập thông tin về một dân tộc |
|  |  | **Bài 2: Dân số và gia tăng dân số**  **Nội dung cần bổ sung** Phân tích được sự thay đổi cơ cấu tuổi và giới tính của dân cư giai đoạn 1999-2019.  **Phần sẽ được bổ sung**:  Dạy bổ sung thêm vào mục III SGK Địa lí 9 hiện hành | 1 | **1** | * SGK, * Bài dạy powerpoint * Tập Bản Đồ 9 | Tại lớp | - Trình bày được một số đặc điểm của dân số nước ta ; nguyên nhân và hậu quả.  **-**Phân tích được sự thay đổi cơ cấu tuổi và giới tính của dân cư  - Vẽ và phân tích biểu đồ dân số Việt Nam.  - Phân tích và so sánh tháp dân số nước ta các năm 1999 và 2019. |
| **2** |  | **Bài 3: Phân bố dân cư và các loại hình quần cư.** | 1 | **2** | * SGK, * Bài dạy Powerpoint * Tập Bản Đồ 9 | Tại lớp | - Trình bày được tình hình phân bố dân cư nước ta : không đồng đều theo lãnh thổ, tập trung đông đúc ở đồng bằng và các đô thị, ở miền núi dân cư thưa thớt.  - Phân biệt được các loại hình quần cư thành thị và nông thôn theo chức năng và hình thái quần cư.  - Nhận biết quá trình đô thị hoá ở nước ta.  - Sử dụng bảng số liệu và bản đồ để nhận biết sự phân bố dân cư ở Việt Nam. |
|  |  | **Bài 4: Lao động việc làm, chất lượng cuộc sống** | 1 | **2** | * SGK, * Bài dạy Powerpoint * Tập Bản Đồ 9 | Tại lớp | - Trình bày được đặc điểm về nguồn lao động và việc sử dụng lao động.  - Biết được sức ép của dân số đối với việc giải quyết việc làm ở nước ta.  - Trình bày được hiện trạng chất lượng cuộc sống ở Việt Nam : còn thấp, không đồng đều, đang được cải thiện.  - Phân tích biểu đồ, bảng số liệu về cơ cấu sử dụng lao động. |
| **3** |  | **Bài 5: Thực hành phân tích và so sánh tháp dân số năm 1989 và 1999.** | 1 | **3** | * SGK, * Bài dạy Powerpoint * Tập Bản Đồ 9 | Tại lớp | – Phân tích được sự thay đổi cơ cấu tuổi và giới tính của dân cư.  - HS biết cách phân tích, so sánh tháp dân số  - Tìm được sự thay đổi và xu thế thay đổi cơ cấu dân số theo độ tuổi ở nước ta.  - Củng cố và hình thành ở mức độ cao về kĩ năng đọc phân tích so sánh tháp tuổi. |
|  | **Chủ đề 2:**  **Địa lý kinh tế**  **( 11 TIẾT)** | **Bài 6: Sự phát triển nền kinh tế Việt Nam (giảm tải phần I)** | 1 | **3** | * SGK, * Bài dạy Powerpoint * Tập Bản Đồ 9 | Tại lớp | -Trình bày sơ lược về quá trình phát triển của nền kinh tế Việt Nam.  - Thấy được chuyển dịch cơ cấu kinh tế ;những thành tựu và thách thức.  - Phân tích biểu đồ để nhận xét sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế. |
| **4** |  | **Bài 7: Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố nông nghiệp** | 1 | **4** | * SGK, * Bài dạy Powerpoint * Tập Bản Đồ 9 * Bản đồ địa lí TNVN | Tại lớp | - Phân tích được các nhân tố tự nhiên, kinh tế - xã hội ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố nông nghiệp.  - Biết sơ đồ các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố nông nghiệp |
|  |  | **Bài 8:Sự phát triển và phân bố nông nghiệp**  **Nội dung cần bổ sung**  – Tìm kiếm thông tin, viết báo cáo ngắn về một số mô hình sản xuất nông nghiệp có hiệu quả.  – Trình bày được ý nghĩa của việc phát triển nông nghiệp xanh.  **Phần sẽ được bổ sung**:  **Dạy bổ sung vào bài 8 - SGK Địa lí 9 hiện hành** | 1 | **4** | * SGK, * Bài dạy Powerpoint * Tập Bản Đồ 9 * Bản đồ Nông nghiệp Việt Nam | Tại lớp | - Trình bày được tình hình phát triển của sản xuất nông nghiệp : phát triển vững chắc, sản phẩm đa dạng, trồng trọt vẫn là ngành chính.  - Trình bày và giải thích sự phân bố của một số cây trồng, vật nuôi.  - Tìm kiếm thông tin, viết báo cáo ngắn về một số mô hình sản xuất nông nghiệp có hiệu quả.  -Trình bày được ý nghĩa của việc phát triển nông nghiệp xanh |
| **5** |  | **Bài 9: Sự phát triển và phân bố sản xuất lâm nghiệp và thủy sản.**  **Nội dung cần bổ sung**  Phân tích được đặc điểm phân bố tài nguyên rừng và nguồn lợi thuỷ sản.  **Phần sẽ được bổ sung**:  Dạy bổ sung vào bài 9, mục I.1; II.1 - SGK Địa lí 9 hiện hành | 1 | **5** | * SGK, * Bài dạy Powerpoint * Tập Bản Đồ 9 * Bản đồ lâm nghiệp và thủy sản | Tại lớp | - Biết được thực trạng độ che phủ rừng của nước ta ; vai trò của từng loại rừng.  - Trình bày được tình hình phát triển và phân bố ngành lâm nghiệp.  - Trình bày được nguồn lợi thuỷ, hải sản ; sự phát triển và phân bố của ngành khai thác, nuôi trồng thuỷ sản.  - Phân tích bản đồ để thấy rõ sự phân bố của các loại rừng, bãi tôm, cá.  - Phân tích bảng số liệu, biểu đồ để thấy sự phát triển của lâm nghiệp, thuỷ sản.  -Phân tích được đặc điểm phân bố tài nguyên rừng và nguồn lợi thủy sản. |
|  | **Bài 10 :Thực hành vẽ và phân tích biểu đồ về sự thay đổi cơ cấu diện tích gieo trồng phân theo các loại cây , sự tăng trưởng đàn gia súc , gia cầm** | **1** | **5** | * SGK, * Bài dạy Powerpoint * Tập Bản Đồ 9 * Compa, thước kẻ, thước đo độ, máy tính | Tại lớp | -Rèn luyện kĩ năng xử lí bảng số liệu , kĩ năng vẽ biểu đồ cơ cấu (hình tròn) và kĩ năng vẽ biểu đồ đường thể hiện tốc độ tăng trưởng.  - Rèn luyện kĩ năng đọc biểu đồ, rút ra các nhận xét và giải thích. |
| **6** |  | **Bài 11:** Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp | **1** | **6** | * SGK, * Bài dạy Powerpoint * Tập Bản Đồ 9 * Bản đồ địa chất, khoáng sản | Tại lớp | - Phân tích các nhân tố tự nhiên, kinh tế - xã hội ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp.  - Trình bày được tình hình phát triển của sản xuất công nghiệp.  - Trình bày được một số thành tựu của sản xuất công nghiệp : cơ cấu đa ngành với một số ngành trọng điểm khai thác thế mạnh của đất nước ; thực hiện công nghiệp hoá. |
|  | **Bài 12:** Sự phát triển và phân bố công ghiệp  (bỏ Mục II.3 không học. Câu hỏi bài tập 3 không làm)  **Nội dung cần bổ sung**  Giải thích được tại sao cần phát triển công nghiệp xanh.  **Phần sẽ được bổ sung:**  **Dạy bổ sung vào bài 12, mục I - SGK Địa lí 9 hiện hành** | 1 | **6** | * SGK, * Bài dạy Powerpoint * Tập Bản Đồ 9 * Bản đồ công nghiệp Việt Nam | Tại lớp | - Biết sự phân bố của một số ngành công nghiệp trọng điểm.  - Phân tích biểu đồ để nhận biết cơ cấu ngành công nghiệp.  - Phân tích bản đồ công nghiệp để thấy rõ các trung tâm công nghiệp, sự phân bố của một số ngành công nghiệp.  - Xác định được trên bản đồ các trung tâm công nghiệp chính.  - Gỉai thích được tại sao cần phát triển công nghiệp xanh |
| **7** |  | **Bài 13:** Vai trò, đặc điểm phát triển và phân bố của dịch vụ | 1 | **7** | * SGK, * Bài dạy Powerpoint * Tập Bản Đồ 9 * -Bản đồ Giao thông Việt Nam | Tại lớp | - Biết được cơ cấu và sự phát triển ngày càng đa dạng của ngành dịch vụ.  - Hiểu được vai trò quan trọng của ngành dịch vụ.  - Biết được đặc điểm phân bố của ngành dịch vụ nói chung. |
|  | **Bài 14:** GTVT và bưu chính viễn thông | 1 | **7** | * SGK, * Bài dạy Powerpoint * Tập Bản Đồ 9 |  | - Trình bày được tình hình phát triển và phân bố của một số ngành dịch vụ : giao thông vận tải, bưu chính viễn thông, thương mại, du lịch.  - Phân tích số liệu, biểu đồ để nhận biết cơ cấu và sự phát triển của ngành dịch vụ ở nước ta.  - Xác định trên bản đồ một số tuyến đường giao thông quan trọng, một số sân bay, bến cảng lớn. |
| **8** |  | **Bài 15:**  Thương mại và du lịch  **Nội dung cần bổ sung** Phân tích được một số xu hướng phát triển mới trong ngành thương mại và du lịch.  **Phần sẽ được bổ sung:**  Dạy bổ sung vào bài 15 –phần I.2 và II.2 SGK Địa lí 9 hiện hành. | 1 | **8** | * SGK, * Bài dạy Powerpoint * Tập Bản Đồ 9 | Tại lớp | -Biết được cơ cấu và vai trò của ngành dịch vụ, đặc điểm phát triển và phân bố các ngành dịch vụ nói chung. Vẽ sơ đồ, giải thích sự phân bố ngành dịch vụ.  *-* Phân tích được một số xu hướng phát triển mới trong ngành thương mại và du lịch. |
| **8** |  | **Bài 16:**Thực hành: Vẽ biểu đồ về sự thay đổi cơ cấu kinh tế | 1 | **8** |  | Tại lớp | Vẽ biểu đồ: thể hiện cơ cấu bằng biểu đồ miền.Giải thích được sự thay đổi cơ cấu của nước ta |
| **9** |  | **ÔN TẬP** | 1 | **9** |  | Tại lớp | Kiến thức:Trình bày được sự phát triển và phân bố của các ngành kinh tế.  - Kỹ năng: +Vẽ biểu đồ tròn thể hiện cơ cấu của một ngành kinh tế.  + Xác định trên bản đồ các trung tâm công nghiệp, các vùng nông nghiệp, các sản phẩm ngành nông, lâm và ngư nghiệp, các đường giao thông, sân bay, hải cảng. |
|  |  | **KIỂM TRA GIỮA KÌ I** | 1 | **9** |  | Tại lớp |  |
|  | **Chủ đề 3: sự phân hóa lãnh thổ**  **(20 TIẾT )** | **Bài 17:Vùng trung du miền núi Bắc Bộ** | **1** | **10** | * SGK, * Bài dạy Powerpoint * Tập Bản Đồ 9 * Bản đồ Tự nhiên và kinh tế Vùng TD và Miền núi Bắc Bộ | Tại lớp | * Xác định được trên bản đồ vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng. Nêu ý nghĩa của chúng đối với việc phát triển kinh tế - xã hội . * Trình bày được đặc điểm TN, TNTN của vùng và những thuận lợi khó khăn đối với việc phát triển kinh tế - xã hội * Trình bày được đặc điểm DC-XH và những thuận lợi khó khăn đối với việc phát triển kinh tế - xã hội của vùng. |
| **10** |  | **Bài 18:Vùng trung du miền núi Bắc Bộ (tt)** | 1 | **10** | * SGK, * Bài dạy Powerpoint * Tập Bản Đồ 9 | Tại lớp | * Trình bày được thế mạnh kinh tế ở Trung du và miền núi Bắc Bộ, thể hiện ở một số ngành công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp và sự phân bố của các ngành đó. * Nêu được tên các trung tâm kinh tế và các ngành kinh tế của từng trung tâm. |
| **11** |  | **Bài 20: Vùng Đồng bằng sông Hồng**  **Nội dung cần bổ sung**  – Phân tích được vấn đề đô thị hoá ở Đồng bằng sông Hồng; vị thế của Thủ đô Hà Nội.  – Sưu tầm tư liệu và trình bày được về vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ.  **Phần sẽ được bổ sung:**  Dạy bổ sung vào bài 20, mục III - SGK Địa 9, hiện hành | **1** | **11** | * SGK, * Bài dạy Powerpoint * Tập Bản Đồ 9 * Bản đồ tự nhiên và kinh tế vùng Đồng bằng sông Hồng | Tại lớp | Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng.   * Phân tích được thế mạnh của vùng về TNTN đối với sự phát triển nông, lâm, thuỷ sản, vấn đề phát triển kinh tế biển. * Phân tích được đặc điểm dân cư, nguồn lao động và ảnh hưởng của các nhân tố này đến sự phát triển kinh tế-xã hội của vùng. * Phân tích được vấn đề đô thị hoá ở Đồng bằng sông Hồng, vị thế của Thủ đô Hà Nội. Sưu tầm tư liệu và trình bày được về vùng kinh tế BTB * Sưu tầm tư liệu và trình bày về vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ |
|  | **Bài 21: Đồng bằng sông Hồng (tt):** | 1 | **11** | * SGK, * Bài dạy Powerpoint * Tập Bản Đồ 9 | Tại lớp | -Trình bày được tình hình phát triển kinh tế của vùng.   * Nêu được tên các trung tâm kinh tế lớn * Xác định trên lược đồ vị trí, giới hạn của vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ. * Phân tích biểu đồ, số liệu thống kê để hiểu và trình bày sự phát triển kinh tế của vùng. * Sử dụng lược đồ để thấy rõ các ngành kinh tế của vùng. |
| **12** |  | **Bài 22: Thực hành vẽ và phân tích biểu đồ về mối quan hệ giữa dân số, sản lượng lương thực và bình quân lương thực theo đầu người** | 1 | **12** | * SGK, * Bài dạy Powerpoint * Tập Bản Đồ 9 | Tại lớp | * Phân tích được mối quan hệ giữa dân số, sản lượng lương thực theo đầu người để củng cố kiến thức đã học về vùng đồng bằng sông Hồng, một vùng đất chật người đông mà giải pháp quan trọng là thâm canh tăng vụ và tăng năng suất. * Trình bày được sự phát triển và phân bố kinh tế ở vùng Đồng bằng sông Hồng (sử dụng bản đồ và bảng số liệu). |
|  | **Bài 23:Vùng Bắc Trung Bộ:**  **Nội dung cần bổ sung**  – Trình bày được vấn đề phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu ở Bắc Trung Bộ.  – Phân tích được thế mạnh về du lịch ở vùng Bắc Trung Bộ  **Phần sẽ được bổ sung:**  Dạy bổ sung vào bài 23, mục II và bài 24, mục IV.3 – SGK Địa lí 9 hiện hành). | 1 | **12** | * SGK, * Bài dạy Powerpoint * Tập Bản Đồ 9 * Bản đồ TN và kinh tế Vùng Bắc Trung Bộ | Tại lớp | * Nhận biết vị trí địa lý, giới hạn lãnh thổ và nêu ý nghĩa của chúng đối với việc phát triển kinh tế- xã hội. * Trình bày được đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên, đặc điểm dân cư, xã hội và những thuận lợi, khó khăn đối với sự phát triển kinh tế-xã hội của vùng. * Xác định được vị trí, giới hạn của vùng trên bản đồ. * Sử dụng bản đồ tự nhiên, dân cư, kinh tế để phân tích và trình bày về đặc điểm tự nhiên, dân cư của vùng Bắc Trung Bộ. * Trình bày được vấn đề phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu ở Bắc Trung Bộ. * Phân tích được thế mạnh về du lịch ở vùng Bắc Trung Bộ |
| **13**  **13** |  | **Bài 24 : Vùng Bắc Trung Bộ (tt)** | 1 | **13** | * SGK, * Bài dạy Powerpoint * Tập Bản Đồ 9 | Tại lớp | * Trình bày được tình hình phát triển và phân bố một số ngành sản xuất chủ yếu : trồng rừng và cây công nghiệp, đánh bắt và nuôi trồng thuỷ sản ; khai thác khoáng sản ; dịch vụ du lịch. * Nêu được tên các trung tâm kinh tế lớn và chức năng chủ yếu của từng trung tâm. * Sử dụng bản đồ tự nhiên, dân cư, kinh tế để phân tích và trình bày về đặc điểm tự nhiên, dân cư, phân bố một số ngành sản xuất của vùng Bắc Trung Bộ. * Phân tích được thế mạnh về du lịch ở BTB. * Phân tích được vấn đề phát triển kinh tế biển ở BTB. |
|  | **Bài 25: Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ**  **Nội dung cần bổ sung**  –Sử dụng sơ đồ tư duy để phân tích được ảnh hưởng của nạn hạn hán và sa mạc hoá đối với sự phát triển kinh tế – xã hội ở vùng khô hạn Ninh Thuận – Bình Thuận  **Phần sẽ được bổ sung:**  Dạy bổ sung vào bài 25, mục II - SGK Địa lí 9 hiện hành. | 1 | **13** | * SGK, * Bài dạy Powerpoint * Tập Bản Đồ 9 * Bản đồ TN và Kinh tế vùng Duyên hải Nam Trung Bộ | Tại lớp | * Nhận biết vị trí địa lí, giới hạn lãnh thổ và nêu ý nghĩa của chúng đối với việc phát triển kinh tế - xã hội. * Trình bày được đặc điểm tự nhiên và tài nguyên tự nhiên của vùng ; những thuận lợi và khó khăn của tự nhiên đối với phát triển kinh tế - xã hội. * Trình bày được đặc điểm dân cư, xã hội : những thuận lợi và khó khăn của dân cư, xã hội đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của vùng. * Xác định được vị trí, giới hạn của vùng trên bản đồ. * Phân tích số liệu thống kê, biểu đồ kinh tế, bản đồ tự nhiên, kinh tế để nhận biết đặc điểm tự nhiên, dân cư. * Sử dụng sơ đồ tư duy để phân tích được ảnh hưởng của nạn hạn hán và sa mạc hoá đối với sự phát triển kinh tế – xã hội ở vùng khô hạn Ninh Thuận – Bình Thuận |
|  |  | **Bài 26: Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ**  **( tt)** | 1 | **14** | * SGK, * Bài dạy Powerpoint * Tập Bản Đồ 9 | Tại lớp | * Trình bày được một số ngành kinh tế tiêu biểu của vùng: nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ. * Nêu được tên các trung tâm kinh tế chính: Đà Nẵng , Quy Nhơn, Nha Trang. * Nhận biết vị trí, giới hạn và vai trò của vùng kinh tế trọng điểm miền Trung. * Phân tích được sự phát triển của một số ngành kinh tế thế mạnh của vùng (sử dụng bản đồ và bảng số liệu). * Trình bày được về vùng kinh tế trọng điểm miền Trung. * Củng cố sự hiểu biết về kinh tế biển ở cả hai vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ - Rèn kĩ năng đọc bản đồ, phân tích bảng số liệu thống kê liên kết không gian kinh tế Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ . |
| **14** |  | **Bài 27: Thực hành: Kinh tế biển Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ** | 1 | **14** | * SGK, * Bài dạy Powerpoint * Tập Bản Đồ 9 | Tại lớp | * Củng cố sự hiểu biết về kinh tế biển ở cả hai vùng bắc Trung Bộ và duyên hải Nam Trung Bộ - Rèn kĩ năng đọc bản đồ, phân tích bảng số liệu thống kê liên kết không gian kinh tế Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ . |
| **15** |  | **Bài 28: Vùng Tây Nguyên** | **1** | **15** | * SGK, * Bài dạy Powerpoint * Tập Bản Đồ 9 * Bản đồ Tự nhiên và kinh tế vùng Tây Nguyên | Tại lớp | * Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng. * Trình bày được các thế mạnh và hạn chế về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của vùng. * Nhận xét được đặc điểm dân cư, văn hoá của các dân tộc Tây Nguyên. |
|  | **ÔN TẬP** | **1** | **15** |  | Tại lớp | * Ôn tập các kiến thức về TN, dân cư, kinh tế của các vùng kinh tế nước ta. * Rèn kỹ năng vẽ biểu đồ rút ra nhận xét. |
| **16** |  | **ÔN TẬP** | **1** | **16** |  | Tại lớp | * Ôn tập các kiến thức về TN, dân cư, kinh tế của các vùng kinh tế nước ta. * Rèn kỹ năng vẽ biểu đồ rút ra nhận xét. |
|  | **KIỂM TRA CUỐI KÌ I** | **1** | **16** |  |  | * Kiểm tra, đánh giá mức độ nắm vững kiến thức, kĩ năng cơ bản ở 3 cấp độ nhận thức: Biết, hiểu và vận dụng của học sinh sau khi học các nội dung về các vùng kinh tế |
| **17** |  | Sửa bài |  | **17** |  | Tại lớp |  |
|  | Sửa bài |  | **17** |  | Tại lớp |  |
| **18** |  | **Bài 29: Vùng Tây Nguyên (tt)** | 1 | **18** | * SGK, * Bài dạy Powerpoint * Tập Bản Đồ 9 | Tại lớp | * Trình bày được sự phát triển và phân bố các ngành kinh tế thế mạnh của vùng Tây Nguyên; các vấn đề môi trường trong phát triển. |
|  | **Bài 30: Vùng Tây Nguyên (tt)** | 1 | **18** | * SGK, * Bài dạy Powerpoint * Tập Bản Đồ 9 | Tại lớp | * Nắm được tình hình sản xuất các loại cây CN lâu năm ở Trung du và miền núi BB với Tây Nguyên. |
| **HỌC KỈ II** | | | | | | | |
| **19** | **Chủ đề 3:**  **phân hóa lãnh thổ (tt)**  **(6 TIẾT)** | **Bài 31: Vùng Đông Nam Bộ**  **Nội dung cần bổ sung**  – Trình bày được đặc điểm về dân cư, đô thị hoá ở vùng Đông Nam Bộ  – Phân tích được ý nghĩa của việc tăng cường kết nối liên vùng đối với sự phát triển của vùng  – Phân tích được vị thế của Thành phố Hồ Chí Minh  **Phần sẽ được bổ sung:**  Dạy bổ sung vào bài 31, mục III và bài 33 mục V SGK Địa lí 9 hiện hành | **1** | **19** | * SGK, * Bài dạy Powerpoint * Tập Bản Đồ 9 * Bản đồ Tự nhiên và kinh tế Vùng Đông Nam Bộ | Tại lớp | * Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng. * Trình bày được đặc điểm về dân cư, đô thị hóa ở vùng Đông Nam Bộ * Phân tích được đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên, các thế mạnh và hạn chế chính |
| **20** |  | **Bài 32: Vùng Đông Nam Bộ** | 1 | **20** | * SGK, * Bài dạy Powerpoint * Tập Bản Đồ 9 | Tại lớp | * Trình bày được sự phát triển và phân bố một trong các ngành kinh tế thế mạnh của vùng (sử dụng bản đồ và bảng số liệu). |
| **21** |  | **Bài 33: Vùng Đông Nam Bộ (tt)** | 1 | **21** | * SGK, * Bài dạy Powerpoint * Tập Bản Đồ 9 | Tại lớp | * Phân tích được ý nghĩa của việc tăng cường kết nối liên vùng đối với sự phát triển của vùng. * Phân tích được vị thế của Thành phố Hồ Chí Minh. * Tìm kiếm thông tin, viết báo cáo ngắn về sự phát triển của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. |
| **22** |  | **Bài 35: Vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long**  **Nội dung cần bổ sung**  –Tìm hiểu thông tin và phân tích được tác động của biến đổi khí hậu đối với Đồng bằng sông Cửu Long; đề xuất giải pháp ứng phó.  **-Phần sẽ được bổ sung:**  (Dạy bổ sung vào bài 35, mục II- SGK Địa lí 9 hiện hành). | 1 | **22** | * SGK, * Bài dạy Powerpoint * Tập Bản Đồ 9 * Bản đồ Tự nhiên và kinh tế vùng Đồng bằng sông Cửu Long | Tại lớp | * Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng. * Phân tích được các thế mạnh và hạn chế về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của vùng. * Phân tích được đặc điểm dân cư; một số vấn đề xã hội của vùng. * Tìm hiểu thông tin và phân tích được tác động của biến đổi khí hậu đối với Đồng bằng sông Cửu Long; đề xuất giải pháp ứng phó. |
| **23** |  | **Bài 36: Vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long** | 1 | **23** | * SGK, * Bài dạy Powerpoint * Tập Bản Đồ 9 | Tại lớp | * Trình bày được sự phát triển và phân bố một số ngành kinh tế thế mạnh của vùng (sử dụng bản đồ và bảng số liệu). * Trình bày được về vùng kinh tế trọng điểm vùng Đồng bằng sông Cửu Long. |
| **24** |  | **Bài 37: Vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long (tt)** | **1** | **24** | * SGK, * Bài dạy Powerpoint * Tập Bản Đồ 9 | Tại lớp | * Rèn luyện kĩ năng vẽ và phân tích biểu đồ. Hiểu đầy đủ hơn ngoài thế mạnh lương thực thực phẩm vùng còn có thế mạnh về thủy sản. * Củng cố và phát triển kĩ năng xử lí số liệu thống kê và phân tích biểu đồ. * Xác lập mối quan hệ giữa các điều kiện với phát triển sản xuất của ngành thuỷ sản của đồng bằng sông Cửu Long. |
| **25** | **Chủ đề 4 :**  **Biển đảo Việt Nam**  **( 3 TIẾT)** | **Bài 38: Phát triển tổng hợp kinh tế biển và bảo vệ môi trường biển đảo.** | 1 | **25** | * SGK, * Bài dạy Powerpoint * Tập Bản Đồ 9 * Bản đồ vùng biển và đảo Việt Nam | Tại lớp | * Trình bày được trên sơ đồ các vùng biển quốc gia; xác định trên bản đồ các huyện đảo và các tỉnh có các huyện đảo đó. * Trình bày được nội dung phát triển tổng hợp các ngành kinh tế biển; ý nghĩa của việc phát triển tổng hợp kinh tế biển đảo đối với việc bảo vệ tài nguyên, môi trường và giữ vững chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông. |
| **26** |  | **Ôn tập** | 1 | **26** |  | Tại lớp | * Hệ thống lại các kiến thức:Về tiềm năng phát triển kinh tế, về mặt tự nhiên, dân cư - xã hội của Đông Nam Bộ và đồng bằng sông Cửu Long . |
| **27** |  | **KIỂM TRA GIỮA KÌ II** | 1 | **27** |  | Tại lớp | * Kiểm tra, đánh giá mức độ nắm vững kiến thức, kĩ năng cơ bản ở 3 cấp độ nhận thức: Biết, hiểu và vận dụng của học sinh sau khi học các nội dung: Các vùng kinh tế |
| **28** |  | **Bài 39: Phát triển tổng hợp kinh tế biển và bảo vệ môi trường biển đảo.(tt)** | 1 | **28** | * SGK, * Bài dạy Powerpoint * Tập Bản Đồ 9 | Tại lớp | * Phân tích được vấn đề khai thác tài nguyên, bảo vệ môi trường và giữ vững chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông. |
| **29** |  | **Bài 40: Thực hành: Đánh giá tiềm năng kinh tế của các đảo ven bờ và tìm hiểu nhành công nghiệp dầu khí** | 1 | **29** | * SGK, * Bài dạy Powerpoint * Tập Bản Đồ 9 | Tại lớp | * Xác định được vị trí, phạm vi vùng biển Việt Nam. * Kể tên và xác định được vị trí một số đảo và quần đảo lớn từ Bắc vào Nam. * Phân tích bản đồ, sơ đồ, số liệu thống kê để nhận biết tiềm năng kinh tế của các đảo, quần đảo của Việt Nam, tình hình phát triển của ngành dầu khí. |
| **30** | **Chủ đề 5:**  **Địa lý địa phương**  **(3 TIẾT)** | **Bài 41:Địa lí địa phương** |  | **30** | * SGK, * Bài dạy Powerpoint * Tập Bản Đồ 9 | Tại lớp | * Nhận biết vị trí địa lí và ý nghĩa của nó đối với phát triển kinh tế - xã hội. * Nêu được giới hạn, diện tích của tỉnh (thành phố) ; các đơn vị hành chính và trung tâm kinh tế chính trị của tỉnh (thành phố). * Trình bày được đặc điểm địa hình, khí hậu, thuỷ văn, đất, thực vật, khoáng sản của tỉnh (thành phố). |
| **31** |  | **ÔN TẬP** |  | **31** |  | Tại lớp | * Củng cố lại kiến thức: tiềm năng kinh tế to lớn của biển, đảo Việt Nam, thế mạnh của kinh tế biển đảo. * Khả năng phát triển kinh tế của địa phương |
| **32** |  | **KIỂM TRA CUỐI KÌ II** |  | **32** |  | Tại lớp | * Kiểm tra mức độ nhận thức của học sinh về đặc điểm tự nhiên, tình hình phát triển kinh tế của hai vùng Đông Nam Bộ và đồng bằng sông Cửu Long, vùng biển đảo Việt nam và đặc điểm tự nhiên địa phương |
| **33** |  | **Sửa bài** |  | **33** |  | Tại lớp |  |
| **34** |  | **Bài 42: Địa lí địa phương** |  | **34** | * SGK, * Bài dạy Powerpoint * Tập Bản Đồ 9 | Tại lớp | * Đánh giá được những thuận lợi và khó khăn của tự nhiên đối với phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh (thành phố). * Trình bày được đặc điểm dân cư: số dân, sự gia tăng, cơ cấu dân số, phân bố dân cư * Đánh giá được những thuận lợi, khó khăn của dân cư và lao động trong việc phát triển kinh tế - xã hội. * Trình bày và giải thích được những đặc điểm kinh tế của địa phương. |
| **35** |  | **Bài 43:Địa lí địa phương** | 1 | **35** | * SGK, * Bài dạy Powerpoint * Tập Bản Đồ 9 | Tại lớp | * Xác định trên bản đồ vị trí địa lí của tỉnh (thành phố). * Phân tích số liệu, biểu đồ, bản đồ để biết đặc điểm tự nhiên, dân cư, kinh tế của tỉnh (thành phố). |

**2. Chuyên đề lựa chọn (đối với cấp trung học phổ thông)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chuyên đề**  **(1)** | **Số tiết**  **(2)** | **Yêu cầu cần đạt**  **(3)** | **Nội dung tích hợp/lồng ghép**  **(4)** |
| **1** |  |  |  |  |
| **2** |  |  |  |  |
| **…** |  |  |  |  |

**3. Kiểm tra, đánh giá định kỳ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Bài kiểm tra, đánh giá | Thời gian  (1) | Thời điểm  (2) | Yêu cầu cần đạt  (3) | Hình thức  (4) |
| Giữa Học kỳ 1 | 45 phút | Tuần 9 | - Kỹ năng: biểu đồ (biểu đồ tròn, đồ thị), bản đồ.  - Dân cư, kinh tế chung.  - Một số ngành nông, công nghiệp và dịch c vụ quan trọng.  - Kỹ năng: Phân tích biểu đồ, các mối quan hệ địa lí để giải thích đặc điểm tự nhiên, dân cư, kinh tế. | Kiểm tra viết |
| Cuối Học kỳ 1 | 45 phút | Tuần 16 | * Các kiến về tự nhiên, kinh tế, xã hội của của các vùng kinh tế.   - Kỹ năng: biểu đồ (biểu đồ miền, cột), bản đồ, bảng số liệu về đặc điểm tự nhiên, dân cư, kinh tế- xã hội. | Kiểm tra viết |
| Giữa Học kỳ 2 | 45 phút | Tuần 27 | * Các kiến về tự nhiên, kinh tế, xã hội của của các vùng kinh tế. * Kỹ năng: biểu đồ miền, bản đồ, bảng số liệu, sơ đồ về đặc điểm tự nhiên, dân cư, kinh tế- xã hội. | Kiểm tra viết |
| Cuối Học kỳ 2 | 45 phút | Tuần 34 | - Các kiến thức phát triển tổng hợp kinh tế biển.  - Kiến thức vè các vùng kinh tế.   * Kỹ năng: biểu đồ (biểu đồ miền,tròn), bản đồ, bảng số liệu, sơ đồ về đặc điểm tự nhiên, dân cư, kinh tế- xã hội. | Kiểm tra viết |

**4. Tổ chức dạy học qua internet**

***4.1. Khối 6***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Nội dung/chuyên đề  (1) | Số tiết  (2) | Yêu cầu cần đạt  (3) | Hình thức thực hiện  (4) | Công cụ/phần mềm  (5) |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |

***4.2 …….***

**III. Kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục của tổ chuyên môn**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Chuyên đề  (1) | Số tiết  (2) | Yêu cầu cần đạt  (3) | Nội dung tích hợp/lồng ghép  (4) | Thời gian thực hiện (dự kiến) |
| 1 | Những vấn đề cần chú trọng trong soạn kế hoạch bài dạy theo Thông tư 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 | 2 | Giáo viên nắm rỏ các bước xác định mục tiêu bài học.  Giáo viên nắm rỏ cấu trúc của kế hoạch dạy học theo Thông tư 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 |  | 11/2021 |
| 2 | Thao giảng tiết học Địa lí 6 | 2 | Giáo viên nắm cách thức tổ chức tiết day theo văn bản 5555 | Giáo dục bảo vệ môi trường du lịch văn hóa. | 12/2021 |
| 3 | Chuyên đề: Cách thức tổ chức tiết dạy học Địa lí lớp 9 theo Thông tư 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 | 2 | Biết cách tổ chức cho học sinh chủ động tích cực lĩnh hội kiến thức, hình thành năng lực, rèn phẩm chất. |  | 02/2022 |
| 4 | Thao giảng tiết học Địa lí 9 | 2 | Giáo viên xây dựng và thực hiện được tiết dạy học theo thông tư 5512 | Bảo vệ, sử dụng tiết kiệm năng lượng.  Bảo vệ môi trường, phòng chống biến đổi khí hậu | 03/2022 |

**IV. Sinh hoạt chuyên môn của tổ chuyên môn**

* + Sinh hoạt tổ 2 tuần/lần (họp tổ ghép)
  + TTSP: 2 tiết/HK/tổ
  + Chuyên đề: 01 chuyên đề/HK/tổ
  + Thao giảng cấp trường: 1 tiết/HK/tổ
  + Dự giờ: tăng cường dự giờ thăm lớp

***Lưu ý:***

- Thông tư 32/2020.

- Công văn 5555/BGDĐT-GDTrH

- Công văn 4612/BGDĐT-GDTrH

- Công văn 4363/BGDĐT-GDTrH về xây dựng, sử dụng kho học liệu số

**V. Các nội dung khác:**

**1.Triển khai văn bản 4363/GDĐT-GDTrH về xây dựng, sử dụng kho học liệu số:**

**-** Triển khai văn bản đến giáo viên trong họp đầu năm học của tổ bộ môn.

**-** Xây dựng kho bài giảng powerpoint môn Lịch sử-Địa lí.

**-** Xây dựng ngân hàng đề kiểm tra giữa kì và cuối kì môn Lịch sử-Địa lí 6, Địa lí 7, 8 ,9 nhất là ngân hàng đề để dạy học qua internet.

- Xây dựng kho hình ảnh hỗ trợ dạy học môn Địa lí.

**2. Bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu: (Tùy theo bộ môn)**

**-**  Hỗ trợ công tác soạn đề kiểm tra tuyển chọn học sinh tham gia đội tuyển học sinh giỏi lớp 9 cấp Thành phố Thủ Đức.

**-** Dạy bồi dưỡng học sinh trong đội dự tuyển học sinh giỏi lớp 9 cấp Tp.HCM.

**-** Định hướng cho giáo viên các trường xây dựng kế hoạch phụ đạo học sinh yếu.

**3. Tham gia cuộc thi, hội thi**

**-**  Định hướng cho giáo viên các trường bồi dưỡng học sinh tham gia thi Olympic Tp.HCM.

**-** Tham gia thi Học sinh giỏi cấp Tp.HCM

**4. Câu lạc bộ học thuật**

**-** Hỗ trợ các trường xây dựng câu lạc bộ Lịch sử - Địa lí dành cho học sinh và giáo viên.

- Hỗ trợ các trương duy trì các câu lạc bộ Địa lí hiện có ở trường.

- Khuyến khích các trường có kế hoạch mở thêm các câu lạc bộ trong năm học 2021-2022.

**5. Hướng dẫn nghiên cứu khoa học**

Tổ chức các hội thi nhằm động viên, khuyến khích học nghiên cứu khoa học, vận dụng kiến thức giải quyết các vấn đề thực tiễn phát triên của Thành phố Thủ Đức.

**6. Nội dung khác (nếu có)**

**-** Triển khai các văn bản mới đến giáo viên:

+ Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 Quy định về đánh giá học sinh Trung học cơ sở và học sinh Trung học phổ thông;

+ Thông tư 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 về việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

+ Thông tư 26/2021/TT-BGDĐT ngày 26/8/2020 về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**-** Tập huấn đổi mới sách giáo khoa, đổi mới dạy học 7, 8, 9 cho giáo viên mới ra trường

**-** Tập huấn lại các nội dung bồi dưỡng hè cho giáo viên mới ra trường.

**-** Dự giờ hỗ trợ giáo viên trong giảng dạy Lịch sử-Địa lí 6; giáo viên dạy lớp 9 theo định hướng của chương trình 2018.

- Hỗ trợ giáo viên học modul 4.

- Thực hiện chuyên đề và thao giảng:

+ Học kì 1: Trường THCS Hoa Lư.

+ Học kì 2: Trường THCS Linh Trung.

- Thực hiện sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học; phối hợp đồng nghiệp xây dựng chủ đề dạy học, tài liệu điện tử phục vụ học tập, tài liệu in ấn chuyển đến học sinh không học tập trên hệ thống quản lý học tập (Internet);

- Phối hợp thường xuyên với giáo viên chủ nhiệm lớp để xây dựng kế hoạch dạy học phù hợp cho học sinh.

- Thường xuyên liên lạc, hướng dẫn học sinh học tập, trả lời các câu hỏi của học sinh qua các phương tiện thông tin truyền thông.

- Thực hiện kế hoạch dạy học và kiểm tra đánh giá theo thống nhất chung của tổ chuyên môn. Có điều chỉnh cho phù hợp đối với thực tế lớp mà giáo viên đang giảng dạy.

- Khuyến khích giáo viên xây dựng kế hoạch dạy học theo chủ đề thay cho kế hoạch của từng tiết dạy vì người học có thể tự học qua hệ thống và liên quan đến các vấn đề công nghệ cho nên cần tổ chức khóa học một cách nhất quán từ việc đưa ra yêu cầu, hướng dẫn học tập đến sắp xếp, bố cục nội dung, sử dụng công nghệ, cách thức kiểm tra đánh giá.

|  |  |
| --- | --- |
| **TỔ TRƯỞNG**  *(Ký và ghi rõ họ tên)*  **Nguyễn Thị Kim Phượng** | *Cát Lái, ngày 06 tháng 09 năm 2021*  **HIỆU TRƯỞNG**  *(Ký và ghi rõ họ tên)*  **Đinh Kim Quy** |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phụ lục I**  **KHUNG KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN, KHỐI LỚP 6**  (Năm học 2021 - 2022)  (Kèm theo Kế hoạch số: / ngày tháng năm của Trường THCS Thạnh Mỹ Lợi)  **105 tiết/35 tuần (Sử: 47 tiết; Địa: 46 tiết; KTĐG: 12 tiết)**  **HKI:** 18 tuần (Sử: 2 tiết/tuần – Địa: 1 tiết/tuần)  **HKII:** 17 tuần (Sử: 1 tiết/tuần – Địa: 2 tiết/tuần)   | **STT** | **Bài học**  **(1)** | **Số tiết**  **(2)** | **Yêu cầu cần đạt**  **(3)** | **Nội dung tích hợp/lồng ghép**  **4)** | | --- | --- | --- | --- | --- | | **PHẦN LỊCH SỬ THẾ GIỚI** | | | | | | 1 | **Chương 1: Tại sao cần học Lịch sử**  Bài 1. Lịch sử là gì? | 2 | - Nêu được khái niệm lịch sử và môn Lịch sử.  - Hiểu được lịch sử là những gì đã diễn ra trong quá khứ.  - Giải thích được vì sao cần thiết phải học môn Lịch sử.  - Phân biệt được các nguồn sử liệu cơ bản, ý nghĩa và giá trị của các nguồn sử liệu (tư liệu gốc, truyền miệng, hiện vật, chữ viết,…). |  | | Bài 2. Thời gian trong lịch sử | 1 | - Biết được một số khái niệm và cách tính thời gian trong lịch sử: thập kỉ, thế kỉ, thiên niên kỉ, trước Công nguyên, sau Công nguyên, âm lịch, dương lịch,… |  | | 2 | **Chương 2: Thời nguyên thủy**  Bài 3. Nguồn gốc loài người |  | - Giới thiệu được sơ lược quá trình tiến hóa từ vượn thành người trên Trái Đất.  - Xác định được các dấu tích của người tối cổ ở Đông Nam Á.  - Kể tên được những địa điểm tìm thấy dấu tích của người tối cổ trên đất nước Việt Nam. |  | | Bài 4. Xã hội nguyên thuỷ | 2 | - Mô tả được sơ lược các giai đoạn tiến triển của xã hội nguyên thủy.  - Trình bày được những nét chính về đời sống của người nguyên thủy (vật chất, tinh thân, tổ chức xã hội,…)  - Nhận biết được vai trò của lao động đối với quá trình phát triển của người nguyên thủy cũng như của con người và xã hội loài người.  - Nêu được đôi nét về đời sống của người nguyên thủy trên đất nước Việt Nam. |  | | Bài 5. Sự chuyển biến từ xã hội nguyên thuỷ sang xã hội có giai cấp | 2 | - Trình bày được quá trình phát hiện ra kim loại và vai trò của nó đối với sự chuyển biến từ xã hội nguyên thủy sang xã hội có giai cấp.  - Mô tả được sự hình thành xã hội có giai cấp.  - Giải thích được vì sao xã hội nguyên thủy tan rã.  - Mô tả và giải thích được sự phân hóa không triệt để của xã hội nguyên thủy ở phương Đông.  - Nêu được một số nét cơ bản của xã hội nguyên thủy ở Việt Nam (qua các nền văn hóa khảo cổ Phùng Nguyên – Đồng Đậu – Gò Mun) |  | | 3 | **Chương 3: Xã hội cổ đại**  Bài 6. Ai Cập cổ đại | 2 | - Nêu được tác động của điều kiện tự nhiên đối với sự hình thành nền văn minh Ai Cập.  - Trình bày được quá trình thành lập nhà nước của người Ai Cập.  - Kể tên và nêu được những thành tựu chủ yếu về văn hóa ở Ai Cập. |  | | Bài 7. Lưỡng Hà cổ đại | 1 | - Nêu được tác động của điều kiện tự nhiên đối với sự hình thành nền văn minh Lưỡng Hà.  - Trình bày được quá trình thành lập nhà nước của người người Lưỡng Hà.  - Kể tên và nêu được những thành tựu chủ yếu về văn hóa ở Lưỡng Hà. |  | | Bài 8. Ấn Độ cổ đại | 2 | - Giới thiệu được điều kiện tự nhiên của lưu vực sông Ấn, sông Hằng.  - Trình bày được những điểm chính về chế độ xã hội của Ấn Độ.  - Nêu được những thành tựu văn hóa tiu biểu củ Ấn Độ. |  | | Bài 9. Trung Quốc từ thời cổ đại đến thế kỉ VII | 2 | - Giới thiệu được những đặc điểm về điều kiện tự nhiên của Trung Quốc cổ đại.  - Mô tả được sơ lược quá trình thống nhất và sự xác lập chế độ phong kiến ở Trung Quốc dưới thời Tần Thủy Hoàng.  - Xây dựng được đường thời gian từ đế chế Hán, Nam Bắc triều đến nhà Tùy.  - Nêu được những thành tựu cơ bản của nền văn minh Trung Quốc. |  | | Ôn tập chương 2, 3 | 1 |  |  | | Kiểm tra giữa học kì I | 1 |  |  | | Bài 10. Hy Lạp cổ đại | 2 | - Giới thiệu và nhận xét được tác động về điều kiện tự nhiên đối với sự hình thành, phát triển của nền văn minh Hy Lạp.  - Trình bày được tổ chức nhà nước thành bang ở Hy Lạp.  - Nêu được một số thành tựu văn hóa tiêu biểu của Hy Lạp. |  | | Bài 11. La Mã cổ đại | 1 | - Giới thiệu và nhận xét được tác động về điều kiện tự nhiên đối với sự hình thành, phát triển của nền văn minh La Mã.  - Trình bày được tổ chức nhà nước đế chế ở La Mã.  - Nêu được một số thành tựu văn hóa têu biểu của La Mã. |  | | 4 | **Chương 4: Đông Nam Á từ những thế kỉ tiếp giáp công nguyên đến thế kỉ X**  Bài 12. Các vưong quốc cổ ở Đông Nam Á | 2 | - Trình bày sơ lược về vị trí địa lí của vùng Đông Nam Á.  - Trình bày được quá trình xuất hiện các vương quốc cổ ở Đông Nam Á từ đầu Công nguyên đến thế kỉ VII.  - Nêu được sự hình thành và phát triển ban đầu của các vương quốc phong kiến từ thế kỉ VII đến thế kỉ X ở Đông Nam Á. |  | | Bài 13. Giao lưu thưong mại và văn hoá ở Đông Nam Á mườihế kỉ đầu Công nguyên | 2 | - Phân tích được những tác động chính của quá trình giao lưu thương mại và văn hóa ở Đông Nam Á từ đầu Công nguyên đến thế kỉ X |  | | 5 | **Chương 5: Việt Nam từ khoảng thế kỉ VII TCN đến đầu thế kỉ X**  Bài 14. Nhà nước Văn Lang, Âu Lạc | 3 | - Nêu được khoảng thời gian thành lập và xác định được phạm vi không gian của nước Văn Lang, Âu Lạc trên bản đồ hoặc lược đồ.  - Trình bày được tổ chức nhà nước của Văn Lang, Âu Lạc. |  | | Bài 15. Đời sống của người Việt thời kì Văn Lang, Âu Lạc |  | Mô tả được đời sống vật chất và tinh thần của cư dân Văn Lang, Âu Lạc |  | | Bài 16. Chính sách cai trị của các triều đại phong kiến phương Bắc và sự chuyển biến của Giao Châu - An Nam thời Bắc thuộc | 2 | - Nêu được một số chính sách cai trị của phong kiến phương Bắc trong thời kì Bắc thuộc.  - Nhận biết được một số chuyển biến qua trọng về kinh tế, xã hội, văn hóa ở Việt Nam trong thời kì Bắc thuộc. |  | | Bài 17. Đấu tranh bảo tồn và phát triển văn hoá dân tộc thời Bắc thuộc | 2 | - Giới thiệu được những nét chính của cuộc đấu tranh về văn hóa và bảo vệ bản sắc văn hóa của nhân dân Việt Nam trong thời kì Bắc thuộc. |  | | Ôn tập | 1 |  |  | | Kiểm tra cuối học kì I | 1 |  |  | | Bài 18. Các cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc trước thế kỉ X | 5 | - Giải thích được nguyên nhân của các cuộc khởi nghĩa.  - Trình bày được những diễn biến chính của các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu.  - Nêu được kết quả và ý nghĩa của các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu.  - Lập được biểu đồ, sơ đồ về các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu. |  | | Bài 19. Bước ngoặt lịch sử ở đầu thế kỉ X **(tiết 1)** | 3 | - Trình bày được những nét chính về các cuộc vận động giành quyền tự chủ của nhân dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của họ Khúc và họ Dương.  - Mô tả được những nét chính trận chiến Bạch Đằng lịch sử năm 938 và những điểm độc đáo trong tổ chức đánh giặc của Ngô Quyền.  - Nêu được ý nghĩa lịch sử của chiến thắng Bạch Đằng năm 938. |  | | Ôn tập | 1 |  |  | | Kiểm tra giữa học kì II | 1 |  |  | | Bài 19. Bước ngoặt lịch sử ở đầu thế kỉ X **(tiết 2, 3)** |  | - Trình bày được những nét chính về các cuộc vận động giành quyền tự chủ của nhân dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của họ Khúc và họ Dương.  - Mô tả được những nét chính trận chiến Bạch Đằng lịch sử năm 938 và những điểm độc đáo trong tổ chức đánh giặc của Ngô Quyền.  - Nêu được ý nghĩa lịch sử của chiến thắng Bạch Đằng năm 938 |  | | Bài 20. Vương quốc cổ Champa từ thế kỉ II đến thế kỉ X | 3 | - Mô tả được sự thành lập và quá trìnnh phát triển của nước Cham Pa.  - Trình bày được những nét chính về tổ chức xã hội và kinh tế của Champa.  - Nhận biết được một số thành tựu văn hoá của Cham Pa. |  | |  | Bài 21. Vương quốc cổ Phù Nam | 3 | - Mô tả được sự thành lập, quá trình phát triển và suy vong của Phù Nam.  - Trình bày được những nét chính về tổ chức xã hội và kinh tế của Phù Nam.  - Nhận biết được một số thành tựu văn hóa của Phù Nam. |  | |  | Ôn tập chương 5 | 1 | Hệ thống các kiến thức cơ bản của chương |  | | 6 | Ôn tập cuối kì | 1 |  |  | | Kiểm tra cuối học kì II | 1 |  |  | | **PHÂN MÔN ĐỊA LÍ** | | | | | | 7 | Bài mở đầu – tại sao cần học Địa lí? | 1 | - Hiểu được tầm qua trọng của việc nắm vững các khái niệm cơ bản, các kĩ năng địa lí trong học tập và sinh hoạt.  - Hiểu được ý nghĩa và sự lí thú mà môn địa lí mang lại.  - Nêu được vai trò của địa lí trong cuộc sống, có cái nhìn khách qua về thế giới quan và giải quyết các vấn đề trong cuộc sống |  | | 8 | Bài 1. Hệ thống kinh, vĩ tuyến và toạ độ địa lí (tiết1 | 2 | - Hiểu và phân biệt được sự khác nhau giữa kinh tuyến và vĩ tuyến, giữa kinh độ và kinh tuyến, giữa vĩ độ và vĩ tuyến.  - Nhận biết được một số lưới kinh vĩ tuyến của bản đồ thế giới |  | | 9 | Bài 2: Kí hiệu và chú giải trên một số bản đồ thông dụng | 2 | - Biết đọc các kí hiệu bản đồ và chú giải bản đồ hành chính, bản đồ địa hình. |  | | 10 | Bài 3:Tìm đường đi trên bản đồ | 2 | -Biết xác định hướng trên bản đồ và tính khoảng cách thực tế giữa hai địa điểm trên bản đồ theo tỉ lệ bản đồ.  - Biết đọc bản đồ, xác định được vị trí của đối tượng địa lí trên bản đồ. |  | | 11 | Bài 4: Lược đồ trí nhớ | 1 | Vẽ được lược đồ trí nhớ thể hiện các đối tượng địa lí thân quen đối với học sinh. |  | | 12 | Ôn tập chương 1 | 1 |  |  | | 13 | Kiểm tra giữa học ì I |  |  |  | | 14 | Bài 5: Vị trí Trái Đất trong hệ MặtTrời. Hình dạng, kích thước củaTrái Đất | 1 | - Biết được vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt Trời: vị trí, tương quan với các hành tinh khác,...  - Mô tả được hình dạng, kích thước của Trái Đất. |  | | 15 | Bài 6: Chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất và hệ quả |  | Mô tả được chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất trên mô hình quả địa cầu |  | | 16 | Bài 7: Chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời và hệ quả | 2 | - Mô tả được chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời: hướng, thời gian,...  - Trình bày được các hệ quả do chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời |  | | 17 | Bài 8 :Thực hành xác định phương hướng ngoài thực tế | 1 | - Xác định được phương hướng ngoài thực tế dựa vào la bàn hoặc quan sát các hiện tượng tự nhiên |  | | 18 | **Ôn tập chương 2** | 1 |  |  | | 19 | Bài 9: Cấu tạo của Trái Đất. Động đất và núi lửa | 2 | - Trình bày được cấu tạo của Trái Đất  - Xác định được trên lược đồ các mảng kiến tạo lớn, đới tiếp giáp của hai mảng xô vào nhau. |  | | 20 | Ôn tập | 1 |  |  | | 21 | Kiểm tra cuối học kì I | 1 |  |  | | 22 | Bài 10: Quá trình nội sinh và ngoại sinh. Các dạng địa hình chính. Khoáng sản | 3 | - Phân biệt được quá trình nội sinh và ngoại sinh.  - Trình bày được tác động đồng thời của quá trình nội sinh và ngoại sinh trong hiện tượng tạo núi.  - Phân biệt được các dạng địa hình chính trênTrái Đất. |  | | 23 | Bài 11: Thực hành đọc lợ đồ đa hình tỉ l lớn và lát cắt địa hình đơn giản | 2 | - Khái niệm khoảng sản, mỏ khoáng sản.  - Kể được tên một số loại khoáng sản.  - Giá trị của các loại khoáng sản  - Chuẩn bị được các điều kiện cho bài thực hành  - Đọc lược đồ địa hình tỉ lệ lớn  - Đọc đợc lưc đồ địa hình tỉ lệ lớn và át cắt địa hình đơn giản |  | | 24 | Bài 12: Lớp vỏ khí. Khối khí, khí áp và gió trên Trái Đất | 3 | * Trình bày được sự phàn bố các đai khi áp và các loại gió thổi thường xuyên trên Trái Đất. * Biết cách sử dụng khi áp kế. * Có ý thúc bảo vệ bầu khi quyển và lớp ô-dôn |  | | 25 | Bài 13. Thời tiết và khí hậ. Các đới khí hậu trên Trái Đất | 3 | - Nguồn cung cấp của nhiệt độ không khí.  - Thiết bị đo nhiệt độ không khí  - Trình bày được sự thay đổi nhiệt độ bề mặt Trái Đất theo vĩ độ.  - Mô tả được hiện tượng hình thành mây và mưa.  - Biết sử dụng nhiệt kế và ẩm kế.  - Phân biệt thời tiết và khí hậu.  -Trình bày được khái quát đặc điểm của một đới khí hậu. |  | | 26 | **Ôn tập chương 3,4** | 1 |  |  | | 27 | Ôn tập | 1 |  |  | | 28 | Kiểm tr giữa học kì II | 1 |  |  | | 29 | Bài 14: Biến đổi khí hậu và Ứng phóvới biến đổi khí hậu | 3 | - Nêu được nguyên nhân, biểu hiện, hậu quả, giải pháp của biến đổi khí hậu. - Trình bày được một số biện pháp phòng tránh thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu |  | | 30 | Bài 15: Thực hành về nhiệt độ và lượng mưa |  | - Phân tích được biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa.  - Xác định được đặc điểm về nhiệt độ và lượng mưa của một số địa điểm trên bản đồ khí hậu thế giới |  | | 31 | Bài 16: Thuỷ quyển. Vòng tuần hoàn nước. Nước ngầm, băng hà |  | - Kể tên được các thành phần chủ yếu của thuỷ quyển.  - Mô tả được vòng tuần hoàn lớn của nước.  - Nêu được tầm quan trọng của nước ngầm và băng hà  - Có ý thức sử dụng hợp lí và bảo vệ tài nguyên nước |  | | 32 | Bài 17: Sông và hồ | 2 | - Mô tả được các bộ phận của một dòng sông lớn, mối quan hệ giữa mùa lũ của sông với các nguồn cấp nước sông.  - Nêu được tầm quan trọng của việc sử dụng tổng hợp nước sông, hồ |  | | 33 | Bài 18: Biển và đại dương | 2 | - Xác định được trên bản đồ các đại dương thế giới.  - Nêu được sự khác biệt về nhiệt độ, độ muối giữa vùng biển nhiệt đới và vùng biển ôn đới.  - Trình bày được các hiện tuợng sóng, thuỷ triều, dòng biển. |  | | 34 | Bài 19: Lớp đất và các nhân tố hình thành đất. Một số nhóm đất điển hình | 1 | - Nêu được các tầng đất và các thành phần chính của đất.  - Đặc điểm của các tầng đất.  - Trình bày được một số nhân tố hình thành đất.  - Kể được tên một số nhóm đất điển hình trên thế giới.  - Xác định được trên bản đồ một số nhóm đất ở vùng nhiệt đới hoặc ở vùng ôn đới. |  | | 35 | Bài 20: Sinh vật và sự phân bố các đới thiên nhiên trên Trái Đất. Rừng nhiệt đới | 1 | - Mô tả sự đa dạng của thế giới sinh vật  - Nhắc lại được các đới thiên nhiên trên thế giới.  - Rừng nhiệt đới. |  | | 36 | Bài 21: Thực hành tìm hiểu môi trường tự nhiên qua tài liệu và tham quan địa phương | 1 | - Biết cách tìm hiểu môi trường tự nhiên qua tài liệu và tham quan địa phương  - Quan sát, ghi chép để hoàn thành tốt bài báo cáo của cá nhân, của nhóm.  -Yêu thiên nhiên, có ý thúc bảo vệ thiên nhiên. |  | | 36 | Bài 22: Dân số và phân bố dân cư |  | - Biết được số dân trên thế giới. Trình bày và giải thích được đặc điểm phàn bố dân cư trên thế giới.  - Đọc được biểu đồ quy mô dân số thế giới.  - Xác định được trên bản đồ một số thành phố đông dân nhất thế giới |  | | 38 | Bài 23: Con người và thiên nhiên | 1 | - Nêu được các tác động của thiên nhiên lén hoạt động sản xuất và sinh hoạt của con người.  - Trình bày được những tác động chủ yếu của con người tới thiên nhiên Trái Đất  - Trình bày được các giải pháp bảo vệ môi trường tự nhiên mà các em có thể làm được |  | | 39 | Bài 24: Thực hành tác động củ con người đến thiên nhiên | 1 | - Biết được mối quan hệ giữa con người và thiên nhiên ở địa phương.  Biết những điều kiện cần chuẩn bị cho tiết thực hành.  - Biết cách tìm hiểu môi trường tự nhiên qua tài liệu và tham quan địa phương |  | | 40 | Ôn tập chương5 | 1 |  |  | | 41 | Ôn tập cuối kì | 1 |  |  | | 42 | Kiểm tra cuối học kì II | 1 |  |  |   **2. Chuyên đề lựa chọn (đối với cấp trung học phổ thông)**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | STT | Chuyên đề  (1) | Số tiết  (2) | Yêu cầu cần đạt  (3) | | 1 |  |  |  | | 2 |  |  |  | | … |  |  |  |   *(1) Tên bài học/chuyên đề được xây dựng từ nội dung/chủ đề/chuyên đề (được lấy nguyên hoặc thiết kế lại phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường) theo chương trình, sách giáo khoa môn học/hoạt động giáo dục.*  *(2) Số tiết được sử dụng để thực hiện bài học/chủ đề/chuyên đề.*  *(3) Yêu cầu (mức độ) cần đạt theo chương trình môn học: Giáo viên chủ động các đơn vị bài học, chủ đề và xác định yêu cầu (mức độ) cần đạt.*  **3. Kiểm tra, đánh giá định kỳ**    **III. Các nội dung khác (nếu có):**  .......................................................................................................................................................................................................  .......................................................................................................................................................................................................  .......................................................................................................................................................................................................  .......................................................................................................................................................................................................  .......................................................................................................................................................................................................   |  |  | | --- | --- | | **TỔ TRƯỞNG**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* | *…., ngày tháng năm 20…*  **HIỆU TRƯỞNG**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* |   **Phụ lục II**  **KHUNG KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN, KHỐI LỚP 7**  (Năm học 2021 - 2022)  (Kèm theo Kế hoạch số: / ngày tháng năm của Trường THCS Thạnh Mỹ Lợi)   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **Tuần** | **Bài học**  **(1)** | **Số tiết**  **(2)** | **Yêu cầu cần đạt**  **(3)** | **Nội dun tích hợp/lồng ghép (4)** | | 1 | **Bài 1. Dân số** | 1 | - Trình bày được quá trình phát triển và tình hình gia tăng dân số thế giới, nguyên nhân, hậu quả của nó.  - Hình thành kĩ năng đọc và phân tích tháp tuổi, hiểu cách xây dựng tháp tuổi.  - Đọc biểu đồ gia tăng dân số thế giới để thấy được tình hình gia tăng dân số thế giới. | - Tích hợp Kĩ năng sống, giáo dục bảo vệ môi trường Mục 2,3 | | 1 | **Bài 2. Sự phân bố dân cư. Các chủng tộc trên thế giới** | 1 | *-* Trình bày và giải thích ở mức độ đơn giản sự phân bố dân cư không đồng đều trên thế giới.  - Phân biệt được sự khác nhau giữa các chủng tộc Môn-gô-lô-ít, Nê-grô-ít và Ơ-rô-pê-ô-ít về hình thái bên ngoài của cơ thể (màu, da, tóc, mắt, mũi) và nơi sinh sống chủ yếu của mỗi chủng tộc.  - Kĩ năng đọc lược đồ phân bố dân cư trên thế giới, xác định được một số vùng đông dân, thưa dân trên bản đồ dân cư thế giới. |  | | 2 | **Bài 3. Quần cư. Đô thị hóa** | 1 | - So sánh sự khác biệt giữa quần cư nông thôn và quần cư đô thị về hoạt động kinh tế, mật độ dân số, lối sống.  - Biết sơ lược quá trình đô thị hóa, sự hình thành các siêu đô thị trên thế giới.  - Kĩ năng phân tích tranh ảnh, bản đồ.  - Đọc tháp dân số | - Tích hợp giáo dục bảo vệ môi trường: Mục 2 | | 2 | **Bài 4. Thực hành: Phân tích lược đồ dân số và tháp tuổi** | 1 | - Giải thích được sự phân bố dân cư tại 1 tỉnh/địa phương  - Đánh giá sự thay đổi cơ cấu dân số Việt Nam các năm  - Nhận xét sự phân bố dân cư và đô thị châu Á  - Đọc lược đồ/bản đồ | - Tích hợp giáo dục kĩ năng sống  - Câu 1. Khuyến khích học sinh tự làm. | | 3 | **Bài 5. Đới nóng. Môi trường xích đạo ẩm** | 1 | - Biết vị trí đới nóng trên bản đò Tự nhiên thế giới.  - Trình bày và giải thích ở mức độ đơn giản một số đặc điểm tự nhiên cơ bản của đới nóng, môi trường xích đạo ẩm.  - Xác định được vị trí đới nóng trên bản đồ thế giới và các kiểu môi trường đới nóng.  - Đọc được biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa của môi trường xích đạo và sơ đồ lát cắt của rừng rậm xích đạo quanh năm. | - Tích hợp giáo dục kĩ năng sống. | | 3 | **Bài 6. Môi trường nhiệt đới** | 1 | - Trình bày và giải thích được ở mức độ đơn giản một số đặc điểm tự nhiên của môi trường nhiệt đới.  - Xác định vị trí của môi trường nhiệt đới trên bản đồ.  - Đọc các biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa để nhận biết đặc điểm khí hậu của môi trường nhiệt đới.  - Quan sát tranh ảnh và nhận xét các cảnh quan ở môi trường nhiệt đới. | - Tích hợp giáo dục bảo vệ môi trường: Mục 2 | | 4 | **Bài 7. Môi trường nhiệt đới gió mùa** | 1 | - Trình bày và giải thích được ở mức độ đơn giản một số đặc điểm tự nhiên của môi trường nhiệt đới.  - Phân tích được mối quan hệ giữa khí hậu và cảnh quan thiên nhiên trong môi trường nhiệt đới gió mùa.  - Xác định được những khu vực chịu ảnh hưởng của gió mùa châu Á.  - Phân tích, nhận xét biểu đồ nhiệt độ lượng mưa của Hà Nội và Mumbai | - Tích hợp ứng phó với thiên tai và BĐKH | |  | **Bài 8 và bài 9** |  | **Giảm tải** |  | | 4 | **Bài 10. Dân số và sức ép dân số tới tài nguyên, môi trường đới nóng** | 1 | - Trình bày được đặc điểm chung của dân số các nước thuộc môi trường thuộc đới nóng.  - Phân tích được mối quan hệ giữa dân số với tài nguyên, môi trường ở đới nóng.  - Kĩ năng đọc hiểu văn bản, bản đồ. | Tích hợp giáo dục kĩ năng sống.; giáo dục bảo vệ môi trường: Mục 1,2  **- Tích hợp giáo dục quốc phòng an ninh** | |  | **Bài 11** |  | **Giảm tải** |  | | 5 | **Bài 12. Thực hành: Nhật biết đặc điểm môi trường đới nóng** | 1 | - Nhận biết được kiểu môi trường ở đới nóng qua biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa và tranh ảnh.  - Phân tích mối quan hệ giữa chế độ mưa với chế độ sông ngòi, giữa khí hậu với môi trường.  - Phân tích biểu đồ, tranh ảnh.  - Làm việc nhóm**.** | - Tích hợp giáo dục kĩ năng sống.  Câu 2 và 3: Không yêu cầu học sinh làm | | 5 | **Bài 13. Môi trường đới ôn hoà** | 1 | Trình bày được vị trí, đặc điểm khí hậu của đới ôn hòa.  - Giải thích được (ở mức độ đơn giản) về đặc điểm tự nhiên cơ bản và sự phân hóa của môi trường ở đới ôn hòa.  - Đọc lược đồ/ biểu đồ/bảng số liệu |  | |  | **Bài 14, 51, 16** |  | **Giảm tải** |  | |  | **Bài 17. Ô nhiễm môi trường ở đới ôn hoà** | 1 | - Biết được hiện trạng và nguyên nhân gây ra ô nhiễm nước và không khí ở đới ôn hòa, từ đó đề xuất những giải pháp nhằm hạn chế ô nhiễm môi trường ở đới ôn hòa.  - Đánh giá được hậu quả của ô nhiễm môi trường không khí và nước gây ra cho thiên nhiên và con người không chỉ ở đới ôn hòa mà còn cả ở toàn thế giới.  - Kĩ năng tổng hợp, vận dụng các kiến thức liên môn vào giải quyết vấn đề.  - Kĩ năng phân tích thông tin từ ảnh địa lí, rèn luyện tư duy, tổng hợp.  - Rèn luyện kĩ năng hoạt động nhóm, thu thập thông tin ngoài xã hội, thông tin thực tế. |  | | 6 | **Bài 18. Thực hành: Nhận biết đặc điểm môi trường đới ôn hoà** | 1 | - Nhận biết được các kiểu môi trường của đới Ôn hòa qua tranh ảnh và phân tích biểu đồ khí hậu.  - Nhận xét và giải thích được nguyên nhân làm cho Trái đất nóng lên.  - Đề xuất đựơc giải pháp nhằm giảm thải khí CO2 ra môi trường.  - Đọc và phân tích biểu đồ, so sánh được sự khác nhau về đặc điểm giữa các môi trường thuộc đới Ôn Hòa.  - Phân tích thông tin từ tranh ảnh địa lí, rèn luyện tư duy tổng hợp. | Không yêu cầu học sinh làm  Câu 3: Không yêu cầu vẽ biểu đồ, Giáo viên hướng dẫn học sinh nhận xét và giải thích | | 7 | **Ôn tập** | 1 | - Khái quát được đặc điểm dân cư, quá trình đô thị hóa trên thế giới.  - Khái quát được vị trí, đặc điểm đới nóng và các kiểu ôi trường đới nóng, hoạt động kinh tế của con người ở đới nóng. |  | | 7 | **Ôn tập** | 1 | - Rèn kỹ năng đọc biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa.  - Rèn kỹ năng đọc ảnh địa lý.  - Hình thành kỹ năng xác lập mối liên hệ địa lý.  - Rèn luyện kỹ năng vẽ và nhận xét biểu đồ. |  | | 8 | **Kiểm tra giữa kì I** | 1 | - Đánh giá kết quả học tập của học sinh nhằm điều chỉnh nội dung, phương pháp dạy học và giúp đỡ học sinh một cách kịp thời.  - Kiểm tra mức độ nắm vững kiến thức, kĩ năng cơ bản ở 3 cấp độ nhận thức: biết, hiểu và vận dụng sau khi học xong nội dung đã học các bài học từ tuần 1 đến tuần 6. |  | | 8 | **Bài 19. Môi trường hoang mạc** | 1 | - Nêu được đặc điểm khí hậu của môi trường hoang mạc.  - Trình bày và giải thích được sự phân bố các hoang mạc trên thế giới.  - Trình bày và phân tích được sự thích nghi của các loài động thực vật ở hoang mạc.  - Đề xuất phương hướng cải tạo tự nhiên và phòng chống sa mạc hóa.  - Đọc, phân tích biểu đồ nhiệt độ lượng mưa để rút ra đặc điểm khí hậu hoang mạc.  - Đọc lược đồ để xác định vị trí phân bố các hoang mạc trên thế giới. |  | |  | **Bài 20** |  | **Giảm tải** |  | | 9 | **Bài 21: Môi trường đới lạnh** | 1 | - Nêu được vị trí của đới lạnh trên bản đồ tự nhiên thế giới.  - Giải thích được một số đặc điểm tự nhiên cơ bản của đới lạnh.  - Phân tích được sự thích nghi của động vật và thực vật với môi trường đới lạnh.  - Đánh giá hiện trạng vấn đề khai thác và những tác động của biến đổi khí hậu và con người đến HST tự nhiên từ đó để xuất giải pháp khai thác theo hướng bền vững.  - Đọc bản đồ về môi trường đới lạnh ở vùng Bắc Cực và vùng Nam Cực để nhận biết vị trí, giới hạn của đới lạnh.  - Đọc và phân tích biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa của một vài địa điểm ở môi trường đới lạnh để hiểu và trình bày đặc điểm khí hậu của môi trường đới lạnh.. |  | |  | **Bài 22** |  | **Giảm tải** |  | | 9 | **Bài 23. Môi trường vùng núi** | 1 | - Trình bày được đặc điểm cơ bản của môi trường và đặc điểm cư trú của con người vùng núi.  - Giải thích và so sánh được sự phân tầng thực vật theo độ cao ở đới ôn hòa và đới nóng.  - Phân tích được những thuận lợi và khó khăn của vùng núi.  - Đưa ra được những biện pháp nâng cao đời sống kinh tế - xã hội của vùng núi.  - Giải thích được sự phân bố dân cư ở vùng núi.  - Rèn luyện kĩ năng phân tích sơ đồ, hình ảnh địa lí. |  | |  | **Bài 24** |  | **Giảm tải** |  | | 10 | **Ôn tập** | 1 | Kiến thức kĩ năng từ bài 19, 21, 23 |  | | 10 | **Bài 25. Thế giới rộng lớn và đa dạng** | 1 | - Xác định được vị trí các châu lục và lục địa trên bản đồ thế giới.  - Phân biệt được các nhóm nước phát triển và đang phát triển dựa vào một số tiêu chí.  - So sánh tình hình kinh tế các nhóm nước.  - Liên hệ, đánh giá đặc điểm kinh tế Việt Nam.  - Đọc và phân tích bảng số liệu, biểu đồ và sơ đồ, tranh ảnh.  - Kĩ năng vẽ biểu đồ cột. |  | | 11 | **Bài 26. Thiên nhiên châu Phi** | 1 | - Mô tả được vị trí, giới hạn của châu Phi trên bản đồ thế giới và ý nghĩa của vị trí đối với khí hậu.  - Trình bày được đặc điểm về hình dạng lục địa, về địa hình và khoáng sản châu Phi.  - Kĩ năng đọc và phân tích bản đồ. |  | | 11 | **Bài 27. Thiên nhiên châu Phi (tiếp theo)** | 1 | - Kể tên được các môi trường của Châu Phi trong đó chiếm phần lớn là hoang mạc và bán hoang mạc.  - Giải thích được tại sao khí hậu của Châu Phi khô nóng, hoang mạc chiếm phần lớn diện tích lãnh thổ.  - Trình bày được sự khác biệt vệ sinh vật giữa các môi trường của châu Phi.  - Xác định được lượng mưa và các môi trường tự nhiên của châu Phi trên lược đồ.  - Xác định được các dòng biển nóng và dòng biển lạnh trên bản đồ. |  | | 12 | **Bài 28. Thực hành: Phân tích lược đồ phân bố các môi trường tự nhiên, biểu đồ** | 1 | - Trình bày được sự phân bố các môi trường tự nhiên ở Châu Phi và giải thích được nguyên nhân của sự phân bố đó.  - Phân tích được biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa ở Châu Phi.  - Đọc và phân tích biểu đồ biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa.  - Phân tích thông tin từ biểu đồ Địa Lí, rèn luyện tư duy tổng hợp. |  | | 12 | **Bài 29. Dân cư, xã hội châu Phi** | 1 | - Trình bày được đặc điểm dân cư - xã hội Châu Phi, sự bùng nổ dân số ở châu phi, nguyên nhân và hậu quả.  - Phân tích được bảng số liệu thống kê, nhận xét bảng số liệu, nhận định và rút ra nhận xét. | Không dạy: Mục 1. Lịch sử và dân cư; phần a: Sơ lược lịch sử | | 1 | **Bài 30. Kinh tế châu Phi** | 1 | - Trình bày được đặc điểm, sự phân bố ngành nông nghiệp, công nghiệp ở Châu Phi.  - Sử dụng bản đồ để xác định được sự phân bố các ngành kinh tế của Châu Phi.  - Quan sát video, hình ảnh để rút ra nhận xét, trình bày đặc điểm ngành nông nghiệp, công nghiệp của châu Phi. |  | | 13 | **Bài 31. Kinh tế châu Phi** | 1 | - Trình bày và giải thích được đặc điểm phát triển một số hoạt động dịch vụ chủ yếu ở Châu Phi.  - Phân tích được quá trình đô thị hóa hiện nay ở Châu Phi.  - Sử dụng bản đồ, bảng số liệu, tranh ảnh địa lí |  | | 14 | **Bài 32. Các khu vực Châu Phi** | 1 | - Trình bày được các đặc điểm điểm tự nhiên các khu vực Bắc Phi và Trung Phi  - So sánh được các hoạt động kinh tế xã hội của khu vực Bắc Phi và Trung Phi  - Đọc và phân tích bảng số liệu, biểu đồ và sơ đồ, tranh ảnh Địa lý |  | | 14 | **Bài 33. Các khu vực Châu Phi (tiếp theo)** | 1 | Trình bày được đặc điểm tự nhiên kinh tế - xã hội khu vực Nam Phi.  - So sánh và tìm ra được những khác biệt về tự nhiên, kinh tế xã hội giữa các khu vực Bắc Phi, Trung Phi và Nam Phi.  - Nêu một số khó khăn hiện nay của Nam Phi trong phát triển kinh tế xã hội hiện nay.  - Giải thích được vì sao cần phải chống lại nạn phân biệt chủng tộc.  - Sử dụng bản đồ và sơ đồ, lược đồ, tranh ảnh để xác định và trình bày đặc điểm tự nhiên, dân cư, kinh tế của Nam Phi. | - Tích hợp giáo dục kĩ năng sống | | 15 | **Ôn tập HKI** | 1 | - Hệ thống hóa một số kiến thức cơ bản từ tuần 1 đến tuần 14  - Phân tích bản đồ, lược đồ, hình ảnh SGK  - Phân tích, so sánh |  | | 15 | **Ôn tập HKI** | 1 | - Phân tích bản đồ, lược đồ, hình ảnh SGK  - Phân tích, so sánh |  | | 16 | **Kiểm tra cuối học kỳ I** | 1 | Thực hiện theo ma trận đề  - Kiểm tra các kiến thức, kĩ năng cơ bản ở các nội dung: Các môi trường Địa lí và Châu Phi  - Củng cố các kĩ năng phân tích bản đồ, bảng số liệu.  - Phân tích biểu đồ và bảng số liệu.  - Sữa chửa những lỗi làm bài của học sinh. |  | | 16 | **Kiểm tra cuối học kỳ I** | 1 | Thực hiện theo ma trận đề  - Kiểm tra các kiến thức, kĩ năng cơ bản ở các nội dung: Các môi trường Địa lí và Châu Phi  - Củng cố các kĩ năng phân tích bản đồ, bảng số liệu.  - Phân tích biểu đồ và bảng số liệu.  - Sữa chửa những lỗi làm bài của học sinh. |  | | 17 | **Bài 34: TH: So sánh nền KT ba khu vực châu Phi** | 1 | - Kể tên được các nước có thu nhập bình quân đầu người cao, thấp ở Châu Phi.  - Nhận xét được sự phân hoá thu nhập bình quân đầu người giữa ba khu vực kinh tế Châu Phi.  - So sánh được các đặc điểm kinh tế của 3 khu vực Châu Phi.  - Rèn luyện kĩ năng phân tích, so sánh, khai thác kiến thức qua lược đồ. | - Tích hợp giáo dục kĩ năng sống | | 17 | **Hoạt động trải nghiệm sáng tạo chủ đề Thiên nhiên châu Phi** | 1 | * Tìm hiểu về tự nhiên, con người, kinh tế các nước Châu Phi * Kĩ năng trình bày trước lớp, kỉ năng làm việc nhóm * Thái độ: trách nhiệm, chăm chỉ hoàn thành nhiệm vụ |  | | 18 | **Trải nghiệm sáng tạo chủ đề Thiên nhiên châu Phi (tt)** | 1 | * Tìm hiểu về tự nhiên, con người, kinh tế các nước Châu Phi * Kĩ năng trình bày trước lớp, kỉ năng làm việc nhóm   Thái độ: trách nhiệm, chăm chỉ hoàn thành nhiệm vụ |  | | 18 | **Ôn tập** | 1 | Hoàn thành chương trình HKI |  | | 19 | **Bài 35. Khái quát Châu Mĩ** | 11 | - Trình bày được vị trí địa lí và ý nghĩa của vị trí địa lí châu Mỹ trong phát triển kinh tế và xã hội.  - Giải thích được vì sao châu Mỹ là vùng đất của người nhập cư, thành phần chủng tộc đa dạng.  - Đánh giá được ý nghĩa của kênh đào Panama đối với ngành hàng hải và thương mại thế giới.  - Xác định được trên bản đồ các chủng tộc khác nhau sinh sống ở vị trí nào trên lãnh thổ châu Mỹ là chủ yếu.  - Kĩ năng xác định vị trí trên bản đồ |  | | 19 | **Bài 36: Thiên nhiên Bắc Mĩ** | 1 | - Nêu được vị trí địa lí, giới hạn của Bắc Mĩ.  - Nêu được đặc điểm ba khu vực của địa hình Bắc Mĩ: cấu trúc địa hình đơn giản, chia làm 3 khu vực kéo dài theo chiều kinh tuyến.  - Nêu được đặc điểm của các sông và hồ lớn của Bắc Mĩ.  - Nêu và giải thích đặc điểm khí hậu ở Bắc Mĩ.  - Sử dụng các bản đồ, lược đồ để trình bày đặc điểm tự nhiên, kinh tế của Bắc Mĩ.  - Phân tích lát cắt địa hình Bắc Mĩ để nhận biết và trình bày sự phân hóa địa hình theo hướng Đông - Tây của Bắc Mĩ. | - Tích hợp giáo dục kĩ năng sống | | 20 | **Bài 37. Dân cư Bắc Mĩ** | 1 | - Trình bày được sự phân bố dân cư của Bắc Mỹ.  - Giải thích được tại sao dân cư Bắc Mỹ phân bố không đồng đều.  - Trình bày các đặc điểm đô thị của Bắc Mỹ và những thay đổi trong phân bố dân cư Bắc Mỹ.  - Đọc và nhận xét được bả đồ phân bố dân cư và đô thị ở Bắc Mỹ. |  | | 20 | **Bài 38. Kinh tế Bắc Mĩ** | 1 | - Trình bày đặc điểm nền nông nghiệp của Bắc Mĩ; sự phân bố 1 số nông sản quan trọng của Bắc Mĩ.  - Giải thích được điều kiện làm cho nền nông nghiệp Hoa Kì và Ca-na-đa phát triển ở trình độ cao.  - Phân tích lược đồ nông nghiệp của Bắc Mĩ để xác định được các vùng nông nghiệp chính của Bắc Mĩ.  **-** Nhận xét, phân tích các hình ảnh về NN Bắc Mĩ để thấy các hình thức tổ chức sx và áp dụng khoa học kĩ thuật vào nông nghiệp |  | | 21 | **Bài 39. Kinh tế Bắc Mĩ (tiếp theo)** | 1 | - Trình bày được nền công nghiệp ở Bắc Mĩ đã phát triển ở trình độ cao, sự gắn bó mật thiết giữa công nghiệp và dịch vụ. Công nghiệp chế biến chiếm ưu thế.  - Trình bàyđược trong CN đang có sự chuyển biến trong phân bố SX hình thành các trung tâm KT-DV lớn.  - Giải thích được nguyên nhân của sự phát triển trình độ cao của các nước Bắc Mĩ.  - Trình bàykhái quát mối quan hệ giữa các nước thành viên NAFTA và vai trò của Hoa Kì trong NAFTA  - Liên hệ quá trình phát triển công nghiệp của nước ta.  - Phân tích lược đồ công nghiệp của Bắc Mĩ để xác định được các vùng công nghiệp chính của Bắc Mĩ. |  | | 21 | **Bài 40. Thực hành: Tìm hiểu vùng công nghiệp truyền thống ở Đông Bắc Hoa Kì và vùng CN vành đai Mặt Trời** | 1 | Cuộc cách mạng KHKT làm thay đổi sự phân bố sản xuất công nghiệp ở Hoa Kì.  - Sự thay đổi trong cơ cấu sản xuất công nghiệp ở vùng CN ĐB và "vành đai mặt trời".  **-** Phân tích lược đồ, số liệu thống kê. | - Tích hợp giáo dục kĩ năng sống  - Khuyến khích HS tự làm. | | 22 | **Bài 41. Thiên nhiên Trung và Nam Mỹ** | 1 | - Vị trí, giới hạn khu vực Trung và Nam Mĩ.  - Đặc điểm địa hình eo đất Trung Mĩ và quần đảo Ăng - ti, địa hình lục địa Nam Mĩ.  - Xác định trên bản đồ, lược đồ châu Mĩ (bản đồ Thế giới) vị trí địa lí của khu vực Trung và Nam Mĩ.  - Sử dụng các bản đồ, lược đồ để trình bày đặc điểm tự nhiên khu vực Trung và Nam Mĩ. |  | | 2 | **Bài 42. Thiên nhiên Trung và Nam Mỹ (tiếp theo)** | 1 | - Trình bày và giải thích (ở mức độ đơn giản) một số đặc điểm khí hậu và thiên nhiên của Trung và Nam Mĩ .  - Đặc điểm các môi trường tự nhiên ở Trung và Nam Mĩ.  **-** Phân tích, so sánh để thấy rõ sự phân hóa địa hình và khí hậu. |  | | 23 | **Bài 43. Dân cư xã hội Trung và Nam Mĩ** | 1 | - Trình bày và giải thích ( ở mức độ đơn giản) một số đặc điểm về dân cư, xã hội Trung và Nam Mĩ  - Quá trình đô thị, những vấn đề nảy sinh do đô thị hóa tự phát gây ra.  **-** Phân tích, so sánh đối chiếu trên lược đồ. | Không dạy : Mục 1. Sơ lược lịch sử | | 23 | **Bài 44. Kinh tế Trung và Nam Mĩ** | 1 | - Trình bày và giải thích ( ở mức độ đơn giản) một số đặc điểm về kinh tế của Trung và Nam Mĩ .  **-**  Rèn luyện kĩ năng quan sát đọc phân tích lược đồ, ảnh địa lí để thấy được các hình thức sản xuất nông nghiệp, sự phân bố sản xuất nông nghiệp ở Trung và Nam Mĩ. |  | | 24 | **Bài 45. Kinh tế Trung và Nam Mĩ (tiếp theo)** | 1 | - Trình bày và giải thích (ở mức độ đơn giản) một số đặc điểm về công nghiệp của Trung và Nam Mĩ.  - Hiểu được vấn đề khai thác vùng A-ma-dôn và những vấn đề về môi trường cần quan tâm.  - Trình bày được về khối kinh tế Méc-cô-xua (MERCOSUR).  **-** Đọc, quan sát, phân tích mối quan hệ giữa hoạt động kinh tế với môi trường ở Nam Mĩ, và mối quan hệ giữa rừng A - ma - dôn với khí hậu toàn cầu. | - Tích hợp giáo dục bảo vệ môi trường Mục 3 | | 24 | **Bài 46. Thực hành: Sự phân hóa của thảm thực vật ở sườn đông và sườn tây của dãy An-đét** | 1 | - Nắm vững sự phân hoá của môi trường theo độ cao ở vùng núi An-đet.  - Sự khác nhau của thảm thực vật giữa sườn đông và sườn tây của dãy An-đet.  **-** Rèn kĩ năng quan sát sơ đồ lát cắt, qua đó nhận thức được quy luật phi địa đới thể hiện sự thay đổi, sự phân bố thảm thực vật giữa 2 sườn của hệ thống An - đet. | - Tích hợp giáo dục kĩ năng sống | | 25 | **Ôn tập** | 1 | - Hệ thống hóa các kiến thức về tự nhiên, dân cư, kinh tế của Châu Mĩ và các khu vực của Châu Mĩ. |  | | 25 | **Ôn tập** | 1 | - Rèn luyện một số kĩ năng cơ bản như phân tích bản đồ, lược đồ tự nhiên, dân cư và kinh tế; xử lí và phân tích số liệu thống kê về dân số, kinh tế; Khai thác kiến thức từ tranh ảnh địa lí |  | | 26 | **Kiểm tra giữa kì II** | 1 | - Đánh giá mức độ nắm, hiểu và vận dụng bài học của học sinh để tiếp tục điều chỉnh phương pháp học tập.  - Đánh giá kỹ năng quan sát, phân tích, nhận xét lược đồ, biểu đồ |  | | 26 | **Bài 47. Châu Nam Cực** | 1 | - Biết được vị trí địa lí, giới hạn, phạm vi của châu Nam Cực.  - Trình bày và giải thích ở mức độ đơn giản đặc điểm tự nhiên châu Nam Cực.  - Biết vấn đề môi trường cần được quan tâm ở châu Nam Cực là bảo vệ các loài động vật quý đang có nguy cơ tuyệt chủng.  - Sử dụng bản đồ để trình bày đặc điểm tự nhiên.  - Phân tích biểu đồ khí hậu của 2 địa điểm ở châu Nam Cực, lát cắt địa hình của Nam Cực.  - Nhận dạng được một số lòi ộng vật ở Nam Cực qua tranh ảnh. | - Tích hợp giáo dục kĩ năng sống và giáo dục bảo vệ môi trường MT: Mục 1 | | 27 | **Bài 48. Thiên nhiên Châu Đại Dương** | 1 | - Biết đượcvị trí địa lí, phạm vi của châu Đại Dương.  - Trình bày và giải thích ở mức độ đơn giản một số đặc điểm tự nhiên của các đảo và quần đảo, lục địa Ô - xtrây - li - a.  - Sử dụng bản đồ trình bày đặc điểm tự nhiên châu Đại Dương.  - Phân tích biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa một số trạm của châu Đại Dương. |  | | 27 | **Bài 49. Dân cư và kinh tế Châu Đại Dương** | 1 | - Trình bày và giải thích ở mức độ đơn giản đặc điểm dân cư, kinh tế của châu Đại Dương.  - Phân tích bảng số liệu về dân cư, kinh tế của châu Đại Dương. |  | | 28 | **Bài 50. Thực hành viết báo cáo về đặc điểm tự nhiên của Ôxtrâylia** | 1 | - Đặc điểm tự nhiên (địa hình, khí hậu) của 3 địa điểm đại diện cho 3 kiểu khí hậu khác nhau của lục địa Ôxtrâylia và nguyên nhân của sự khác nhau đó  - Nhận xét lát cắt địa hình, giải thích mối quan hệ chặt chẽ giữa các yếu tố tự nhiên.  - Đọc, phân tích ảnh và bản đồ .  - Kĩ năng viết báo cáo và trình bày một phút. |  | | 28 | **Bài 51. Thiên nhiên châu Âu** | 1 | - Biết được vị trí địa lí, giới hạn của châu Âu trên bản đồ.  - Trình bày và giải thích một số đặc điểm tự nhiên cơ bản của châu Âu.  - Trình bày sự phân bố và đặc điểm chính của các môi trường.  - Nắm được đặc điểm khí hâu, sự phân hóa khí hậu châu Âu, mối quan hệ giữa khí hậu và thực vật. |  | | 29 | **Bài 52. Thiên nhiên châu Âu (tiếp theo)** | 1 | - Biết được vị trí địa lí, giới hạn của châu Âu trên bản đồ.  - Trình bày và giải thích một số đặc điểm tự nhiên cơ bản của châu Âu.  - Trình bày sự phân bố và đặc điểm chính của các môi trường.  - Nắm được đặc điểm khí hâu, sự phân hóa khí hậu châu Âu, mối quan hệ giữa khí hậu và thực vật. |  | | 29 | **Bài 53. Thực hành: Đọc và phân tích biểu đồ nhiệt độ lượng mưa châu Âu.** | 1 | - Rèn kĩ năng sử dụng, đọc, phân tích bản đồ, lược đồ  - Phân tích tranh ảnh để nắm các đặc điểm môi trường, mối quan hệ giữa cảnh quan với khí hậu.  Rèn kĩ năng phân tích biểu đồ khí hậu, kĩ năng so sánh. |  | | 30 | **Bài 54. Dân cư, xã hội Châu Âu** | 1 | - Trình bày và nhận xét được về tôn giáo, ngôn ngữ và văn hoá ở Châu Âu.  - Chứng minh được dân số Châu Âu đang có xu hướng già đi.  - Nhận xét được mức độ đô thị hoá ở châu Âu.  - Phân tích được những thuận lợi và khó khăn của dân số đến sự phát triển kinh tế-xã hội ở châu Âu.  - Phân tích bản đồ phân bố dân cư đô thị, các nhóm ngôn ngữ để tìm ra kiến thức. |  | | 30 | **Bài 55. Kinh tế Châu Âu** | 1 | Trình bày những đặc điểm kinh tế nổi bật của các nước Châu Âu.  - Chứng minh được kinh tế châu Âu phát triển ở trình độ cao  - Giới thiệu thành tựu, vẻ đẹp của các nước châu Âu qua ngành dịch vụ  - Phân tích lược đồ kinh tế, tranh ảnh | - Tích hợp giáo dục bảo vệ môi trường: mục 3 | | 31 | **Bài 56. Khu vực Bắc Âu** | 1 | - Xác định được vị trí các nước trong khu vực Bắc Âu và những đặc điểm khái quát về địa hình, khí hậu, tài nguyên của 3 khu vực Bắc Âu.  - Phân tích các ngành kinh tế quan trọng của khu vực Bắc Âu.  - Rèn kĩ năng xác định lược đồ.  - Rèn kỹ năng đọc và phân tích mối quan hệ giữa điều kiện tự nhiên với hoạt động kinh tế. | - Tích hợp giáo dục bảo vệ môi trường: mục 2 | | 31 | **Bài 57. Khu vực Tây và Trung Âu** | 1 | - Trình bày được đặc điểm tự nhiên của khu vực Tây và Trung Âu.  - Trình bày được tình hình phát triển kinh tế của khu vực Tây và Trung Âu   * Kĩ năng đọc bản đồ tự nhiên, phân tích mối quan hệ nhân quả. |  | | 32 | **Bài 58. Khu vực Nam Âu** | 1 | - Giải thích được được vị trí địa lí của khu vực Nam Âu có nhiều núi lửa hoạt động và thường xuyên xảy ra động đất.  - Trình bày được những đặc điểm nổi bật về tự nhiên và kinh tế của khu vực Nam Âu.  - Đề xuất giải pháp phát triển kinh tế, nhất là phát triển du lịch tại khu vực.  - Kĩ năng đọc bản đồ tự nhiên, phân tích mối quan hệ nhân quả. |  | | 32 | **Bài 59. Khu vực Đông Âu** | 1 | - Xác định được vị trí của khu vực Đông Âu.  - Trình bày được đặc điểm kinh tế khu vực Đông Âu.  - Đánh giá được những thuận lợi và khó khăn của tự nhiên đến sự phát triển kinh tế-xã hội ở Đông Âu.  - Giải thích được đặc điểm phát triển kinh tế của khu vực Đông Âu.  - Phân tích và tổng hợp lược đồ tự nhiên Đông Âu.  **-** Phân tích sơ đồ thảm thực vật để thấy được mối quan hệ giữa khí hậu và thảm thực vật |  | | 33 | **Ôn tập HKII** | 1 | - Hệ thống hoá những kiến thức về tự nhiên, dân cư, kinh tế của Bắc Mĩ, khu vực trung và Nam Mĩ và các châu Nam cực, châu Đại Dương và châu Âu |  | | 33 | **Ôn tập HKII** | 1 | - Rèn luyện một số kĩ năng cơ bản như phân tích bản đồ, lược đồ tự nhiên, dân cư và kinh tế; xử lí và phân tích số liệu thống kê về dân số, kinh tế; Khai thác kiến thức từ tranh ảnh địa lí |  | | 34 | **Kiểm tra cuối HKII** | 1 | - Đánh giá kết quả học tập của học sinh nhằm điều chỉnh nội dung, phương pháp dạy học và giúp đỡ học sinh một cách kịp thời.  - Kiểm tra các kiến thức, kĩ năng cơ bản ở các nội dung về châu Mỹ và châu Âu.  - Củng cố các kĩ năng phân tích bản đồ, bảng số liệu.  - Phân tích biểu đồ và bảng số liệu.  - Sữa chửa những lỗi làm bài của học sinh. |  | | 34 | **Kiểm tra cuối HKII** | 1 | Trả bài kiểm tra |  | | 35 | **Bài 60. Liên minh Châu Âu** | 1 | - Xác định được các nước trong khối liên minh châu Âu.  - Mô tả được quá trình mở rộng của liên minh châu Âu qua từng giai đoạn.  - Nhận xét, đánh giá được sự phát triển của liên minh châu Âu.  - Phân tích lược đồ, tranh ảnh. |  | | 35 | **Bài 61. Thực hành Đọc lược đồ, vẽ biểu đồ cơ cấu kinh tế Châu Âu** | 1 | - Kể tên các nước ở châu Âu và xác định được nước đó thuộc khu vực nào của châu Âu.  - Xác định được vị trí của các nước châu Âu trên bản đồ.  - Vẽ và nhận xét được biểu đồ cơ cấu kinh tế của Pháp và Ucraina.  **-** Kỹ năng vẽ biểu đồ cơ cấu kinh tế và khả năng nhận xét về trình độ phát triển của Pháp và Ucraina. |  | |

**3. Kiểm tra, đánh giá định kỳ**

**Khối 7:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Bài kiểm tra, đánh giá | Thời gian  (1) | Thời điểm  (2) | Yêu cầu cần đạt  (3) | Hình thức  (4) |
| Giữa Học kỳ 1 | 45 phút | Tuần 8 | - Kiểm tra mức độ nắm vững kiến thức, kĩ năng cơ bản ở 3 cấp độ nhận thức: biết, hiểu và vận dụng sau khi học xong nội dung đã học các bài học từ tuần 1 đến tuần 6. | Kiểm tra viết |
| Cuối Học kỳ 1 | 45 phút | Tuần 16 | - Kiểm tra các kiến thức, kĩ năng cơ bản ở các nội dung: Các môi trường Địa lí và Châu Phi  - Củng cố các kĩ năng phân tích bản đồ, bảng số liệu.  - Phân tích biểu đồ và bảng số liệu.  - Sữa chửa những lỗi làm bài của học sinh. | Kiểm tra viết |
| Giữa Học kỳ 2 | 45 phút | Tuần 26 | - Đánh giá mức độ nắm, hiểu và vận dụng bài học của học sinh để tiếp tục điều chỉnh phương pháp học tập.  - Đánh giá kỹ năng quan sát, phân tích, nhận xét lược đồ, biểu đồ | Kiểm tra viết |
| Cuối Học kỳ 2 | 45 phút | Tuần 34 | - Đánh giá kết quả học tập của học sinh nhằm điều chỉnh nội dung, phương pháp dạy học và giúp đỡ học sinh một cách kịp thời.  - Kiểm tra các kiến thức, kĩ năng cơ bản ở các nội dung về châu Mỹ và châu Âu.  - Củng cố các kĩ năng phân tích bản đồ, bảng số liệu.  - Phân tích biểu đồ và bảng số liệu. | Kiểm tra viết |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phụ lục III**  **KHUNG KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN, KHỐI LỚP 8**  (Năm học 2021 - 2022)  (Kèm theo Kế hoạch số: / ngày tháng năm của Trường THCS Thạnh Mỹ Lợi)  **1. Phân phối chương trình**   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | Tuần | Bài học  (1) | Số tiết  (2) | Yêu cầu cần đạt  (3) | Nội dung tích hợp/lồng ghép  (4) | | 1 | **Bài 1: Vị trí địa lí, địa hình và khoáng sản** | 1 | - Xác định được vị trí địa lí và giới hạn lãnh thổ của châu Á trên bản đồ thế giới.  - Trình bày được đặc điểm kích thước lãnh thổ, địa hình và khoáng sản của châu Á.  - Đánh giá được những thế mạnh đặc biệt của thiên nhiên châu Á đối với sự phát triển kinh tế - xã hội.  - Xác định được các dạng địa hình của châu Á, kể tên được các đồng bằng, sơn nguyên, cao nguyên, dãy núi và hướng núi chính của châu Á trên bản đồ.  - Kể tên và xác định được các mỏ khoáng sản của châu Á trên bản đồ. |  | | 2 | **Bài 2: Khí hậu châu Á** |  | - Trình bày và giải thích được đặc điểm khí hậu châu Á  - Nêu và giải thích được sự khác biệt giữa kiểu khí hậu lục địa và kiểu khí hậu gió mùa ở châu Á.  - Xác định được sự phân bố của các kiểu khí hậu, các đới khí hậu của châu Á trên bản đồ.  - Đọc và nhận xét biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa của các địa điểm | - Tích hợp giáo dục kĩ năng sống  - Câu hỏi 2 phần câu hỏi và bài tập: Không yêu cầu học sinh làm. | | 3 | **Bài 3. Sông ngòi và cảnh quan châu Á** | 1 | - Trình bày được đặc điểm chung của sông ngòi Châu Á.  - Nêu và giải thích được sự khác nhau về chế độ nước, giá trị kinh tế của các hệ thống sông lớn.  - - Trình bày được các cảnh quan tự nhiên của Châu Á và giải thích được sự phân bố của một số cảnh quan.  - Sử dụng bản đồ để xác định vị trí và một số đặc điểm sông ngòi và cảnh quan của Châu Á.  - Xác lập mối quan hệ giữa khí hậu, địa hình với sông ngòi và cảnh quan tự nhiên. | - Tích hợp Ứng phó với thiên tai và biến đổi khí hậu. | | 4 | **Bài 4. Thực hành: Phân tích hoàn lưu gió mùa châu Á** |  | Trình bày được nguyên nhân hình thành và cơ chế hoạt động gió mùa ở châu Á.  - Nêu được các hướng gió chính vào mùa đông và mùa hạ ở các khu vực của châu Á.  - Đánh giá tác động của gió mùa đến tự nhiên châu Á.  - Đọc, phân tích sự thay đổi khí áp và hướng gió trên bản đồ vào các mùa, phân biệt các đường đẳng áp. |  | | 5 | **Bài 5. Đặc điểm dân cư, xã hội châu Á** | 1 | - Giải thích được một số đặc điểm nổi bật của dân cư - xã hội ở Châu Á.  - Đánh giá được một số tác động của dân cư- xã hội đến sự phát triển kinh tế các nước châu Á.  - Kĩ năng phân tích bảng số liệu dân số  - Kĩ năng quan sát ảnh và phân tích lược đồ phân bố dân cư, chủng tộc, tôn giáo. | Câu hỏi 2: Không yêu cầu vẽ biểu đồ, Giáo viên hướng dẫn học sinh nhận xét | | 6 | **Bài 6. Thực hành: Đọc, phân tích lược đồ phân bố dân cư và các thành phố lớn châu Á** | 1 | - Củng cố kiến thức về phân bố dân cư Châu Á  - Mối quan hệ giữa tự nhiên với phân bố dân cư.  - Xác định vị trí của các thành phố lớn, những nơi tập trung đông dân, nơi thưa dân của Châu Á.  - Phân tích bản đồ dân cư Châu Á, bản đồ tự nhiên Châu Á, tìm mối quan hệ Địa lí giữa dân cư và tự nhiên. | - Tích hợp giáo dục kĩ năng sống | | 7 | **Bài 7. Đặc điểm phát triển kinh tế - xã hội các nước châu Á** | 1 | - Liệt kê được các nhóm nước có trình độ phát triển kinh tế giống nhau.  - Trình bày và giải thích ở mức độ đơn giản một số đặc điểm phát triển kinh tế của các nước Châu Á:  - Liên hệ với tình hình kinh tế xã hội của Việt Nam.  - Phân tích bảng số liệu về các chỉ tiêu kinh tế của một số nước châu Á.  - Thu thập, thống kê các thông tin kinh tế - xã hội để nhận định, đánh giá mở rộng kiến thức. | - Tích hợp giáo dục kĩ năng sống.  - Không dạy: Phần 1. Vài nét về lịch sử phát triển của các nước Châu Á  Câu hỏi 2 phần câu hỏi và bài tập: Không yêu cầu học sinh làm. | | 8 | **Ôn tập** | 1 | - Hệ thống hóa các kiến thức đã học về Châu Á.  - Trình bày những đặc điểm chính về vị trí địa lí, tự nhiên, dân cư, xã hội Châu Á  - Củng cố kỹ năng: Phân tích biểu đồ, lược đồ, biểu đồ, các bảng số liệu thống kê về đặc điểm tự nhiên, dân cư Châu Á.  - Phát triển khả năng tổng hợp, khái quát, xác lập mối quan hệ địa lí giữa các yếu tố tự nhiên, giữa tự nhiên với sự phân bố dân cư, sự phát triển kinh tế |  | | 9 | **Kiểm tra giữa kì** | 1 | Củng cố các kiến thức khái quát về tự nhiên Châu Á và mối quan hệ giữa các thành phần tự nhiên.  - Củng cố kiến thức về dân cư, kinh tế- xã hội châu Á.  Củng cố kỹ năng: Phân tích biểu đồ, các mối quan hệ địa lí để giải thích đặc điểm tự nhiên, dân cư, kinh tế châu Á. |  | | 10 | **Bài 8. Tình hình phát triển kinh tế- xã hội các nước châu Á** | 1 | - Trình bày được được những thành tựu và sự phân bố các ngành kinh tế ở các nước và vùng lãnh thổ châu Á.  - Phân tích được xu hướng phát triển hiện nay của các nước và vùng lãnh thổ là ưu tiên phát triển công nghiệp, dịch vụ và không ngừng nâng cao đời sống.  - Quan sát tranh ảnh và nhận xét về một số hoạt động kinh tế ở Châu Á.  - Phân tích các bảng thống kê kinh tế, tăng trưởng GDP, về cơ cấu cây trồng của một số quốc gia , khu vực thuộc Châu Á.  - Rèn kỹ năng đọc và phân tích mối quan hệ giữa điều kiện tự nhiên với hoạt động kinh tế, đặc biệt với sự phân bố cây trồng và vật nuôi. |  | | 11 | **Bài 9. Khu vực Tây Nam Á** | 1 | - Xác định được vị trí khu vực Tây Nam Á trên bản đồ và hiểu được vị trí chiến lược của khu vực.  - Trình bày và giải thích được những đặc điểm nổi bật về tự nhiên, dân cư, kinh tế - xã hội khu vực Tây Nam Á.  - Đề xuất giải pháp phát triển kinh tế và giả quyết xung đột – khủng bố tại khu vực.  - Phân tích biểu đồ, lược đồ tự nhiên , bảng số liệu thống kê, phim ảnh để rút ra đặc điểm vị trí, tự nhiên, dân cư, kinh tế khu vực.  - Xác lập được mối quan hệ giữa các yếu tố Địa lí. | - Tích hợp giáo dục kĩ năng sống | | 12 | **Bài 10. Điều kiện tự nhiên khu vực Nam Á** | 1 | những đặc điểm nổi bật về tự nhiên của khu vực Nam Á.  - Đọc bản đồ,tự nhiên và lược đồ phân bố lượng mưa khu vực Nam Á.  - Quan sát, nhận xét ảnh địa lí |  | | 13 | **Bài 11. Dân cư và đặc điểm kinh tế khu vực Nam Á** | 1 | - Trình bày những đặc điểm nổi bật về dân cư, kinh tế của khu vực Nam Á .  - Phân tích lược đồ phân bố dân cư, bảng số liệu, ảnh đia lí để nhận biết đặc điểm kinh tế Nam Á.  - Quan sát, nhận xét ảnh địa lí |  | | 14 | **Bài 12. Đặc điểm tự nhiên khu vực Đông Á** | 1 | - Xác định được vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ của khu vực Đông Á. - Trình bày được những đặc điểm nổi bật về tự nhiên của khu vực Đông Á và giải thích nguyên nhân. - Phân tích biểu đồ, lược đồ tự nhiên , phim ảnh để rút ra đặc điểm vị trí, tự nhiên khu vực.  - Xác lập được mối quan hệ giữa các thành phần tự nhiên. | - Tích hợp giáo dục kĩ năng sống | | 15 | **Ôn tập** | 1 | - Củng cố các kiến thức cơ bản về tự nhiên, kinh tế, xã hội châu Á.  - Củng cố các kiến thức cơ bản về tự nhiên, kinh tế, xã hội của Tây Nam Á, Nam Á, Đông Á.  - Củng cố kỹ năng: Phân tích biểu đồ, lược đồ, biểu đồ, các bảng số liệu thống kê về đặc điểm tự nhiên, dân cư, kinh tế- xã hội.  - Phát triển khả năng tổng hợp, khái quát, xác lập mối quan hệ địa lí giữa các yếu tố tự nhiên, giữa tự nhiên với sự phân bố dân cư, sự phát triển kinh tế. |  | | 16 | **Kiểm tra cuối học kì I** | 1 | * Các kiến thức cơ bản về tự nhiên, kinh tế, xã hội của Tây Nam Á, Nam Á, Đông Á. * Kỹ năng: Phân tích biểu đồ, lược đồ, biểu đồ, các bảng số liệu thống kê về đặc điểm tự nhiên, dân cư, kinh tế- xã hội. |  | | 17 | **Kiểm tra học kì I** | 1 | - Trả bài kiểm tra và sửa bài kiểm tra |  | | 18 | **Bài 13. Tình hình phát triển kinh tế- xã hội khu vực Đông Á** | 1 | - Trình bày và giải thích được một số đặc điểm nổi bật về dân cư, kinh tế - xã hội khu vực Đông Á.  - Trình bày và phân tích được tình hình phát triển kinh tế của một số quốc gia Đông Á.  - Liên hệ tình hình xuất nhập khẩu giữa các nước khu vực Đông Á và Việt Nam.  - Phân tích biểu đồ, lược đồ tự nhiên, số liệu thống kê, phim ảnh để rút ra đặc điểm dân cư, kinh tế khu vực.  - Xác lập được mối quan hệ giữa các yếu tố tự nhiên, dân cư với kinh tế - xã hội.  - Kĩ năng thu thập, thống kê các thông tin KT – XH để mở rộng kiến thức. | Câu hỏi 2 phần câu hỏi và bài tập: Không yêu cầu học sinh làm. | | 19 | **Bài 14. Đông Nam Á - đất liền và hải đảo** | 1 | - Xác định được vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ của khu vực Đông Á. Trình bày được những đặc điểm nổi bật về tự nhiên của khu vực Đông Á và giải thích nguyên nhân. - Phân tích biểu đồ, lược đồ tự nhiên , phim ảnh để rút ra đặc điểm vị trí, tự nhiên khu vực. |  | | 19 | **Bài 15. Đặc điểm dân cư, xã hội Đông Nam Á** | 1 | * Trình bày được một số đặc điểm nổi bật về dân cư, xã hội của khu vực Đông Nam Á và giải thích nguyên nhân. * So sánh được các điểm tương đồng và khác biệt về mặt xã hội của các nước trong khu vực. * Đánh giá được các thế mạnh và hạn chế của dân cư xã hội Đông Nam Á * Xử lí, phân tích và nhận xét được các bảng số liệu thống kê về dân số của khu vực Đông Nam Á. * Khai thác được các kiến thức từ bản đồ, tranh ảnh và video clip.   Xác lập được mối quan hệ giữa các yếu tố địa lí. | * Tích hợp giáo dục kĩ năng sống | | 20 | **Bài 16. Đặc điểm kinh tế các nước Đông Nam Á** | 1 | - Trình bày và giải thích được các đặc điểm kinh tế cơ bản của khu vực Đông Nam Á.  - Liên hệ kinh tế Việt Nam và đề xuất một số giải pháp phát triển kinh tế nhằm khai thác thế mạnh của các nước.  - Phân tích bản đồ, số liệu thống kê, phim, ảnh để rút ra đặc điểm kinh tế khu vực.  - Phân tích được mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với tài nguyên và môi trường | - Tích hợp Kỹ năng sống  - Tích hợp bảo vệ môi trường mục 2 | | 20 | **Bài 17. Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN)** | 1 | - Trình bày được Quá trình thành lập, các nước thành viên; mục tiêu hoạt động và những thành tựu đạt do sự hợp tác của các nước.  - Đánh giá thuận lợi và thách thức đối với Việt Nam trong quá trình hội nhập ASEAN.  - Phân tích bản đồ, bảng số liệu thống kê, tranh ảnh địa lí để năm được quá trình hình thành, số lượng thành viên và những thành tự nổi bật của ASEAN.  - Vẽ và nhận xét được biểu đồ cột. |  | | 21 | **Bài 18. Thực hành: Tìm hiểu Lào, Cam-pu-chia** | 1 | - Xác định được vị trí của Lào và Campuchia trên lược đồ.  - Phân tích được một số đặc điểm nổi bật về tự nhiên, dân cư, kinh tế của Lào và Campuchia.  - Tập hợp các tư liệu sử dụng chúng để tìm hiểu đặc điểm Địa lí một quôc gia.  - Phân tích bản đồ, tranh ảnh, số liệu thống kê, văn bản.  - Trình bày một văn bản. |  | |  | **Bài 19, 20, 21** |  | Giảm tải |  | | 21 | **Bài 22. Việt Nam-đát nước-con người** | 1 | Thấy được vị thế của Việt Nam trong khu vực Đông Nam Á và trên thế giới  - Biết được Việt Nam là một trong những quốc gia mang đậm bản sắc thiên nhiên, văn hóa, lịch sử của khu vực Đông Nam Á  - Phân tích bản đồ, tranh ảnh địa lí  - Sưu tầm tranh ảnh về các hoạt động đối ngoại của VN trong khu vực Đông Nam Á và trên thế giới. |  | | 22 | **Bài 23. Vị trí, giới hạn, hình dạng của lãnh thổ Việt Nam** | 1 | - Trình bày được vị trí địa lí, giới hạn, diện tích, phạm vi lãnh thổ của nýớc ta.  - Thấy được vị trí chiến lýợc về ANQP của nýớc ta trong khu vực và trên thế giới*.*  - Đánh giá được ý nghĩa của vị trí địa lí, hình dạng lãnh thổ nước ta đối với tự nhiên và sự phát triển kinh tế - xã hội.  - Đề xuất giải pháp nhằm bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ  - Kỹ năng đọc bản đồ, sử dụng tranh ảnh, video để xác định vị trí, giới hạn, phạm vi lãnh thổ của nước ta  - Xác lập mối liên hệ giữa các yếu tố địa lí. |  | | 22 | **Bài 24. Vùng biển Việt Nam** |  | - Trình bày được diện tích, giới hạn của vùng biển Việt Nam; khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với biển Đông.  - Trình bày được một số đặc điểm khí hậu, hải văn của Biển Đông.  - Đánh giá được một số tác động của biển Đông đến phát triển kinh tế - xã hội ở nước ta .  - Biết được thiên tai ở biển ngày càng dữ dội và khó lường do biến đổi khí hậu.  - Phân tích được nguyên nhân cần thiết phải bảo vệ môi trường biển từ đó đề xuất giải pháp hợp lí. - Sử dụng bản đồ, lược đồ khu vực Đông Nam Á, bản đồ tự nhiên Việt Nam để xác định vị trí, giới hạn của biển Đông. - Rèn luyện kĩ năng phân tích và giải thích lược đồ khí hậu, hải văn.  - Thu thập tranh ảnh, thông tin từ các tài liệu khác nhau liên quan đến chủ quyền vùng biển VN.  - Thích ứng với những thiên tai ngày càng bất thường từ biển. | - Tích hợp giáo dục kỹ năng sống, giáo dục bảo vệ môi trường Mục 2.  **-**Tích hợp giáo dục an ninh quốc phòng  - Tích hợp ứng phó với thiên tai và biến đổi khí hậu | | 23 | **Bài 26. Đặc điểm tài nguyên khoáng sản Việt Nam** | 1 | Kể tên được một số loại khoáng sản của nước ta.  - Chứng minh được Việt Nam là nước giàu khoáng sản nhưng phần lớn các mỏ có trữ lượng nhỏ và vừa.  - Phân tích được những nguyên nhân làm cạn kiệt nguồn tài nguyên khoáng sản.  - Đề xuất được những biện pháp bảo vệ và sử dụng tiết kiệm tài nguyên.  - Đọc bản đồ khoáng sản, nhận xét sự phân bố các mỏ khoáng sản ở nước ta.  - Xác định dược các mỏ khoáng sản lớn và các vùng khoáng sản trên bản đồ. | - Tích hợp bảo vệ môi trường mục 3;  - Không dạy: Mục 2. Sự hình thành các vùng mỏ chính ở nước ta.  - Câu hỏi 3 phần câu hỏi và bài tập: Không yêu cầu học sinh làm. | | 23 | **Bài 27. Thực hành: Đọc bản đồ Việt Nam (phần hành chính và khoáng sản)** |  | - Củng cố kiến thức về vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ, tổ chức hành chính của nước ta  - Củng cố các kiến thức về tài nguyên khoáng sản của VN, nhận xét sự phân bố khoáng sản ở Việt Nam.  - Xác định được vị trí của các tỉnh, thành phố ven biển, nội địa, các tỉnh đường biên giới với Trung Quốc, Lào và Campuchia.  - Đọc được bản đồ hành chính và lược đồ khoáng sản Việt Nam. | - Khuyến khích học sinh tự học.  -Tích hợp giáo dục an ninh quốc phòng | | 24 | **Bài 29. Đặc điểm địa hình Việt Nam** | 1 | - Trình bày và giải thích được 3 đặc điểm địa hình Việt Nam.  - Phân tích được mối quan hệ giữa địa hình với các thành phần khác trong môi trường tự nhiên và tác động của địa hình đến sự phát triển kinh tế- xã hội đất nước.  - Rèn kĩ năng đọc, hiểu khai thác kiến thức về địa hình Việt Nam trên bản đồ địa hình.  - Kĩ năng phân tích lát cắt địa hình để thấy được sự phân bậc địa hình Việt Nam.  - Nhận xét tác động của con người tới địa hình qua tranh ảnh thực tiễn. | - Tích hợp bảo vệ môi trường mục 3 | | 24 | **Bài 29. Đặc điểm các khu vực địa hình** | 1 | - Trình bày được sự phân hóa đa dạng của địa hình Việt Nam.  - Nêu được đặc điểm cấu trúc, phân bố của các khu vực địa hình đồi núi, đồng bằng, bờ biển và thềm lục địa.  - Đồng bằng sông Cửu Long, Đồng bằng sông Hồng có nguy cơ bị thu hẹp diện tích do nước biển dâng.  - Sử dụng bản đồ tự nhiên, lược đồ địa hình Việt Nam để xác định vị trí, mô tả các đặc điểm và sự phân bố các khu vực địa hình ở nước ta.  - Đọc bản đồ địa hình để xác định được vị trí các dãy núi, đỉnh núi và dòng sông, trên lược đồ. | - Tích hợp giáo dục kỹ năng sống | | 25 | **Ôn tập** | 1 | * Kiến thức từ bài 14 – bài 29 |  | | 25 | **Ôn tập** | 1 | * Kĩ năng quan sát tranh ảnh, đọc và phân tích biểu đồ, bản đồ… * Tính toán số liệu và nhận xét |  | | 26 | **Kiểm tra giữa kì HKII** | 1 | * Kiến thức kỹ năng từ tuần 19 đến tuần 24 |  | | 26 | **Bài 30. Thực hành: Đọc bản đồ địa hình Việt Nam** | 1 | - Nêu được các đơn vị địa hình cơ bản của nước ta.  - Trình bày đặc điểm địa hình một số khu vực lãnh thổ.  - Đánh giá tác động của địa hình đến đời sống kinh tế và xã hội  - Đọc bản đồ địa hình Việt Nam.  - Đọc lát cắt địa hình. | - Tích hợp ứng phó với thiên tai và biến đổi khí hậu. | | 27 | **Bìa 31. Đặc điểm khí hậu Việt Nam** | 1 | - Trình bày và giải thích được đặc điểm chung của khí hậu VN.  - Phân tích được mối quan hệ giữa khí hậu với các thành phần tự nhiên khác.  - Biết được những năm gần đây, hiện tượng BĐKH toàn cầu đã tác động mạnh đến khí hậu nước ta.  - Vận dụng kiến thức đã học để giải thích những hiện tượng thời tiết thường gặp trong cuộc sống.  - Sử dụng bản đồ, Atlat, biểu đồ, các bảng số liệu để trình bày đặc điểm khí hậu Việt Nam.  - Xác lập mối quan hệ giữa các thành phần tự nhiên. | - Tích hợp bảo vệ môi trường mục 3  - Tích hợp Kỹ năng sống | | 27 | **Bài 32. Các mùa khí hậu và thời tiết ở nước ta** | 1 | - Trình bày được những nét đặc trưng của khí hậu và thời tiết của hai mùa gió.  - So sánh sự khác biệt về khí hậu và thời tiết của miền Bắc, Trung và Nam  - Phân tích được những thuận lợi và khó khăn do khí hậu và thời tiết mang lại đối với đời sống và sản xuất của nhân dân.  - Đề xuất giải pháp phòng chống thiên tai và biến đổi khí hậu  - Phân tích, so sánh được bảng số liệu nhiệt độ, lượng mưa ở các trạm Hà Nội, Huế, Tp.HCM  - Phân tích video dự báo thời tiết. | - Tích hợp bảo vệ môi trường cả bài  - Tích hợp ứng phó với thiên tai và biến đổi khí hậu. | | 28 | **Bài 33. Đặc điểm sông ngòi VN** | 1 | -Trình bày được các đặc điểm chung của sông ngòi Việt Nam: mạng lưới sông, hướng chảy, chế độ nước, lượng phù sa.  -Nêu được những thuận lợi và khó khăn của sông ngòi đối với đời sống, sản xuất và sự cần thiết phải bảo vệ nguồn nước sông.  - Sử dụng bản đồ Địa lí tự nhiên Viêt Nam, bản đồ mạng lưới sông ngòi Việt Nam để trình bày các đặc điểm chung của sông ngòi Việt Nam.  - Phát triển tư duy địa lí, phân tích bảng số liệu và giải thích được các mối quan hệ giữa sông ngòi với các yếu tố tự nhiên khác và hoạt động kinh tế của con người. | * Tích hợp bảo vệ môi trường Mục 2 | | 28 | **Bài 34.** **Các hệ thống sông lớn ở nước ta** | 1 | - Nêu và giải thích được sự khác nhau về chế độ nước, về mùa lũ của 3 vùng : Bắc Bộ, Trung Bộ, Nam Bộ.  - Biết được một số hệ thống sông lớn ở nước ta.  - Sử dụng bản đồ để trình bày các hệ thống sông lớn ở nước ta.  - Phân tích bảng số liệu, bảng thống kê về các hệ thống sông lớn ở Việt Nam. |  | | 29 | **Bài 35. Thực hành về khí hậu, thuỷ văn Việt Nam** | 1 | - Giải thích được sự biến động lưu lượng nước trong năm của các sông Hồng và Gianh  -Đánh giá được tác động của chế độ nước đến sản xuất và sinh hoạt  - Vẽ biểu đồ lưu lượng dòng chảy và lượng mưa của 2 lưu vực sông.  - Phân tích và xử lí số liệu về khí hậu - thủy văn. | - Tích hợp ứng phó với thiên tai và biến đổi khí hậu | | 29 | **Bài 36. Đặc điểm đất Việt Nam** | 1 | - Trình bày và giải thích được đặc điểm chung của đất Việt Nam  - Xác định được đặc tính, sự phân bố và giá trị kinh tế của các nhóm đất chính ở nước ta.  - Đánh giá được vấn đề sử dụng và cải tạo đất ở nước ta hiện nay.  - Đề xuất các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm đất ở địa phương.  - Đọc lát cắt địa hình, bản đồ các loại đất chính.  - Quan sát, nhận biết, phân loại đất thông qua mẫu đất. | - Tích hợp bảo vệ môi trường mục 3 Mục 2 | | 30 | **Bài 37. Đặc điểm sinh vật Việt Nam** | 1 | - Trình bày và giải thích được đặc điểm chung của sinh vật Việt Nam.  - Trình bày được những nét cơ bản các hệ sinh thái ở Việt Nam.  - Nêu được giá trị của tài nguyên sinh vật, nguyên nhân của sự suy giảm và sự cần thiết phải bảo vệ nguồn tài nguyên sinh vật ở Việt Nam.  -Phân tích tranh ảnh, bảng số liệu để chứng minh sự phong phú, đa dạng của sinh vật Việt Nam. | - Tích hợp bảo vệ môi trường mục 3 | | 30 | **Bài 38. Bảo vệ tài nguyên sinh vật Việt Nam** | 1 | - Trình bày được giá trị của tài nguyên sinh vật nước ta.  - Phân tích được nguyên nhân của sự suy giảm của tài nguyên sinh vật nước ta.  - Đề xuất các giải pháp bảo vệ, gìn giữ nguồn tài nguyên sinh vật nước ta.  - Phân tích bảng số liệu về diện tích rừng.  - Sưu tầm tranh ảnh, tư liệu có liên quan đến một số động, thực vật có nguy cơ tuyệt chủng. | - Tích hợp bảo vệ môi trường cả bài | | 31 | **Bài 39. Đặc điểm chung của tự nhiên Việt Nam** | 1 | Trình bày và giải thích được 4 đặc điểm chung của TNVN: Nhiệt đới ẩm gió mùa, chịu ảnh hưởng sâu sắc của biển, nhiều đồi núi, phân hóa đa dạng, phức tạp.  - Nêu được những thuận lợi và khó khăn của tự nhiên đối với đời sông và phát triển kinh tế - xã hội ở nước ta.  - Sử dụng bản đồ tự nhiên VN để nhận biết sự phân bậc độ cao địa hình, các hướng gió chính, các dòng biển, các dòng sông lớn.  - Kỹ năng tư duy địa lí tổng hợp |  | | 31 | **Bài 40. Thực hành: Đọc lát cắt tự nhiên tổng hợp** | 1 | - So sánh và giải thích được đặc điểm địa hình và khí hậu của khu vực Tây Bắc  - Củng cố kiến thức địa lí cơ bản về địa lí TNVN: địa chất, địa hình, khí hậu, thủy văn, sinh vật, đất …  - Phân tích lát cắt thấy được cấu trúc đứng, cấu trúc ngang củamột lát cắt tự nhiên tổng hợp.  - Phân tích được mối quan hệ chặt chẽ giữa các thành phần tự nhiên | - Tích hợp Kỹ năng sống | | 32 | **Bài 41. Miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ** | 1 | - Xác định vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ của miền.  - Trình bày được đặc điểm về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của vùng.  - Phân tích được những khó khăn và hạn chế của vùng từ đó đề xuất các giải pháp nhằm khai thác hiệu quả hơn nữa thế mạnh vùng.  -Phân tích bản đồ, lát cắt địa lí, bảng số liệu thống kê, tranh ảnh, video clip... để xác định vị trí, trình bày và giải thích các đặc điểm tự nhiên của vùng. | - Tích hợp bảo vệ môi trường mục 3 | | 32 | **Bài 42. Miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ** | 1 | - Xác định vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ của miền.  - Trình bày và giải thích được các đặc điểm nổi bật về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của vùng.  - Phân tích được những khó khăn và hạn chế của vùng từ đó đề xuất các giải pháp nhằm khai thác hiệu quả hơn nữa thế mạnh vùng.  - Phân tích bản đồ, lát cắt địa lí, bảng số liệu thống kê, tranh ảnh, video clip... để xác định vị trí, trình bày và giải thích các đặc điểm tự nhiên của vùng. | - Tích hợp bảo vệ môi trường: mục 4 , 5 | | 33 | **Ôn tập học kỳ II** | 1 | - Củng cố các kiến thức cơ bản về tự nhiên, dân cư, xã hội khu vực Đông Nam Á.  - Phát triển khả năng tổng hợp, khái quát hóa các kiến thức cơ bản đã học.  - Củng cố và phát triển các kỹ năng phân tích bản đồ, lược đồ, bảng số liệu thống kê, xác lập các mối quan hệ địa lí. |  | | 33 | **Ôn tập học kỳ II** |  | Củng cố các kiến thức cơ bản về tự nhiên Việt Nam |  | | 34 | **Kiểm tra học kì II** |  | -Các kiến thức cơ bản về tự nhiên, dân cư, xã hội khu vực Đông Nam Á.  - Kĩ năng tổng hợp, khái quát hóa các kiến thức cơ bản đã học.  - Kĩ năng phân tích bản đồ, lược đồ, bảng số liệu thống kê, xác lập các mối quan hệ địa lí.  - Các kiến thức cơ bản về tự nhiên Việt Nam |  | | 34 | **Kiểm tra học kì II** | 1 | Trả bài thi và sử bài thi cho học sinh |  | | 35 | **Bài 43. Miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ** | 1 | - Xác định vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ của miền.  - Trình bày và giải thích được các đặc điểm nổi bật về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của vùng.  - Phân tích được những khó khăn và hạn chế của vùng từ đó đề xuất các giải pháp nhằm khai thác hiệu quả hơn nữa thế mạnh vùng.  - Phân tích bản đồ, lát cắt địa lí, bảng số liệu thống kê, tranh ảnh, video clip... để xác định vị trí, trình bày và giải thích các đặc điểm tự nhiên của vùng. | - Tích hợp giáo dục bảo vệ môi trường: mục 4  - Tích hợp giáo dục kỹ năng sống  - Giáo dục bảo vệ biển-đảo  *-* Tích hợp ứng phó với thiên tai và biến đổi khí hậu. | | 35 | **Thực hành: Tìm hiểu địa phương** | 1 | - Biết sử dụng kiến thức của các môn Lịch sử, Địa lí để tìm hiểu địa lí địa phương.  - Rèn kỹ năng điều tra, thu thập thông tin, phân tích thông tin |  |   **2. Chuyên đề lựa chọn (đối với cấp trung học phổ thông)**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | STT | Chuyên đề  (1) | Số tiết  (2) | Yêu cầu cần đạt  (3) | | 1 |  |  |  | | 2 |  |  |  | | … |  |  |  |   *(1) Tên bài học/chuyên đề được xây dựng từ nội dung/chủ đề/chuyên đề (được lấy nguyên hoặc thiết kế lại phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường) theo chương trình, sách giáo khoa môn học/hoạt động giáo dục.*  *(2) Số tiết được sử dụng để thực hiện bài học/chủ đề/chuyên đề.*  *(3) Yêu cầu (mức độ) cần đạt theo chương trình môn học: Giáo viên chủ động các đơn vị bài học, chủ đề và xác định yêu cầu (mức độ) cần đạt.*  **3. Kiểm tra, đánh giá định kỳ**  **Khối 8:**   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | Bài kiểm tra, đánh giá | Thời gian  (1) | Thời điểm  (2) | Yêu cầu cần đạt  (3) | Hình thức  (4) | | Giữa Học kỳ 1 | 45 phút | Tuần 9 | - Các kiến thức khái quát về tự nhiên Châu Á và mối quan hệ giữa các thành phần tự nhiên.  - Kiến thức về dân cư, kinh tế- xã hội châu Á.  - Kỹ năng: Phân tích biểu đồ, các mối quan hệ địa lí để giải thích đặc điểm tự nhiên, dân cư, kinh tế châu Á. | Kiểm tra viết | | Cuối Học kỳ 1 | 45 phút | Tuần 16 | Các kiến thức cơ bản về tự nhiên, kinh tế, xã hội của Tây Nam Á, Nam Á, Đông Á.  Kỹ năng: Phân tích biểu đồ, lược đồ, biểu đồ, các bảng số liệu thống kê về đặc điểm tự nhiên, dân cư, kinh tế- xã hội. | Kiểm tra viết | | Giữa Học kỳ 2 | 45 phút | Tuần 26 | Kiến thức kỹ năng từ tuần 19 đến tuần 24 | Kiểm tra viết | | Cuối Học kỳ 2 | 45 phút | Tuần 34 | - Các kiến thức cơ bản về tự nhiên, dân cư, xã hội khu vực Đông Nam Á.  - Kĩ năng tổng hợp, khái quát hóa các kiến thức cơ bản đã học.  - Kĩ năng phân tích bản đồ, lược đồ, bảng số liệu thống kê, xác lập các mối quan hệ địa lí.  - Các kiến thức cơ bản về tự nhiên Việt Nam | Kiểm tra viết |   **Phụ lục IV**  **KHUNG KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN, KHỐI LỚP 9**  (Năm học 2021 - 2022)  (Kèm theo Kế hoạch số: / ngày tháng năm của Trường THCS Thạnh Mỹ Lợi)   |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **TT** | **TÊN CHƯƠNG-CHỦ ĐỀ** | **BÀI HỌC** | **SỐ TIẾT** | **THỜI**  **ĐIỂM**  **(TUẦN)** | **THIẾT BỊ** | **ĐỊA ĐIỂM** | **YÊU CẦU CẦN ĐẠT** | | **1** | **CHỦ ĐỀ 1:**  **ĐỊA LÝ DÂN CƯ**  **(5 TIẾT)** | **BÀI 1: Cộng đồng các dân tộc Việt Nam** | 1 | **1** | * SGK, * Bài dạy Powerpoint * Tập Bản Đồ 9 * Bản đồ phân bố dân tộc Việt Nam. * Hình ảnh cộng đồng 54 dân tộc. | Tại lớp | - Nêu được một số đặc điểm về dân tộc : Việt Nam có 54 dân tộc ; mỗi dân tộc có đặc trưng về văn hoá thể hiện trong ngôn ngữ, trang phục, phong tục, tập quán.  - Biết dân tộc có trình độ phát triển kinh tế khác nhau, chung sống đoàn kết, cùng xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.  - Trình bày được sự phân bố các dân tộc ở nước ta.  - Phân tích bảng số liệu về số dân phân theo thành phần dân tộc.  - Thu thập thông tin về một dân tộc | |  |  | **Bài 2: Dân số và gia tăng dân số**  **Nội dung cần bổ sung** Phân tích được sự thay đổi cơ cấu tuổi và giới tính của dân cư giai đoạn 1999-2019.  **Phần sẽ được bổ sung**:  Dạy bổ sung thêm vào mục III SGK Địa lí 9 hiện hành | 1 | **1** | * SGK, * Bài dạy powerpoint * Tập Bản Đồ 9 | Tại lớp | - Trình bày được một số đặc điểm của dân số nước ta ; nguyên nhân và hậu quả.  **-**Phân tích được sự thay đổi cơ cấu tuổi và giới tính của dân cư  - Vẽ và phân tích biểu đồ dân số Việt Nam.  - Phân tích và so sánh tháp dân số nước ta các năm 1999 và 2019. | | **2** |  | **Bài 3: Phân bố dân cư và các loại hình quần cư.** | 1 | **2** | * SGK, * Bài dạy Powerpoint * Tập Bản Đồ 9 | Tại lớp | - Trình bày được tình hình phân bố dân cư nước ta : không đồng đều theo lãnh thổ, tập trung đông đúc ở đồng bằng và các đô thị, ở miền núi dân cư thưa thớt.  - Phân biệt được các loại hình quần cư thành thị và nông thôn theo chức năng và hình thái quần cư.  - Nhận biết quá trình đô thị hoá ở nước ta.  - Sử dụng bảng số liệu và bản đồ để nhận biết sự phân bố dân cư ở Việt Nam. | |  |  | **Bài 4: Lao động việc làm, chất lượng cuộc sống** | 1 | **2** | * SGK, * Bài dạy Powerpoint * Tập Bản Đồ 9 | Tại lớp | - Trình bày được đặc điểm về nguồn lao động và việc sử dụng lao động.  - Biết được sức ép của dân số đối với việc giải quyết việc làm ở nước ta.  - Trình bày được hiện trạng chất lượng cuộc sống ở Việt Nam : còn thấp, không đồng đều, đang được cải thiện.  - Phân tích biểu đồ, bảng số liệu về cơ cấu sử dụng lao động. | | **3** |  | **Bài 5: Thực hành phân tích và so sánh tháp dân số năm 1989 và 1999.** | 1 | **3** | * SGK, * Bài dạy Powerpoint * Tập Bản Đồ 9 | Tại lớp | – Phân tích được sự thay đổi cơ cấu tuổi và giới tính của dân cư.  - HS biết cách phân tích, so sánh tháp dân số  - Tìm được sự thay đổi và xu thế thay đổi cơ cấu dân số theo độ tuổi ở nước ta.  - Củng cố và hình thành ở mức độ cao về kĩ năng đọc phân tích so sánh tháp tuổi. | |  | **Chủ đề 2:**  **Địa lý kinh tế**  **( 11 TIẾT)** | **Bài 6: Sự phát triển nền kinh tế Việt Nam (giảm tải phần I)** | 1 | **3** | * SGK, * Bài dạy Powerpoint * Tập Bản Đồ 9 | Tại lớp | -Trình bày sơ lược về quá trình phát triển của nền kinh tế Việt Nam.  - Thấy được chuyển dịch cơ cấu kinh tế ;những thành tựu và thách thức.  - Phân tích biểu đồ để nhận xét sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế. | | **4** |  | **Bài 7: Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố nông nghiệp** | 1 | **4** | * SGK, * Bài dạy Powerpoint * Tập Bản Đồ 9 * Bản đồ địa lí TNVN | Tại lớp | - Phân tích được các nhân tố tự nhiên, kinh tế - xã hội ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố nông nghiệp.  - Biết sơ đồ các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố nông nghiệp | |  |  | **Bài 8:Sự phát triển và phân bố nông nghiệp**  **Nội dung cần bổ sung**  – Tìm kiếm thông tin, viết báo cáo ngắn về một số mô hình sản xuất nông nghiệp có hiệu quả.  – Trình bày được ý nghĩa của việc phát triển nông nghiệp xanh.  **Phần sẽ được bổ sung**:  **Dạy bổ sung vào bài 8 - SGK Địa lí 9 hiện hành** | 1 | **4** | * SGK, * Bài dạy Powerpoint * Tập Bản Đồ 9 * Bản đồ Nông nghiệp Việt Nam | Tại lớp | - Trình bày được tình hình phát triển của sản xuất nông nghiệp : phát triển vững chắc, sản phẩm đa dạng, trồng trọt vẫn là ngành chính.  - Trình bày và giải thích sự phân bố của một số cây trồng, vật nuôi.  - Tìm kiếm thông tin, viết báo cáo ngắn về một số mô hình sản xuất nông nghiệp có hiệu quả.  -Trình bày được ý nghĩa của việc phát triển nông nghiệp xanh | | **5** |  | **Bài 9: Sự phát triển và phân bố sản xuất lâm nghiệp và thủy sản.**  **Nội dung cần bổ sung**  Phân tích được đặc điểm phân bố tài nguyên rừng và nguồn lợi thuỷ sản.  **Phần sẽ được bổ sung**:  Dạy bổ sung vào bài 9, mục I.1; II.1 - SGK Địa lí 9 hiện hành | 1 | **5** | * SGK, * Bài dạy Powerpoint * Tập Bản Đồ 9 * Bản đồ lâm nghiệp và thủy sản | Tại lớp | - Biết được thực trạng độ che phủ rừng của nước ta ; vai trò của từng loại rừng.  - Trình bày được tình hình phát triển và phân bố ngành lâm nghiệp.  - Trình bày được nguồn lợi thuỷ, hải sản ; sự phát triển và phân bố của ngành khai thác, nuôi trồng thuỷ sản.  - Phân tích bản đồ để thấy rõ sự phân bố của các loại rừng, bãi tôm, cá.  - Phân tích bảng số liệu, biểu đồ để thấy sự phát triển của lâm nghiệp, thuỷ sản.  -Phân tích được đặc điểm phân bố tài nguyên rừng và nguồn lợi thủy sản. | |  | **Bài 10 :Thực hành vẽ và phân tích biểu đồ về sự thay đổi cơ cấu diện tích gieo trồng phân theo các loại cây , sự tăng trưởng đàn gia súc , gia cầm** | **1** | **5** | * SGK, * Bài dạy Powerpoint * Tập Bản Đồ 9 * Compa, thước kẻ, thước đo độ, máy tính | Tại lớp | -Rèn luyện kĩ năng xử lí bảng số liệu , kĩ năng vẽ biểu đồ cơ cấu (hình tròn) và kĩ năng vẽ biểu đồ đường thể hiện tốc độ tăng trưởng.  - Rèn luyện kĩ năng đọc biểu đồ, rút ra các nhận xét và giải thích. | | **6** |  | **Bài 11:** Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp | **1** | **6** | * SGK, * Bài dạy Powerpoint * Tập Bản Đồ 9 * Bản đồ địa chất, khoáng sản | Tại lớp | - Phân tích các nhân tố tự nhiên, kinh tế - xã hội ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp.  - Trình bày được tình hình phát triển của sản xuất công nghiệp.  - Trình bày được một số thành tựu của sản xuất công nghiệp : cơ cấu đa ngành với một số ngành trọng điểm khai thác thế mạnh của đất nước ; thực hiện công nghiệp hoá. | |  | **Bài 12:** Sự phát triển và phân bố công ghiệp  (bỏ Mục II.3 không học. Câu hỏi bài tập 3 không làm)  **Nội dung cần bổ sung**  Giải thích được tại sao cần phát triển công nghiệp xanh.  **Phần sẽ được bổ sung:**  **Dạy bổ sung vào bài 12, mục I - SGK Địa lí 9 hiện hành** | 1 | **6** | * SGK, * Bài dạy Powerpoint * Tập Bản Đồ 9 * Bản đồ công nghiệp Việt Nam | Tại lớp | - Biết sự phân bố của một số ngành công nghiệp trọng điểm.  - Phân tích biểu đồ để nhận biết cơ cấu ngành công nghiệp.  - Phân tích bản đồ công nghiệp để thấy rõ các trung tâm công nghiệp, sự phân bố của một số ngành công nghiệp.  - Xác định được trên bản đồ các trung tâm công nghiệp chính.  - Gỉai thích được tại sao cần phát triển công nghiệp xanh | | **7** |  | **Bài 13:** Vai trò, đặc điểm phát triển và phân bố của dịch vụ | 1 | **7** | * SGK, * Bài dạy Powerpoint * Tập Bản Đồ 9 * -Bản đồ Giao thông Việt Nam | Tại lớp | - Biết được cơ cấu và sự phát triển ngày càng đa dạng của ngành dịch vụ.  - Hiểu được vai trò quan trọng của ngành dịch vụ.  - Biết được đặc điểm phân bố của ngành dịch vụ nói chung. | |  | **Bài 14:** GTVT và bưu chính viễn thông | 1 | **7** | * SGK, * Bài dạy Powerpoint * Tập Bản Đồ 9 |  | - Trình bày được tình hình phát triển và phân bố của một số ngành dịch vụ : giao thông vận tải, bưu chính viễn thông, thương mại, du lịch.  - Phân tích số liệu, biểu đồ để nhận biết cơ cấu và sự phát triển của ngành dịch vụ ở nước ta.  - Xác định trên bản đồ một số tuyến đường giao thông quan trọng, một số sân bay, bến cảng lớn. | | **8** |  | **Bài 15:**  Thương mại và du lịch  **Nội dung cần bổ sung** Phân tích được một số xu hướng phát triển mới trong ngành thương mại và du lịch.  **Phần sẽ được bổ sung:**  Dạy bổ sung vào bài 15 –phần I.2 và II.2 SGK Địa lí 9 hiện hành. | 1 | **8** | * SGK, * Bài dạy Powerpoint * Tập Bản Đồ 9 | Tại lớp | -Biết được cơ cấu và vai trò của ngành dịch vụ, đặc điểm phát triển và phân bố các ngành dịch vụ nói chung. Vẽ sơ đồ, giải thích sự phân bố ngành dịch vụ.  *-* Phân tích được một số xu hướng phát triển mới trong ngành thương mại và du lịch. | | **8** |  | **Bài 16:**Thực hành: Vẽ biểu đồ về sự thay đổi cơ cấu kinh tế | 1 | **8** |  | Tại lớp | Vẽ biểu đồ: thể hiện cơ cấu bằng biểu đồ miền.Giải thích được sự thay đổi cơ cấu của nước ta | | **9** |  | **ÔN TẬP** | 1 | **9** |  | Tại lớp | Kiến thức:Trình bày được sự phát triển và phân bố của các ngành kinh tế.  - Kỹ năng: +Vẽ biểu đồ tròn thể hiện cơ cấu của một ngành kinh tế.  + Xác định trên bản đồ các trung tâm công nghiệp, các vùng nông nghiệp, các sản phẩm ngành nông, lâm và ngư nghiệp, các đường giao thông, sân bay, hải cảng. | |  |  | **KIỂM TRA GIỮA KÌ I** | 1 | **9** |  | Tại lớp |  | |  | **Chủ đề 3: sự phân hóa lãnh thổ**  **(20 TIẾT )** | **Bài 17:Vùng trung du miền núi Bắc Bộ** | **1** | **10** | * SGK, * Bài dạy Powerpoint * Tập Bản Đồ 9 * Bản đồ Tự nhiên và kinh tế Vùng TD và Miền núi Bắc Bộ | Tại lớp | * Xác định được trên bản đồ vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng. Nêu ý nghĩa của chúng đối với việc phát triển kinh tế - xã hội . * Trình bày được đặc điểm TN, TNTN của vùng và những thuận lợi khó khăn đối với việc phát triển kinh tế - xã hội * Trình bày được đặc điểm DC-XH và những thuận lợi khó khăn đối với việc phát triển kinh tế - xã hội của vùng. | | **10** |  | **Bài 18:Vùng trung du miền núi Bắc Bộ (tt)** | 1 | **10** | * SGK, * Bài dạy Powerpoint * Tập Bản Đồ 9 | Tại lớp | * Trình bày được thế mạnh kinh tế ở Trung du và miền núi Bắc Bộ, thể hiện ở một số ngành công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp và sự phân bố của các ngành đó. * Nêu được tên các trung tâm kinh tế và các ngành kinh tế của từng trung tâm. | | **11** |  | **Bài 20: Vùng Đồng bằng sông Hồng**  **Nội dung cần bổ sung**  – Phân tích được vấn đề đô thị hoá ở Đồng bằng sông Hồng; vị thế của Thủ đô Hà Nội.  – Sưu tầm tư liệu và trình bày được về vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ.  **Phần sẽ được bổ sung:**  Dạy bổ sung vào bài 20, mục III - SGK Địa 9, hiện hành | **1** | **11** | * SGK, * Bài dạy Powerpoint * Tập Bản Đồ 9 * Bản đồ tự nhiên và kinh tế vùng Đồng bằng sông Hồng | Tại lớp | Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng.   * Phân tích được thế mạnh của vùng về TNTN đối với sự phát triển nông, lâm, thuỷ sản, vấn đề phát triển kinh tế biển. * Phân tích được đặc điểm dân cư, nguồn lao động và ảnh hưởng của các nhân tố này đến sự phát triển kinh tế-xã hội của vùng. * Phân tích được vấn đề đô thị hoá ở Đồng bằng sông Hồng, vị thế của Thủ đô Hà Nội. Sưu tầm tư liệu và trình bày được về vùng kinh tế BTB * Sưu tầm tư liệu và trình bày về vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ | |  | **Bài 21: Đồng bằng sông Hồng (tt):** | 1 | **11** | * SGK, * Bài dạy Powerpoint * Tập Bản Đồ 9 | Tại lớp | -Trình bày được tình hình phát triển kinh tế của vùng.   * Nêu được tên các trung tâm kinh tế lớn * Xác định trên lược đồ vị trí, giới hạn của vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ. * Phân tích biểu đồ, số liệu thống kê để hiểu và trình bày sự phát triển kinh tế của vùng. * Sử dụng lược đồ để thấy rõ các ngành kinh tế của vùng. | | **12** |  | **Bài 22: Thực hành vẽ và phân tích biểu đồ về mối quan hệ giữa dân số, sản lượng lương thực và bình quân lương thực theo đầu người** | 1 | **12** | * SGK, * Bài dạy Powerpoint * Tập Bản Đồ 9 | Tại lớp | * Phân tích được mối quan hệ giữa dân số, sản lượng lương thực theo đầu người để củng cố kiến thức đã học về vùng đồng bằng sông Hồng, một vùng đất chật người đông mà giải pháp quan trọng là thâm canh tăng vụ và tăng năng suất. * Trình bày được sự phát triển và phân bố kinh tế ở vùng Đồng bằng sông Hồng (sử dụng bản đồ và bảng số liệu). | |  | **Bài 23:Vùng Bắc Trung Bộ:**  **Nội dung cần bổ sung**  – Trình bày được vấn đề phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu ở Bắc Trung Bộ.  – Phân tích được thế mạnh về du lịch ở vùng Bắc Trung Bộ  **Phần sẽ được bổ sung:**  Dạy bổ sung vào bài 23, mục II và bài 24, mục IV.3 – SGK Địa lí 9 hiện hành). | 1 | **12** | * SGK, * Bài dạy Powerpoint * Tập Bản Đồ 9 * Bản đồ TN và kinh tế Vùng Bắc Trung Bộ | Tại lớp | * Nhận biết vị trí địa lý, giới hạn lãnh thổ và nêu ý nghĩa của chúng đối với việc phát triển kinh tế- xã hội. * Trình bày được đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên, đặc điểm dân cư, xã hội và những thuận lợi, khó khăn đối với sự phát triển kinh tế-xã hội của vùng. * Xác định được vị trí, giới hạn của vùng trên bản đồ. * Sử dụng bản đồ tự nhiên, dân cư, kinh tế để phân tích và trình bày về đặc điểm tự nhiên, dân cư của vùng Bắc Trung Bộ. * Trình bày được vấn đề phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu ở Bắc Trung Bộ. * Phân tích được thế mạnh về du lịch ở vùng Bắc Trung Bộ | | **13**  **13** |  | **Bài 24 : Vùng Bắc Trung Bộ (tt)** | 1 | **13** | * SGK, * Bài dạy Powerpoint * Tập Bản Đồ 9 | Tại lớp | * Trình bày được tình hình phát triển và phân bố một số ngành sản xuất chủ yếu : trồng rừng và cây công nghiệp, đánh bắt và nuôi trồng thuỷ sản ; khai thác khoáng sản ; dịch vụ du lịch. * Nêu được tên các trung tâm kinh tế lớn và chức năng chủ yếu của từng trung tâm. * Sử dụng bản đồ tự nhiên, dân cư, kinh tế để phân tích và trình bày về đặc điểm tự nhiên, dân cư, phân bố một số ngành sản xuất của vùng Bắc Trung Bộ. * Phân tích được thế mạnh về du lịch ở BTB. * Phân tích được vấn đề phát triển kinh tế biển ở BTB. | |  | **Bài 25: Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ**  **Nội dung cần bổ sung**  –Sử dụng sơ đồ tư duy để phân tích được ảnh hưởng của nạn hạn hán và sa mạc hoá đối với sự phát triển kinh tế – xã hội ở vùng khô hạn Ninh Thuận – Bình Thuận  **Phần sẽ được bổ sung:**  Dạy bổ sung vào bài 25, mục II - SGK Địa lí 9 hiện hành. | 1 | **13** | * SGK, * Bài dạy Powerpoint * Tập Bản Đồ 9 * Bản đồ TN và Kinh tế vùng Duyên hải Nam Trung Bộ | Tại lớp | * Nhận biết vị trí địa lí, giới hạn lãnh thổ và nêu ý nghĩa của chúng đối với việc phát triển kinh tế - xã hội. * Trình bày được đặc điểm tự nhiên và tài nguyên tự nhiên của vùng ; những thuận lợi và khó khăn của tự nhiên đối với phát triển kinh tế - xã hội. * Trình bày được đặc điểm dân cư, xã hội : những thuận lợi và khó khăn của dân cư, xã hội đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của vùng. * Xác định được vị trí, giới hạn của vùng trên bản đồ. * Phân tích số liệu thống kê, biểu đồ kinh tế, bản đồ tự nhiên, kinh tế để nhận biết đặc điểm tự nhiên, dân cư. * Sử dụng sơ đồ tư duy để phân tích được ảnh hưởng của nạn hạn hán và sa mạc hoá đối với sự phát triển kinh tế – xã hội ở vùng khô hạn Ninh Thuận – Bình Thuận | |  |  | **Bài 26: Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ**  **( tt)** | 1 | **14** | * SGK, * Bài dạy Powerpoint * Tập Bản Đồ 9 | Tại lớp | * Trình bày được một số ngành kinh tế tiêu biểu của vùng: nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ. * Nêu được tên các trung tâm kinh tế chính: Đà Nẵng , Quy Nhơn, Nha Trang. * Nhận biết vị trí, giới hạn và vai trò của vùng kinh tế trọng điểm miền Trung. * Phân tích được sự phát triển của một số ngành kinh tế thế mạnh của vùng (sử dụng bản đồ và bảng số liệu). * Trình bày được về vùng kinh tế trọng điểm miền Trung. * Củng cố sự hiểu biết về kinh tế biển ở cả hai vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ - Rèn kĩ năng đọc bản đồ, phân tích bảng số liệu thống kê liên kết không gian kinh tế Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ . | | **14** |  | **Bài 27: Thực hành: Kinh tế biển Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ** | 1 | **14** | * SGK, * Bài dạy Powerpoint * Tập Bản Đồ 9 | Tại lớp | * Củng cố sự hiểu biết về kinh tế biển ở cả hai vùng bắc Trung Bộ và duyên hải Nam Trung Bộ - Rèn kĩ năng đọc bản đồ, phân tích bảng số liệu thống kê liên kết không gian kinh tế Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ . | | **15** |  | **Bài 28: Vùng Tây Nguyên** | **1** | **15** | * SGK, * Bài dạy Powerpoint * Tập Bản Đồ 9 * Bản đồ Tự nhiên và kinh tế vùng Tây Nguyên | Tại lớp | * Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng. * Trình bày được các thế mạnh và hạn chế về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của vùng. * Nhận xét được đặc điểm dân cư, văn hoá của các dân tộc Tây Nguyên. | |  | **ÔN TẬP** | **1** | **15** |  | Tại lớp | * Ôn tập các kiến thức về TN, dân cư, kinh tế của các vùng kinh tế nước ta. * Rèn kỹ năng vẽ biểu đồ rút ra nhận xét. | | **16** |  | **ÔN TẬP** | **1** | **16** |  | Tại lớp | * Ôn tập các kiến thức về TN, dân cư, kinh tế của các vùng kinh tế nước ta. * Rèn kỹ năng vẽ biểu đồ rút ra nhận xét. | |  | **KIỂM TRA CUỐI KÌ I** | **1** | **16** |  |  | * Kiểm tra, đánh giá mức độ nắm vững kiến thức, kĩ năng cơ bản ở 3 cấp độ nhận thức: Biết, hiểu và vận dụng của học sinh sau khi học các nội dung về các vùng kinh tế | | **17** |  | Sửa bài |  | **17** |  | Tại lớp |  | |  | Sửa bài |  | **17** |  | Tại lớp |  | | **18** |  | **Bài 29: Vùng Tây Nguyên (tt)** | 1 | **18** | * SGK, * Bài dạy Powerpoint * Tập Bản Đồ 9 | Tại lớp | * Trình bày được sự phát triển và phân bố các ngành kinh tế thế mạnh của vùng Tây Nguyên; các vấn đề môi trường trong phát triển. | |  | **Bài 30: Vùng Tây Nguyên (tt)** | 1 | **18** | * SGK, * Bài dạy Powerpoint * Tập Bản Đồ 9 | Tại lớp | * Nắm được tình hình sản xuất các loại cây CN lâu năm ở Trung du và miền núi BB với Tây Nguyên. | | **HỌC KỈ II** | | | | | | | | | **19** | **Chủ đề 3:**  **phân hóa lãnh thổ (tt)**  **(6 TIẾT)** | **Bài 31: Vùng Đông Nam Bộ**  **Nội dung cần bổ sung**  – Trình bày được đặc điểm về dân cư, đô thị hoá ở vùng Đông Nam Bộ  – Phân tích được ý nghĩa của việc tăng cường kết nối liên vùng đối với sự phát triển của vùng  – Phân tích được vị thế của Thành phố Hồ Chí Minh  **Phần sẽ được bổ sung:**  Dạy bổ sung vào bài 31, mục III và bài 33 mục V SGK Địa lí 9 hiện hành | **1** | **19** | * SGK, * Bài dạy Powerpoint * Tập Bản Đồ 9 * Bản đồ Tự nhiên và kinh tế Vùng Đông Nam Bộ | Tại lớp | * Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng. * Trình bày được đặc điểm về dân cư, đô thị hóa ở vùng Đông Nam Bộ * Phân tích được đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên, các thế mạnh và hạn chế chính | | **20** |  | **Bài 32: Vùng Đông Nam Bộ** | 1 | **20** | * SGK, * Bài dạy Powerpoint * Tập Bản Đồ 9 | Tại lớp | * Trình bày được sự phát triển và phân bố một trong các ngành kinh tế thế mạnh của vùng (sử dụng bản đồ và bảng số liệu). | | **21** |  | **Bài 33: Vùng Đông Nam Bộ (tt)** | 1 | **21** | * SGK, * Bài dạy Powerpoint * Tập Bản Đồ 9 | Tại lớp | * Phân tích được ý nghĩa của việc tăng cường kết nối liên vùng đối với sự phát triển của vùng. * Phân tích được vị thế của Thành phố Hồ Chí Minh. * Tìm kiếm thông tin, viết báo cáo ngắn về sự phát triển của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. | | **22** |  | **Bài 35: Vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long**  **Nội dung cần bổ sung**  –Tìm hiểu thông tin và phân tích được tác động của biến đổi khí hậu đối với Đồng bằng sông Cửu Long; đề xuất giải pháp ứng phó.  **-Phần sẽ được bổ sung:**  (Dạy bổ sung vào bài 35, mục II- SGK Địa lí 9 hiện hành). | 1 | **22** | * SGK, * Bài dạy Powerpoint * Tập Bản Đồ 9 * Bản đồ Tự nhiên và kinh tế vùng Đồng bằng sông Cửu Long | Tại lớp | * Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng. * Phân tích được các thế mạnh và hạn chế về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của vùng. * Phân tích được đặc điểm dân cư; một số vấn đề xã hội của vùng. * Tìm hiểu thông tin và phân tích được tác động của biến đổi khí hậu đối với Đồng bằng sông Cửu Long; đề xuất giải pháp ứng phó. | | **23** |  | **Bài 36: Vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long** | 1 | **23** | * SGK, * Bài dạy Powerpoint * Tập Bản Đồ 9 | Tại lớp | * Trình bày được sự phát triển và phân bố một số ngành kinh tế thế mạnh của vùng (sử dụng bản đồ và bảng số liệu). * Trình bày được về vùng kinh tế trọng điểm vùng Đồng bằng sông Cửu Long. | | **24** |  | **Bài 37: Vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long (tt)** | **1** | **24** | * SGK, * Bài dạy Powerpoint * Tập Bản Đồ 9 | Tại lớp | * Rèn luyện kĩ năng vẽ và phân tích biểu đồ. Hiểu đầy đủ hơn ngoài thế mạnh lương thực thực phẩm vùng còn có thế mạnh về thủy sản. * Củng cố và phát triển kĩ năng xử lí số liệu thống kê và phân tích biểu đồ. * Xác lập mối quan hệ giữa các điều kiện với phát triển sản xuất của ngành thuỷ sản của đồng bằng sông Cửu Long. | | **25** | **Chủ đề 4 :**  **Biển đảo Việt Nam**  **( 3 TIẾT)** | **Bài 38: Phát triển tổng hợp kinh tế biển và bảo vệ môi trường biển đảo.** | 1 | **25** | * SGK, * Bài dạy Powerpoint * Tập Bản Đồ 9 * Bản đồ vùng biển và đảo Việt Nam | Tại lớp | * Trình bày được trên sơ đồ các vùng biển quốc gia; xác định trên bản đồ các huyện đảo và các tỉnh có các huyện đảo đó. * Trình bày được nội dung phát triển tổng hợp các ngành kinh tế biển; ý nghĩa của việc phát triển tổng hợp kinh tế biển đảo đối với việc bảo vệ tài nguyên, môi trường và giữ vững chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông. | | **26** |  | **Ôn tập** | 1 | **26** |  | Tại lớp | * Hệ thống lại các kiến thức:Về tiềm năng phát triển kinh tế, về mặt tự nhiên, dân cư - xã hội của Đông Nam Bộ và đồng bằng sông Cửu Long . | | **27** |  | **KIỂM TRA GIỮA KÌ II** | 1 | **27** |  | Tại lớp | * Kiểm tra, đánh giá mức độ nắm vững kiến thức, kĩ năng cơ bản ở 3 cấp độ nhận thức: Biết, hiểu và vận dụng của học sinh sau khi học các nội dung: Các vùng kinh tế | | **28** |  | **Bài 39: Phát triển tổng hợp kinh tế biển và bảo vệ môi trường biển đảo.(tt)** | 1 | **28** | * SGK, * Bài dạy Powerpoint * Tập Bản Đồ 9 | Tại lớp | * Phân tích được vấn đề khai thác tài nguyên, bảo vệ môi trường và giữ vững chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông. | | **29** |  | **Bài 40: Thực hành: Đánh giá tiềm năng kinh tế của các đảo ven bờ và tìm hiểu nhành công nghiệp dầu khí** | 1 | **29** | * SGK, * Bài dạy Powerpoint * Tập Bản Đồ 9 | Tại lớp | * Xác định được vị trí, phạm vi vùng biển Việt Nam. * Kể tên và xác định được vị trí một số đảo và quần đảo lớn từ Bắc vào Nam. * Phân tích bản đồ, sơ đồ, số liệu thống kê để nhận biết tiềm năng kinh tế của các đảo, quần đảo của Việt Nam, tình hình phát triển của ngành dầu khí. | | **30** | **Chủ đề 5:**  **Địa lý địa phương**  **(3 TIẾT)** | **Bài 41:Địa lí địa phương** |  | **30** | * SGK, * Bài dạy Powerpoint * Tập Bản Đồ 9 | Tại lớp | * Nhận biết vị trí địa lí và ý nghĩa của nó đối với phát triển kinh tế - xã hội. * Nêu được giới hạn, diện tích của tỉnh (thành phố) ; các đơn vị hành chính và trung tâm kinh tế chính trị của tỉnh (thành phố). * Trình bày được đặc điểm địa hình, khí hậu, thuỷ văn, đất, thực vật, khoáng sản của tỉnh (thành phố). | | **31** |  | **ÔN TẬP** |  | **31** |  | Tại lớp | * Củng cố lại kiến thức: tiềm năng kinh tế to lớn của biển, đảo Việt Nam, thế mạnh của kinh tế biển đảo. * Khả năng phát triển kinh tế của địa phương | | **32** |  | **KIỂM TRA CUỐI KÌ II** |  | **32** |  | Tại lớp | * Kiểm tra mức độ nhận thức của học sinh về đặc điểm tự nhiên, tình hình phát triển kinh tế của hai vùng Đông Nam Bộ và đồng bằng sông Cửu Long, vùng biển đảo Việt nam và đặc điểm tự nhiên địa phương | | **33** |  | **Sửa bài** |  | **33** |  | Tại lớp |  | | **34** |  | **Bài 42: Địa lí địa phương** |  | **34** | * SGK, * Bài dạy Powerpoint * Tập Bản Đồ 9 | Tại lớp | * Đánh giá được những thuận lợi và khó khăn của tự nhiên đối với phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh (thành phố). * Trình bày được đặc điểm dân cư: số dân, sự gia tăng, cơ cấu dân số, phân bố dân cư * Đánh giá được những thuận lợi, khó khăn của dân cư và lao động trong việc phát triển kinh tế - xã hội. * Trình bày và giải thích được những đặc điểm kinh tế của địa phương. | | **35** |  | **Bài 43:Địa lí địa phương** | 1 | **35** | * SGK, * Bài dạy Powerpoint * Tập Bản Đồ 9 | Tại lớp | * Xác định trên bản đồ vị trí địa lí của tỉnh (thành phố). * Phân tích số liệu, biểu đồ, bản đồ để biết đặc điểm tự nhiên, dân cư, kinh tế của tỉnh (thành phố). |   **2. Chuyên đề lựa chọn (đối với cấp trung học phổ thông)**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | STT | Chuyên đề  (1) | Số tiết  (2) | Yêu cầu cần đạt  (3) | | 1 |  |  |  | | 2 |  |  |  | | … |  |  |  |   **3. Kiểm tra, đánh giá định kỳ**  **Khối 9:**   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | Bài kiểm tra, đánh giá | Thời gian  (1) | Thời điểm  (2) | Yêu cầu cần đạt  (3) | Hình thức  (4) | | Giữa Học kỳ 1 | 45 phút | Tuần 9 | - Kỹ năng: biểu đồ (biểu đồ tròn, đồ thị), bản đồ.  - Dân cư, kinh tế chung.  - Một số ngành nông, công nghiệp và dịch c vụ quan trọng.  - Kỹ năng: Phân tích biểu đồ, các mối quan hệ địa lí để giải thích đặc điểm tự nhiên, dân cư, kinh tế. | Kiểm tra viết | | Cuối Học kỳ 1 | 45 phút | Tuần 16 | * Các kiến về tự nhiên, kinh tế, xã hội của của các vùng kinh tế.   - Kỹ năng: biểu đồ (biểu đồ miền, cột), bản đồ, bảng số liệu về đặc điểm tự nhiên, dân cư, kinh tế- xã hội. | Kiểm tra viết | | Giữa Học kỳ 2 | 45 phút | Tuần 27 | * Các kiến về tự nhiên, kinh tế, xã hội của của các vùng kinh tế. * Kỹ năng: biểu đồ miền, bản đồ, bảng số liệu, sơ đồ về đặc điểm tự nhiên, dân cư, kinh tế- xã hội. | Kiểm tra viết | | Cuối Học kỳ 2 | 45 phút | Tuần 34 | - Các kiến thức phát triển tổng hợp kinh tế biển.  - Kiến thức vè các vùng kinh tế.   * Kỹ năng: biểu đồ (biểu đồ miền,tròn), bản đồ, bảng số liệu, sơ đồ về đặc điểm tự nhiên, dân cư, kinh tế- xã hội. | Kiểm tra viết |   **III. Các nội dung khác (nếu có):**  .......................................................................................................................................................................................................  .......................................................................................................................................................................................................  .......................................................................................................................................................................................................  .......................................................................................................................................................................................................  .......................................................................................................................................................................................................   |  |  | | --- | --- | | **TỔ TRƯỞNG**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* | *…., ngày tháng năm 20…*  **HIỆU TRƯỞNG**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* | |